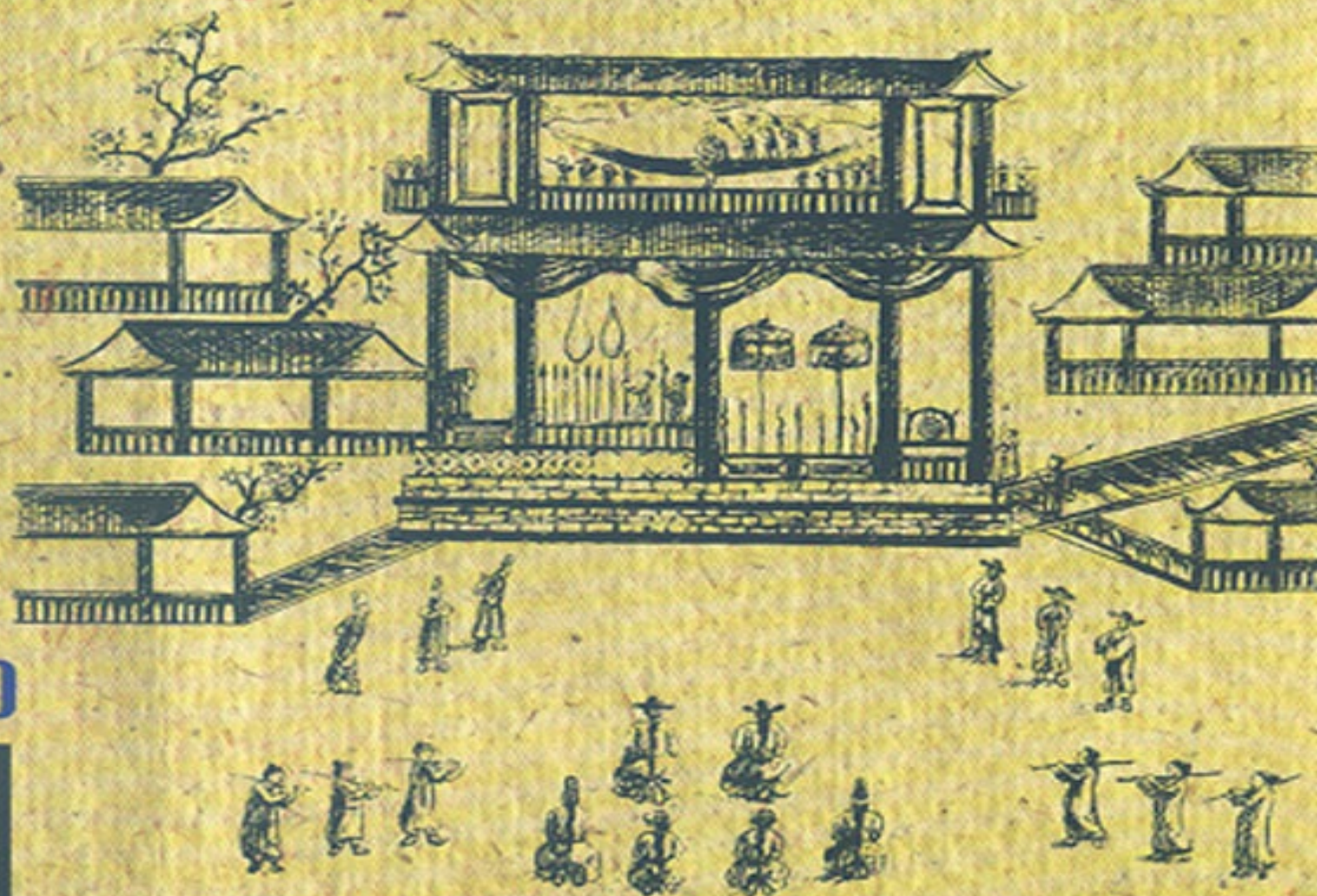


góc nhìn
sử Việt

Phan Trần Chúc

Cần Vương

Lê Duy Mật kháng Trịnh



"Lê tồn Trịnh tại, Lê bại Trịnh vong"

Xuất bản lần đầu năm 1941



Table of Contents

[Lời giới thiệu](#)

[PHO TƯỢNG NGỌC HOÀNG](#)

[ĐÊM BA MƯƠI TẾT](#)

[CÁI CỔ TIẾN SĨ](#)

[LÊN ĐƯỜNG](#)

[SẦY ĐÀN](#)

[TRONG ĐIỆN VẠN THỌ](#)

[TẤM LƯỚI CỦA HỌ TRỊNH](#)

[LÊ DUY MẬT VỚI ĐẶNG ĐÌNH BẬT](#)

[YÊN MẶC ĐẠO NHÂN](#)

[ĐỘNG TRÌNH QUANG](#)

[“THIÊN NAM ĐẾN TỬ”](#)

[TỦ SÁCH ALPHA DI SẢN](#)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lời giới thiệu

Bạn đọc thân mến!

Lịch sử văn hóa của một dân tộc không phải của riêng cá nhân nào, chính vì vậy, việc bảo tồn, gìn giữ và phát triển lịch sử văn hóa cũng không phải riêng một người nào có thể gánh vác được, nó thuộc về nhận thức chung của toàn xã hội và vai trò của từng nhân tố trong mỗi chặng đường lịch sử. Lịch sử là một khoa học. Lịch sử không phải là việc thống kê sự kiện một cách khô khan rời rạc. Bởi mỗi sự kiện trong tiến trình đó đều có mối liên kết chặt chẽ với nhau bằng sợi dây vô hình xuyên suốt không gian và thời gian tạo nên lịch sử của một dân tộc.

Dân tộc Việt Nam trải hơn một nghìn năm Bắc thuộc, gần trăm năm dưới ách cai trị của thực dân, đế quốc, nhưng con cháu bà Trưng, bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... vẫn kiên trì bền chí, tin tưởng ở quá khứ hào hùng, không ngừng tranh đấu hướng tới tương lai rộng mở vì độc lập tự do của đất nước.

Một dân tộc, một quốc gia muốn trường tồn và phát triển, ngoài việc đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, khoa học kỹ thuật, điều quan trọng hơn nữa là phải có một nền tảng giáo dục vững chắc. Trong đó, giáo dục về lịch sử và lòng tự hào dân tộc là cần thiết để ghi khắc trong tâm trí các thế hệ, đặc biệt là tầng lớp thanh niên, ý thức về nguồn gốc dân tộc, truyền thống văn hóa và nội lực quốc gia, đồng thời giúp định hình góc nhìn thấu đáo về vai trò của từng giai đoạn, triều đại và nhân vật - dù gây tranh cãi - tạo nên lịch sử đó.

Chính vì những giá trị to lớn đó, vấn đề học tập, tìm hiểu lịch sử nước nhà hiện đang là mối quan tâm hàng đầu của Nhà nước và toàn xã hội. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Quỹ Phát triển Sử học Việt Nam, Tạp chí Xưa và Nay... và rất nhiều những tổ chức khác đã và đang kiên trì con đường thúc đẩy sự phát triển của nền khoa học lịch sử quốc gia, phổ biến tri thức lịch sử, góp phần giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc tới toàn xã hội.

Đồng hành với mối quan tâm của toàn xã hội, Công ty Cổ phần Sách Alpha - một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, với tôn chỉ “Tri thức là sức mạnh” - đặc biệt quan tâm tới việc góp phần nâng cao hiểu biết của người dân về truyền thống văn hóa lịch sử đất nước.

Theo nhiều kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu của bạn đọc cho thấy, “lỗ hổng lịch sử” ở không ít người trẻ hiện nay hoàn toàn có thể bù lấp một phần dựa trên nhiều nguồn tư liệu, công trình nghiên cứu, sách cổ sách quý hiện đang được các Viện nghiên cứu, các tổ chức, cá nhân lưu giữ. Để chung tay tái hiện một cách rõ nét những mảnh ghép lịch sử dân tộc, Công ty Cổ phần Sách Alpha đã triển khai dự án xuất bản mang tên Góc nhìn sử Việt với mục đích xuất bản lại và xuất bản mới một cách có hệ thống các công trình, tư liệu, sách nghiên cứu, sách văn học có giá trị... về lịch sử, bước đầu hình thành nên Tủ sách Alpha Di sản.

Cuốn sách bạn đang cầm trên tay là một trong những sản phẩm đầu tiên của dự án này.

Xin trân trọng giới thiệu

CÔNG TY CP SÁCH ALPHA

PHO TƯỢNG NGỌC HOÀNG

Một buổi chiều về mùa đông năm Đinh Ty. Luồng gió bắc đưa lại những giọt mưa nhỏ xú, nhưng mau hạt, như hàng ức triệu mũi tên cùng gieo xuống mặt nước Tây Hồ.

Chùa Trấn Quốc, một thắng cảnh vào bậc nhất, nhì ở Thăng Long bị bao phủ trong tà áo hoàng hôn, chỉ còn lơ mờ như một hòn đảo nổi trên làn nước bạc.

Hồi chuông thu không vừa dứt tiếng, sư Trí Thông, vị sư trụ trì chùa này, cũng vừa cầm xong một tuần hương vào tất cả các ban thờ, ung dung khép cánh cửa chùa lại mà lui xuống tầng xá.

Trong chùa: im lặng. Cái im lặng nặng nề vì khí ẩm ướt của nước hồ và nước mưa, thỉnh thoảng mới bị khuấy động, vì tiếng xào xạc của mấy con chim sẻ không chịu nổi giá lạnh, ẩn ở nóc chùa.

Trên bệ gạch, Đức Phật Như Lai cũng như các vị Bồ Tát hình như đều ưng thuận cái vị trí mà mấy bác thợ ngỗng¹ đã định cho mình nên vẫn lẳng lẳng giương đôi mắt gỗ nhìn những luồng khói hương quẩn quai bốc lên mái nhà.

Duy có pho tượng Ngọc Hoàng khác hẳn.

Sau đôi mắt thủy tinh của đức Thượng đế vẫn có một đôi lòng đen liếc đi liếc lại, làm cho mỗi bên mắt pho tượng này có tới hai con người như mắt Tấn Văn Công đời Xuân Thu, nhưng chỉ có một con người chuyển động, còn con người thứ hai thì vẫn đứng liệt trên miếng thủy tinh. Đôi con mắt này chú ý vào tất cả những cử động của sư Trí Thông và hình như cũng chẳng muốn cho sự già có mặt lâu ở trong chùa nên khi cánh cửa vừa khép hẳn thì, Ngọc Hoàng Thượng đế liền biểu lộ sự nóng ruột bằng một hơi thở mạnh, làm rung động cả những tua vải ngũ sắc dính vào chung quanh cổ mũ bình thiên mà nhiều chỗ nước thiếp vàng đã tróc hẳn, để lộ ra màu vàng xạm của chất gỗ.

Nhưng pho tượng chỉ được hưởng sự phóng khoáng đó trong khoảnh khắc vì toàn thân tượng thốt lại trấn định như cũ, trừ đôi con mắt là phần vẫn giữ được cái sinh khí nồng nàn.

Phía ngoài, tiếp với những tiếng giày giòn giã nện xuống thềm gạch, cánh cửa chùa bỗng lại mở rộng. Một người ăn mặc rất giản dị bước vào. Người này vừa qua khỏi ngưỡng cửa được hai bước thì từ phía sau, đã lộ ra chiếc đầu nhẵn thín của sư cụ Trí Thông. Nhà sư từ dưới tầng xá nghe tiếng giày, hốt hải chạy lên. Khi khách quay lại, Trí Thông cố kìm hơi thở, chấp tay vái chào:

- Xin tướng công đại xá cho nhà chùa đã không sớm biết để ra nghinh tiếp.

- Sư cụ bất tất phải giữ lễ quá. Lúc này chúng ta còn có thời giờ đâu nữa mà để ý vào những lối thù tạc dung thường.

Vừa nói, khách vừa kéo tay sư cụ cùng tiến vào trước phật đài. Tới đó, sư cụ cung kính mời khách ngồi bên bệ gạch, còn tự mình thì lui xuống một tấm chiếu trải trên mặt đất.

- Các vị Hoàng tử và quan Đông Các Hiệu thư vẫn chưa đến ư?

Đưa mắt nhìn chung quanh mình, khách tự biết câu hỏi này là thừa, vì ngoài khách và sư cụ ra thì, trong chùa, không có ai khác là những pho tượng gỗ ngồi rất nghiêm trang mà chủ, khách, đều tin rằng chẳng lưu tâm gì đến những công việc dung tục của họ. Nhưng sự tin tưởng đó là lầm. Từ nãy đến giờ, pho tượng Ngọc Hoàng vẫn chòng chọc nhìn vào khách mà không bỏ sót một lời nói hoặc một cử chỉ nào. Pho tượng ấy có lẽ còn biết rõ khách hơn cả sư cụ Trí Thông. Vì pho tượng biết rằng hôm nay, khách mặc chiếc áo vải xanh của kẻ dân thường là cốt để che mắt người ngoài. Vì, ở vào địa vị khách, áo mặc hằng ngày, ít ra cũng phải là cẩm sa hay bắc đoạn. Khách tuy mới chừng năm mươi tuổi, nhưng coi rất đạo mạo. Khổ người tầm thước đồ lầy một khuôn mặt vuông vắn, tuy đã điểm vài nếp nhăn nhưng nước ra rất hồng hào. Để làm giới hạn cho khuôn mặt ấy, Hóa Công điểm ba chòm râu thật dài làm cho dáng người đã có

vẻ phong lưu lại càng thêm đài các.

Với dáng người ấy và bộ mặt ấy, nếu vấn vương khăn thô và một cái áo vải có thể giấu được chân tướng của khách thì, hai bàn tay cũng là một bản cáo trạng rất hùng hồn. Vì hai bàn tay có những ngón nhỏ nhắn và móng để rất dài, khiến cho cử chỉ của khách nhiều khi hơi ngượng nghịu.

Khách vừa uống cạn chén trà do sự cụng kính dâng lên thì, chợt lại có tiếng kẹt cửa, rồi lần lượt có tới hai chục người nữa, chia thành từng bọn lảng lảng bước vào. Đến trước vị quý khách ngồi trên bệ, ai nấy đều kính cẩn vái chào, rồi người thì bước vào chiếu của sư Trí Thông, kẻ thì ngồi các chiếu bên, coi cử chỉ của mỗi người, người ngoài cũng có thể phân biệt được là ở vào giai cấp tôn quý hay trong hàng ty thuộc.

Vị quý nhân đến trước nhất, sau khi đã đưa mắt nhìn chung quanh mình và nhận ra rằng những người mà mình vẫn phải chờ đến đông đủ cả, liền đồng dục nói:

- Nhà Lê chúng ta kể từ hồi Trung Hưng đến bây giờ, thối thoát đã gần hai trăm năm. Liệt Thánh nối nhau trị vì, đến Đức Kim Thượng ta là đúng 15 đời vua. Trong khoảng gần hai thế kỷ, cuộc đời đã xảy ra biết bao nhiêu cuộc biến thiên, thế mà giang sơn vẫn không di dịch, là vì dân nước nhớ mền công đức của nhà Lê.

Họ Trịnh không hiểu như thế mà cũng chẳng nghĩ đến đạo vua tôi: Chúng cậy có công phù lập, ức chế nhà vua, thậm chí hoàng tộc bị chúng khinh bỉ, triều đường như chợ không người; chính quyền và quân quyền về hết cả bên Trịnh phủ. Nhà vua thế lực mỗi ngày một yếu, mong lấy yên thân cũng chẳng được nào. Trịnh Tùng hại đức Kính tôn, Trịnh Tạc ức vua Thần tôn. Gần đây hơn nữa, Trịnh Giang vu cho vua ta tư thông với con Kỳ viên phi là thiếp yêu của cha hắn² mà giáng xuống làm Hôn đức công, rồi âm mưu hãm hại³... Vây cánh của họ Trịnh, vì đó càng ngày càng đông, thiên hạ không ai biết đến vua Lê nữa mà chỉ biết có chúa Trịnh. Cũng vì vậy nên họ Trịnh được tự ý phế lập, một mình Trịnh Giang đặt và bỏ có tới hai ba bốn đời vua. Cái tâm địa độc ác của hắn dù bọn Vương Mãng và Đổng Trác đời xưa, cũng không ví kịp.

Đức vua đã bị họ Trịnh rẻ rúng và giết hại thì hoàng tộc chúng ta có khác gì cá nằm trên thớt, quyền sinh sát đã bị chúng nắm ở trong tay, không lẽ chúng ta chờ chết hay sao? Vậy ai là người có tâm huyết đều phải vì nước liều mình để diệt họ Trịnh mà khôi phục lại chính quyền cho nhà Lê. Việc dù thành hay không, chúng ta cũng vẫn lưu được một tiếng thơm trong sử sách.

Bây lâu chúng ta vẫn ngậm hờn mà ẩn nhẫn, cốt ý là để đợi thời. Vậy nên gian thần Trịnh Giang và đảng của hắn là Hoàng Công Phụ đã lộng hành quá lắm, dân chúng đều oán họ Trịnh đến cốt tủy. Tôi muốn nhân cơ hội này mà khởi nghĩa. Vậy ý các ông thế nào, xin cho được biết.”

Dứt câu nói của quý nhân mà mỗi tiếng đều có sức làm rung động đến tim óc của mọi người, ngôi chùa tịch mịch lại trở lại cái yên lặng nặng nề. Phía ngoài, mưa gió và sương mù đã dần dần thu nốt những tia sáng yếu ớt của hoàng hôn và đẩy cả Tây Hồ vào bóng tối.

Đón đả như tất cả những người đã được cái vinh hạnh có quý khách đến nhà mình, sư Trí Thông lần lượt rọi một mối lửa vào tất cả những cây đèn dầu lạc đứng ngất ngưỡng trên Phật đài. Nhà sư lại lựa lấy một cây đèn sáng nhất mà kính cẩn đặt lên chiếu của quý nhân.

Trong bầu không khí mà các ánh nhạt của những ngọn đèn dầu chẳng đủ xua đuổi được hết bóng đen tối, một người tiến đến trước quý nhân, chấp tay thưa:

- Chúng tôi nối đời ăn lộc của nhà Lê, tự biết có nghĩa vụ phải quên cả tính mệnh để đền ơn nước. Nhưng xét mình không có tài cán gì cả, sợ bạo động không khởi có sự lầm lỡ đến việc lớn. Nay được Tướng công là bậc Hoàng thúc và hai vị Hoàng tử dẫn đường chò thì dù có phải tan xương nát thịt để làm trọn đạo thần tử, chúng tôi cũng không dám từ. Nhưng vẫn còn phải có đầu, một việc quan trọng như việc này, không lẽ không ai giữ trách nhiệm về việc chủ trương. Vậy xin hai vị Hoàng tử và tất cả các bạn đồng chí cùng suy tôn Tướng công làm minh chủ và

thề cùng với Tướng công cùng sống chết.

Tiếp với câu nói này, mọi người cùng nhao nhao lên tán thành:

- Ông Vũ Công Thế nói phải, xin suy tôn Tướng công làm minh chủ.

Kéo mạnh một hơi thuốc, rồi đặt xe điều xuống chiếu, người mà hội đồng suy tôn làm minh chủ ung dung nói:

- Nếu là một việc dễ dàng mà các ông có lòng yêu đề cử cho thì tôi vui lòng nhận ngay. Song Cần vương là việc có quan hệ lớn đến vận mệnh của Hoàng gia và nhà nước. Chủ tướng phải là người trẻ trung khỏe mạnh và mưu trí hơn người. Tôi già rồi thật không đương nổi chức ấy.

Nhìn sang hai thiếu niên ngồi riêng ra một chiếu, quý nhân nói tiếp:

- Chúc minh chủ xin nhường hai Đức ông đây, vừa là huyết mạch của Tiên Hoàng, vừa là những vị thiếu niên anh hùng mà thiên hạ nghe tên đều mến phục.

Hai thiếu niên từ nãy vẫn không ai để ý, nay được quý nhân đả động đến thì, mọi người cùng chăm chú nhìn vào. Trở vào thiếu niên ngồi gần mình, quý nhân giới thiệu:

- Đức ông đây là Hoàng đệ Lê Duy Quy.

Và chỉ người ngồi đối diện với Duy Quy.

- Còn Đức ông là Hoàng đệ Lê Duy Mật.

Khi mọi người đều biết rằng hai thiếu niên đều là em ruột của Lê Đế Duy Phương, ông mà đã bị Trịnh Giang hãm vào một cái chết nhơ nhuốc và khốc liệt thì, ai nấy đều vì luyến mộ người chết mà tỏ một mối cảm tình đầm thắm với những người còn. Đã vậy, hai vị Hoàng tử lại có những diện mạo và cử chỉ xứng đáng với mối cảm tình ấy.

Duy Quy, chừng ba mươi tuổi, tuy sinh trưởng ở nơi quyền quý, nhưng ăn mặc rất sơ sài: đầu chít khăn nhiễu tam giang nhiều nếp, mình mặc áo lụa màu huyền. Y phục đó rất hợp với cái dung mạo của chàng: từ con mắt êm dịu đến cái miệng tươi tắn đều tỏ vẻ hiền lành; lại thêm nước da trắng để lẫn lên nhiều sợi gân xanh, khiến cho trong cái hiền lành ấy có ẩn vẻ yếu ớt.

Duy Mật khác hẳn.

Vị Hoàng tử này chưa đầy hai mươi tuổi. Nhưng thân thể to lớn không kém gì những người đã phát triển hoàn toàn. Cứ coi những bắp thịt vạm vỡ và nước da hồng hào, người ta cũng biết rằng Duy Mật luyện các môn võ nghệ và có sức khỏe hơn người. Chàng chít khăn yếm vĩ, hai đầu mối vểnh lên trời ăn khớp với đôi con mắt xếch và lông lánh như hai vì sao. Cái miệng rộng rãi của chàng viền bằng hai chiếc môi đỏ thắm, đỡ lấy một cái mũi to, nhưng đều đặn. Dung mạo Duy Mật đẹp, song là vẻ đẹp hùng hậu của những viên hổ tướng về đời xưa. Tiếng chàng nói lạnh lạnh như tiếng đồng. Nó có cái uy lực đè lấp cả tiếng người chung quanh, không cứ là ở đám đông nào cũng vậy.

Khi thấy Lê Duy Chúc – vị quý nhân ngồi chiếu trên – nhường ngôi minh chủ cho anh em mình thì Duy Quy hai vành tai đỏ ra hung đỏ, then thùng không biết nói thế nào. Thấy anh lung túng, Duy Mật nhanh nhẩu đỡ lời:

- Tướng công là bậc Hoàng thúc, lại đứng vào ngôi cực phẩm nhân thần, các bạn đồng chí suy tôn làm minh chủ là đích đáng lắm. Xin tướng công vì sự an nguy của nước nhà mà nhận cho.

Một lần nữa, cử tọa lại nhao nhao lên tán thành. Thế không thể từ chối được, Hoàng thúc Lê Duy Chúc phải ưng thuận và mới các đồng chí làm lễ tuyên thệ.

ĐÊM BA MƯƠI TẾT

Trong lúc mọi người chỉnh đốn khăn, áo để dự lễ thì sư già Trí Thông cũng cúi húi thắp một nắm hương bỏ vào cái lư đồng đặt trên một cái hương án mà nhà sư đã hì hục kê từ buổi trưa ở gian bên. Trên hương án, ngoài hương, hoa và đèn nến ra, có bày một cái bát cổ Giang Tây trong chứa máu loãng hòa với rượu.

Xếp đặt xong, Duy Chúc đến trước án, rót một tuần rượu, lạy bốn lạy, rồi nghiêm trang nói:

- Trước linh vị của Lê triều Liệt thánh, tôi là Lê Duy Chúc cùng với các bạn đồng chí là Duy Quy, Duy Mật, Vũ Công Thế, Vũ Thước... tất cả hai mươi người uống máu ăn thề, nguyện cùng nhau sống chết để trừ bọn gian thần và tôn phù nhà Lê. Nếu ai không giữ lời thề hoặc đem lòng phản trắc xin trời tru đất diệt.

Dứt lời Duy Chúc cầm một cái chén vục vào bát máu lấy một ít mà uống, rồi lễ tạ, bước ra.

Bọn Duy Quy, Duy Mật cũng theo khuôn mẫu của Duy Chúc mà lần lượt uống máu ăn thề.

Lễ xong, mọi người quay về chỗ cũ để bàn việc khởi sự. Trao đổi ý kiến hồi lâu, cử tọa quyết định mưu sự vào giờ Tý ngày ba mươi tháng Chạp năm Đinh Ty. Vì – theo lời chúc Đông Các Hiệu thư là Vũ Công Thế - cần phải dùng cái thế “công kỳ vô bị”. Ngày ấy các tướng hiệu cũng như quân lính trong Trịnh phủ phần nhiều xin nghỉ về quê ăn tết Nguyên đán. Người nào còn lại thì cũng để ý vào rượu chè, cờ bạc, nhiều hơn là việc canh phòng. Đảng Cần Vương sẽ thừa lúc phái địch không phòng bị mà đốt Trịnh phủ và cướp lấy Kinh thành, khi nào đã chiếm được thành Thăng Long và giết Trịnh Giang rồi đảng Cần vương sẽ tôn lên vua Lê xin xuống chiếu “nhất thống thiên hạ”. Như vậy, những vây cánh của họ Trịnh, nếu có muốn cự quỹ cũng khó lòng. Thắng hoặc có kẻ nào nổi lên, triều đình sẽ phái quân đi đánh dẹp.

Duy Chúc chuẩn kế ấy, liền cắt đặt công việc cho mỗi người.

Lê Duy Quy cùng với một viên vũ tướng là Hà Quốc Uy mang năm mươi thủ hạ ăn mặc giả làm dân quê ẩn ở phường Vũ Thạch, chờ đến giờ Tý thì cùng nổi dậy, giết quân canh cửa ô Cự Lâu (Trường Tiền) và mở cửa ô.

Vũ Công Thế và Vũ Thước mang đội Cẩm vệ thân quân là một đội quân túc vệ do Vũ Thước làm Vệ úy – hiện đóng ở Thịnh Hào, do cửa ô Cự Lâu (Trường Tiền) vào đốt Vương phủ và bắt Uy Nam Vương (Trịnh Giang)

Lại Thế Tế mang 50 tên quân Hồ nhuệ đến vây bắt viên Chương phủ là Bào quận công Hoàng Công Phụ.

Minh chủ là Lê Duy Chúc thì cùng với Lê Duy Mật và một số đồng chí chờ ở quán Nghinh Xuân, để tiếp ứng và khi đã thành công rồi, thì vào Nội điện tâu với Hoàng đế xin ban chiếu “nhất thống thiên hạ”.

Cắt đặt xong thì trong phường Yên Hoa vọng ra tiếng gà gáy đã mau. Trên cửa ô An Hòa hồi trống đổi canh cũng dồn mạnh, tỏ ra rằng trời sắp sáng. Sợ để sáng rõ có khi bại lộ, nên mọi người cùng vội vã cáo biệt sư cụ Trí Thông mà ra về để lo những việc trong phần sự của mình. Sư Trí Thông suốt từ chiều hôm trước phải lo việc thù tiếp các quan khách và không biết bao nhiêu việc khác nữa chẳng dính líu gì với Phật Thích Già, cũng ngáp dài vài cái rồi tắt đèn, xuống tầng xá nghỉ.

Khi trong chùa đã vắng ngắt và tiếng giầy của quan khách cũng không còn vang đến đây nữa thì, pho tượng Ngọc Hoàng đã lâu chúng ta không lưu tâm đến, lại phát ra một hơi thở mạnh, hình như để đốc cho hết không biết bao nhiêu nỗi khó chịu từ lâu vẫn chứa chất trong mình.

Tiếp với hơi thở, toàn thân pho tượng rung động, hình như Đức Ngọc Hoàng thượng đế của chùa Trấn Quốc cũng muốn đứng dậy mà theo quan khách vào thành. Song, chỉ trong giây phút, pho tượng lại ngồi im. Lưng tượng bỗng bật ra một tấm gỗ con, rồi một người từ trong

tượng chui ra. Người này búi lại mớ tóc vừa bị xổ rối, rồi vươn vai để giải phóng cho những gân cốt đã bị tù hãm suốt một đêm trời.

Người này thân hình nhỏ bé: từ gót chân lên đến búi tóc chỉ gọn lỏn chừng sáu gang tay. Nếu tình cờ mà hấn có làm nên to, các thầy tướng tất phải tán dương là vì hấn đã có tướng ngũ đoản, nếu tay hấn không dài quá, đến trùm lên đầu gối.

Sau khi đã quấn lại chiếc khăn vành dây mà hấn buộc tạm làm thắt lưng trong lúc ngồi chồm chồm phía trong pho tượng Ngọc Hoàng, hấn vuốt mấy sợi râu thưa thớt, rồi cười một mình:

- Bác Lê Duy Chúc này táo gan thật. Giết chúa Trịnh, bắt quan Chương phủ, đốt phá kinh thành. Phát giác ra được ngần ấy việc, dù họ phong cho Trương Tiềm này đến tước Quận công cũng còn là ít.

Trương Tiềm – tên hấn – là một trong bầy chó săn rất đông đúc mà viên Chương phủ Hoàng Công Phụ thả ra ở đô thành. Cái công việc của chúng là đi dò xét những người có chí đánh đổ chúa Trịnh hoặc viên quan hoạn họ Hoàng là người hiện đương giữ chính quyền để về tâng công với chủ. Trương Tiềm cũng là nội giám như Hoàng Công Phụ và là một gián điệp rất tinh quái, nên được Phụ rất tin yêu. Đối lại, Tiềm cũng không phụ lòng ủy cậy của chủ mình. Chính Tiềm đã tố giác việc Nguyễn Công Hãng xin Nhân vương (Trịnh Cương) bãi ngôi thế tử của Trịnh Giang. Rồi lại cũng Tiềm đã tố giác việc Lê Anh Tuấn mưu với các quan đại thần bài trừ viên Chương phủ họ Hoàng. Bởi có những kỳ công ấy nên từ một tên quan hoạn ngu dốt Trương Tiềm đã được thăng lên chức Đô chỉ huy sứ, tước Sơn Thọ bá.

Lắp miếng gỗ vào lưng pho tượng Ngọc Hoàng, để cho tượng được trơn tru như cũ, Trương Tiềm vỗ vào vai tượng, nhoẻn cười:

- Cám ơn đức Ngọc Hoàng Thượng đế. Nhờ ngài mà tôi có chỗ trú chân được một đêm. Nhưng chỉ ái ngại cho đệ tử của ngài là sư cụ Trí Thông. Sư cụ phen này hấn được đi đường tắt để sang Tây Trúc.

Rồi đó, Trương Tiềm sẽ lách cửa mà rón rén bước ra khỏi chùa. Hấn do theo bức thành cổ Đại La, thung thính về ô Thụy Chương. Tới cửa ô, mấy tên lính canh thấy Trương Tiềm đều chấp tay vái chào. Tiềm hỏi han mọi người, rồi hớn hở đi thẳng về Vương phủ.

Tới Nghị sự đường là một tòa lâu đài lập ngay ở cửa phủ, Trương Tiềm bất giác ngừng lại và để ý trông các nha lại và quân lính đương tấp nập ra vào, rồi thỉnh lình nhận ra một viên nội giám trong bạn thân của mình, Tiềm tiến lên mấy bước, co tay người ấy lại, hỏi:

- Quan Chương phủ đã vào chầu chúa hử, tôn huynh?

Viên nội giám mỉm cười, trở một cổ kiệu tam hồng, để ở cửa phủ, bảo Trương Tiềm:

- Quan bác không nhận ra là kiệu ai để kia ư?

Trương Tiềm gật đầu, buông bạn ra, rồi rẽ đám quân lính mà đi thẳng vào Tả xuyên đường là chỗ Hoàng Công Phụ phê phán các công việc hàng ngày. Tới thềm, Tiềm rón rén đứng vào một góc cột, lẫn với mấy cậu lính đương chờ sai phái.

Hoàng Công Phụ đương đọc một tập công văn, chợt ngẩng lên, trông thấy Trương Tiềm và vẻ mặt ngượng ngịu của hấn, thì hắt hàm, ra ý hỏi là hấn muốn bẩm gì?

Tiềm tiến lên mấy bước, sẽ thưa:

- Gửi tướng công, sắp có một việc biến cố rất lớn.

Phụ nghiêm sắc mặt, vội hỏi:

- Thế nào là việc biến cố rất lớn?

Tiềm vừa toan trả lời, chợt lại rụt rè và đưa mắt nhìn chung quanh mình.

Phụ hiểu là việc cơ mật liền đuổi các liêu thuộc ra và gọi Trương Tiềm đến cạnh mình.

Khi mọi người đã ra khỏi, Trương Tiềm liền mang tất cả những việc đã do thám được đem trước bẩm với viên Chương phủ họ Hoàng.

Công Phụ tuy đứng đầu các quan võ, nhưng chẳng hiểu nghệ thuật của Khương Thái Công là gì, nên khi mới nghe nói bọn Lê Duy Chúc định đốt Vương phủ, giết chúa Trịnh và bắt mình thì lười lười lại và nước da tái nhợt.

Trương Tiềm vốn hầu hạ Công Phụ đã lâu nên hiểu rõ tính tình viên Chương phủ, vội thưa.

- Nhà nước còn có tướng tá, có quân đội, nếu tướng công muốn dẹp chúng, tướng cũng chẳng khó gì.

Hoàng Công Phụ sực tỉnh ngộ, xoa tay nói:

- Những kẻ bé người xưa nay vẫn nhiều mưu. Anh quả đã không phụ lòng ta ỷ trọng.

Công Phụ lại mở tráp lấy 10 lạng vàng mà thưởng cho Trương Tiềm, rồi truyền cho hần về chục sẵn ở dinh mình. Tiếp, cho một triệu viên Thự phủ là Thự quận công Dương Trọng Liêu vào phủ để cùng bàn mưu đối phó.

CÁI CỔ TIẾN SĨ

Đêm Trừ tịch.

Một đêm mưa phùn và tối mịt, trừ một vài phường như Đông Các, Đồng Xuân chẳng hạn, là nơi cư dân đông đúc, người ta còn thấy ánh sáng le lói của những ngọn đèn dầu lạc treo lủng lẳng trên các cây nêu. Song những ánh sáng ấy chẳng đủ xé toang được cái màn tối xăm của đêm ba mươi, về cuối mùa đông.

Cho đến giờ Dậu, thiên hạ còn đi sắm tết nên đô thành náo nhiệt, dù những ngày đại hội cũng không bằng. Nhưng từ giờ Tuất trở đi thì phố phường vắng teo, hãn hoặc mới có một vài toán lính đi tuần và mấy kẻ hành khất về chậm, thất thểu do các cửa ô ra bãi Cờ Xá. Nhưng khi đã gần đến giáp canh thì trong phố không còn một ai qua lại. Tiếng cầm canh ở các điểm cũng uể oải, chỉ hơi mạnh hơn tiếng ngáy của mấy cậu túc vệ vừa được hết phiên.

Lê Duy Quy, Hà Quốc Uy và năm mươi lực sĩ nấp trong một tòa miếu cổ gần ô Trường Tiền, vừa uống cạn ấm nước chè tươi thì tại chùa Báo Thiên đã lên chuông giao thừa. Tiếng chuông vang động ở giữa đêm tối trời và tịch mịch nêu có vẻ oai nghiêm và huyền bí. Tiếp với chùa Báo Thiên – vì ở liền với Vương phủ nên được dân đô thành coi như đứng đầu tất cả các am thiền của thành Thăng Long – các chùa khác đồng thời cũng hưởng ứng bằng tiếng chuông đồng. Rồi tiếng chuông chùa và tiếng pháo mừng xuân hòa lẫn với nhau, kinh thành bỗng trở nên om sòm, mà từ xa, không ai có thể phân biệt được là do những tiếng gì góp lại.

Nhanh nhẹn như tất cả những thiếu niên chuyên trị về nghề võ, Hà Quốc Uy cầm chiếc đoản đao đứng dậy. Lê Duy Quy và 50 lực sĩ cùng mỗi người cầm một món khí giới đứng lên theo. Cả bọn đi về phía ô Trường Tiền. Tới cửa ô, Duy Quy chỉ huy ba mươi người vây bọc ở ngoài, còn Hà Quốc Uy thì mang thủ hạ hăng hái xông vào, định giết bọn lính canh. Nhưng cuộc bố trí đó là thừa. Vì trong ô vắng ngắt, lính canh không rõ đã bỏ đi đâu từ trước.

Cả bọn còn đương bàng khuâng, chưa biết xử trí thế nào thì đội Cẩm vệ do Vũ Công Thế và Vũ Thước đi đầu, đã xông xộc từ ngoài ô mà bước vào thành.

Duy Quy và Quốc Uy mừng rỡ, vội nhập bọn ngay với Vũ Công Thế cùng đi về phía Tây. Tới cửa Trinh phủ, lại cũng chỉ thấy vắng ngắt nên ai nấy đã phát nghi. Song cố làm ra vẻ thản nhiên, Công Thế cắt đặt việc vây phủ và sai quân phóng hỏa quảng vào. Nhưng mệnh lệnh vừa bắt đầu thi hành thì từ đằng xa, Lại Thế Tế hót hải chạy lại, nói mình cùng với thủ hạ vừa định vào bắt Hoàng Công Phụ, thì quân mai phục của viên Chương phủ đã đổ ra mà đánh trước rồi. Lại Thế Tế chỉ chạy thoát được có một mình còn bộ hạ đều tan nát cả.

Công Thế sợ nghĩ việc cửa ô Cựu Lâu (Trường Tiền) không có người canh và quan Lại Thế Tế bị đánh tất là do sự cơ đã bại lộ mà sinh ra. Song đã đến lúc này, thì thoái cũng chẳng được nào, nên đành cứ thúc quân vào đốt phá Vương phủ. Nhưng chỉ trong chớp mắt thì, trong phủ phát ra một tiếng pháo lệnh, rồi cửa phủ mở toang. Hàng trăm bó đuốc từ trong ánh ra. Một viên tướng trẻ tuổi mặc áo giáp bạc cưỡi voi hăng hái tiến ra, phía sau có hàng nghìn quân thiết đột.

Công Thế hoảng sợ, quay lại bảo Vũ Thước:

- Nguy mất rồi, Hoàng Nghĩa Bá mang quân ra dẹp thì ta khó mà địch nổi được nào.

Công Thế vừa dứt lời thì lại bùng lên một tiếng pháo lệnh thứ hai. Về phía hồ Hoàn Kiếm cũng đuốc sáng rực trời. Một viên tướng mặc áo giáp đỏ mang vệ quân “Kim Ngô” tiến vào.

Vũ Thước quay ra, buột lên mấy tiếng:

- Quân Văn Đình Dận!

Bị hai viên hổ tướng đánh áp vào hai mặt, đội thân quân của Vũ Thước cũng như các lực sĩ của Hà Quốc Uy tan vỡ như một đàn ong. Quốc Uy bất đắc dĩ phải dắt Lê Duy Quy chạy xuống Giao đàn mà đi về phía Nam. Bọn Vũ Công Thế, Vũ Thước và Lại Thế Tế chạy sang phía Tây,

định đến Nghinh Xuân đài để họp với Lê Duy Chúc và Lê Duy Mật. Nhưng ba người vừa đến ngang Vọng Tiên quán thì đội Thị hậu đã từ trong bóng tối đổ ra. Đi đầu là một viên tướng người nhỏ xíu. Thấy bọn Công Thế lúng túng, đương tìm lối để thoát thân thì viên tướng đó gọi to:

- Quan Đông Các Hiệu thư đừng chạy nữa. Ngài có biết buổi họp ở chùa Trấn Quốc đêm hôm hai mươi năm Tết, còn có người nào dự nữa không? Người ấy chính là tôi đây. Tôi phải ẩn ở trong pho tượng Ngọc Hoàng nên không được cùng với các ngài bàn mưu khởi sự. Xin quan Đông các Hiệu thư xá lỗi.

Nói xong Trương Tiềm phá lên cười, trong lúc đó thì đội quân Thị hậu cũng vừa túm được ba người mà trời lại.

Biết rằng Trương Tiềm đã phát giác cơ mưu của mình, Vũ Công Thế giận đầy lên đến cổ, nghiến răng nói:

- Thằng Trương Tiềm khốn nạn thật! Sống, tao chẳng băm vằm được mày, chết, tao quyết làm cho mày đến cực kỳ điêu đứng.

Trương Tiềm giả như không nghe thấy câu hăm dọa đó, truyền quân giải bọn Vũ Công Thế đến nộp viên Chương phủ Hoàng Công Phụ, hiện đã chờ sẵn ở Vương phủ.

Lê Duy Chúc, Lê Duy Mật và một số đồng chí chức ở đài Nghinh Xuân đã gần một trống canh, chợt được tin Lê Duy Quý đã mở được cửa ô mà không phải đánh chác gì cả, thì ai nấy đều vui mừng. Tiếp, lại có tin báo là Vũ Công Thế đã mang thân binh vào vây Vương phủ thì yên chí rằng cuộc đắc thắng chỉ còn cách một gang tay. Nhưng đến khi được tin Lại Thế Tế không bắt nổi Hoàng Công Phụ và quân đã bị đánh tan nát thì, Lê Duy Mật tức giận, thúc ngựa tiến lên, định để giúp Vũ Công Thế đánh phá Vương phủ. Nhưng Duy Mật mới đi được vài trăm bước thì chợt gặp cánh quân Văn Đình Dân từ phường Báo Thiên tiến lại. Duy Mật giao chiến với Đình Dân hàng ba mươi hợp không phân được thua. Không ngờ trong lúc đánh nhau đương hăng, thì lại có quân của Hoàng Nghĩa Bá kéo đến ầm ầm. Biết rằng dăm chục người chẳng khi nào thắng được hàng mấy nghìn quân, đảng Cần Vương tự nhiên vỡ chạy mỗi người một phía. Thế không thể cản được, Duy Mật cũng phải phù Duy Chúc chạy trốn. Ra đến bờ sông, hai người bắt gặp Trần Kiện Nhi là một tỳ tướng của Vũ Công Thế cũng hốt hoảng vừa chạy tới nơi. Cả ba cùng phải bỏ ngựa lại mà cướp lấy một cái thuyền con, để qua dòng sông Nhị.

Khi ngồi dưới dờ. Trần Kiện Nhi liền mang việc Vũ Công Thế bị hãm và bị bắt thuật lại cho Duy Chúc và Duy Mật nghe. Kiện Nhi lại khuyên hai người lánh sang Kinh Bắc để tránh cuộc truy nã của quan quân. Nhưng Duy Chúc bùi ngùi nói:

- Vũ tiên sinh và hai bạn đồng chí bị bắt, chưa rõ sống chết thế nào. Nếu ta bỏ mặc mà cầu lấy yên thân thì đành lòng sao được.

Duy Mật cũng cho ý ấy là phải, nên bàn với Duy Chúc hãy tạm lánh vào nhà một người nội giám cũ là Hoàng Mộng Lương, nhà ở ven sông.

Từ dưới dờ lên, ba người cứ dọc theo bờ sông mà len lủi dưới những lũy tre xanh. Trời tối, đường trơn, cứ đi được mười bước lại phải ngừng, vì lo lạc lối Duy Chúc tuổi đã già, sức yếu lại bị cảm xúc nhiều quá nên toàn thân mệt nhoài. Mỗi lần cơn gió lạnh thoảng qua lại làm cho ông rùng mình đến sớn tóc gáy.

Đi hồi lâu, Duy Mật chợt ngừng lại trước một cái cổng gỗ, hai bên bóng tre rủ xuống tối om. Chàng đập cửa một lúc thì trong nhà có người cầm đèn bước ra. Dưới ánh sáng le lói của ngọn đèn dầu, Duy Mật nhận ra là Hoàng Mộng Lương, một ông già chừng ngoại lục tuần, nhưng thân thể rất vạm vỡ, coi có vẻ tráng kiện không kém gì những người vào nửa số tuổi ấy.

Đêm hôm khuya khoắt mà chợt thấy Hoàng đệ hạ cố đến nhà mình thì Mộng Lương không khỏi giật mình. Nhưng Duy Mật để ngón tay trước miệng, ra hiệu Mộng Lương phải nín tiếng thì lão im bật, không dám hỏi han gì cả.

Thấy mấy người rét run cầm cập, Mộng Lương vội mời lên nhà giữa và bưng nước lên dâng. Duy Mật mang việc thất bại ở Thăng Long nói qua cho Mộng Lương nghe. Tiếp lại dặn phải giữ bí mật tung tích của mình và nếu có ai hỏi thì chỉ nên nói thác là người về họ ngoại ở xa đến thăm để che mắt những người cùng xóm.

Hoàng Mộng Lương giấu kín ba thầy trò Duy Chúc ở nhà mình luôn mấy hôm tết Nguyên đán. Sang ngày mồng bốn, chợt nghe tin Vũ Thước và Lai Thế Tế bị bắt giam đã tự tử trong ngục Đề Lĩnh rồi. Còn Công Thế thì bị khép vào tội phản nghịch, đến mồng sáu này sẽ bị mang ra hành hình ở bến Thảo Tân.

Duy Chúc vật mình lẫn khóc và tự trách là mình đã vụng tính nên làm hại đến tính mệnh của kẻ trung lương. Duy Mật, Kiện Nhi và Mộng Lương phải khuyên giải hồi lâu ông mới nguôi nguôi, nhưng từ hôm đó thì trúng bệnh phải nằm liệt một chỗ.

Sáng sớm mồng sáu, Duy Mật đội khăn lụa, mặc chiếc áo tay rộng màu xanh, giả làm một nho sinh cùng Kiện Nhi sang dò Cờ Xá, đến chờ sẵn ở bến Thảo Tân.

Trước bến, trên một bãi cát rộng, viên phủ doãn Phụng Thiên đã theo lệnh của Chính phủ cho cắm rất nhiều kỳ, xí, như những hôm có yến hội rất linh đình. Chung quanh bãi, hai đội Tứ kính và Tứ nghiêm cầm khí giới đứng dàn, cứ cách ba bước lại một người, coi rất nghiêm chỉnh. Chính giữa, người ta đóng một cái cọc tre cao chừng bốn thước, hai bên là giá trống và giá chiêng. Người đi xem đứng kín mít hết vòng trong, vòng ngoài, ai nấy đều tỏ vẻ hớn hờ, như được chứng kiến một cuộc diễn võ hoặc một vở chèo, chứ không phải để tiễn một vị trung thần, vì thất thế, sắp bị rúng đầu dưới tay đao phủ.

Sang giờ Dần, người ta vắng nghe có tiếng trống ngũ lôi từ trong cửa ô tiến ra. Mọi người đều nghiêng trông thì đã thấy phát phối mấy lá cờ đầu, tiếp đến hai toán quân Thị nội và Thị trung vác gươm trần đi thành hai hàng rất đều đặn. Đi giữa là một người tầm thước mái tóc và bộ râu dài trùm xuống khỏi ngực đã điểm hoa râu. Người này chít khăn đầu rìu đỏ và mặc chiếc áo ngắn sắc hồng, trông có vẻ rất đạo mạo, tuy chân đi đất và hai tay bị trói rặt cánh khuỷu.

Hai bên tội nhân, có hai tên đao phủ đi kèm. Sau rốt là viên Hiến sát sứ, giữ chức giám trảm.

Tới pháp trường, người ta bắt tội nhân quỳ xuống, lưng quay vào chiếc cọc tre. Hai tay tội nhân thì bị trói ghì vào chân cọc, khiến cho cái cổ vươn ra như cổ ngỗng.

Tiếp với mấy tiếng trống cái, viên giám trảm đồng đọc bản án, trong kể những tội trạng của tội nhân. Công chúng từ nãy vẫn huyền não, bỗng lẳng lẳng lắng nghe. Duy Mật không thể tự kiềm chế được, cổ lách vào đến sát một cậu lính Tứ nghiêm, nghĩa là chỉ còn cách tội nhân chừng mười bước, Kiện Nhi không rời Duy Mật một bước, cũng lách vào theo.

Tội nhân nghe bản án với vẻ mặt rất thản nhiên. Nhưng chợt trông thấy Duy Mật thì nhoẻn một nụ cười rất kín đáo mà người ngoài không thể nhận thấy được. Trái lại, đối với Duy Mật thì nụ cười ấy hình như đã kích thích đến tim phổi chàng. Da mặt chàng tái hắc và chàng phải nắm chặt hai tay để giảm nhẹ sức đập của trống ngực.

Đọc xong bản án, viên giám trảm đến gần tội nhân, nghiêm nghị hỏi:

- Vũ Công Thế! Là người trong khoa giáp, sao ngươi lại đi theo quân phản nghịch?

Công Thế mỉm cười, đáp:

- Đã lâu nay danh phận mập mờ, nào biết ai là thuận, mà ai là nghịch!

Công Thế vừa nói dứt lời thì từ đám người xem, có một người thân hình nhỏ bé len qua vòng lính, thoăn thoắt chạy vào. Hắn nhổ một bãi nước bọt vào mặt Công Thế, rồi nói lớn:

- Hôm nọ mày đe dọa tao. Hôm nay tao nhổ vào mặt mày để mày báo oán nhân thế.

Công chúng không hiểu đầu đuôi gì cả, thấy thế chỉ rộ lên cười. Duy Mật đã bước lên một bước, định sẵn vào vật chết tên này. Nhưng Kiện Nhi cố co lại, chàng mới chịu thôi. Từ đó, chàng chỉ chú ý nhìn người bé nhỏ, quên cả lúc lưỡi mã tấu của đao phủ hạ xuống, làm văng

đầu Vũ Công Thế xuống chiếu cạp điều, sau một tiếng trống và tiếng chiêng mà âm hưởng kéo dài ra mãi đến khi tan cuộc.

Tính tò mò của công chúng đã được thỏa mãn, mọi người cùng kéo ra về, Duy Mật vội tiến về phía người ban nãy mà đôi con mắt chàng vẫn không lìa khỏi một chút nào. Kiện Nhi vẫn trung thành đi theo, ghé vào tai Duy Mật nói nhỏ:

- Thăng khốn nạn ấy tên là Trương Tiềm. Chính hắn đã do thám cơ mưu của đảng ta và đón bắt quan Đông các đây.

Nghe câu nói đó, Duy Mật bỗng nghiêng rằng thật mạnh, làm cho Kiện Nhi phải rùng mình, tuy bề ngoài, chàng vẫn cố làm ra vẻ bình tĩnh.

Thầy trò Duy Mật theo dõi Trương Tiềm suốt từ bến Thảo Tân qua ô Nghĩa Dũng lên đến phường Yên Hoa. Hắn rẽ vào hồ Trúc Bạch thì người xem đã tản hết, thành ra chỉ còn một mình Tiềm lui thủi trên mặt thành Đại La và cách hắn chừng hai chục bước, thầy trò Duy Mật theo sau.

Qua chùa Trấn Quốc, Trương Tiềm quay nhìn vào chùa, nhoẻn một nụ cười, biểu lộ hết vẻ đắc chí của kẻ tiểu nhân. Hắn vừa toan rảo bước chân đi thì không khác một mũi tên, Duy Mật đã chạy tuốt lên, nắm lấy cổ áo Trương Tiềm. Tiềm giật mình vừa mở miệng toan kêu thì, Duy Mật đã chĩa một mũi đoản đao vào mặt hắn sẽ nói:

- Mày tưởng rằng người đã chết rồi thì không rửa được thù hay sao? Ta là Hoàng đệ Lê Duy Mật đây. Ta phải giết mày để báo thù cho Vũ Công Thế.

Trương Tiềm, da mặt xanh nhợt như tàu lá, chấp tay lạy lấy lạy để, cố van lơn, cầu Lê Duy Mật xá tội cho. Nhưng mỉm cười một cách khinh bỉ, chàng như nói một mình:

- Những quân khốn nạn này, nếu để sống chỉ làm nhơ bẩn cho giống người. Thôi ta cho mày xuống âm phủ để mày hóa làm trâu ngựa.

Tiếp với lời nói, chàng đưa mạnh lưỡi dao vào cuống họng Trương Tiềm. Từ vết thương vọt ra những tia máu tím bầm. Như một đồng giẻ ướt, thân thể Trương Tiềm rũ xuống mặt đất.

Kiện Nhi chứng kiến tấn thảm kịch đó với một vẻ mặt thản nhiên. Khi thấy Trương Tiềm đã tắt thở rồi, chàng liền lượm lấy xác hắn mà quăng xuống hồ. Duy Mật cũng chùi lưỡi dao xuống cỏ cho sạch những vết máu, rồi giắt vào mình. Tiếp, hai người quay lại mà thung thỉnh ra bãi Cơ Xá.

LÊN ĐƯỜNG

Chú cháu Lê Duy Mật lưu ở nhà Hoàng Mộng Lương đã hơn một tháng. Trong hơn một tháng ấy, không ngày nào Lê Duy Mật không cùng với Kiện Nhi vào thành do thám và không một cuộc do thám nào là không tặng cho hai người những kết quả đau lòng: Những đảng viên đảng Cần Vương có mặt trong buổi hội họp ở chùa Trấn Quốc – trong số đó có cả sư Trí Thông – hầu hết là bị bắt và không chịu nổi sự tra tấn cực hình của bọn Hoàng Công Phụ, đều chết hoặc tự tử trong ngục tù. Người nào lạnh chân mà chạy thoát được thì hiện thời đều bỏ trốn. Duy Mật tuy cố dò hỏi, nhưng không tìm thấy tung tích họ đâu cả. Đáng thương nhất là hơn một trăm lính Cẩm vệ bị Vũ Thuộc dùng vào trận tập công mà không báo cho biết mục đích, đều bị Hoàng Công Phụ phát văng đi các nơi xa. Bố mẹ và anh em những người đã chịu thiệt mệnh rồi, cũng bị bọn quan lại sách nhiễu và hành hạ. Có người vì bị chúng đe dọa, phải bỏ cả nhà cửa, trốn đi nơi khác.

Ngay đến Hoàng tộc, Công Phụ cũng chẳng từ, các Hoàng thân như Duy Đào chẳng hạn, cũng bị hạ ngục, vì bất hạnh đã là anh em ruột với Duy Quy và Duy Mật.

Nghĩ đến những cảnh thương tâm mà gốc ở việc mình thất bại, cả đêm ấy, Duy Mật trần trọc không sao ngủ được.

Gà vừa gáy lần thứ nhất, đàn chó trong xóm bỗng sủa vang. Tiếng chó trước còn ở mãi đằng xa, sau lan đến hẳn chung quanh chỗ chàng nằm. Duy Mật lắng tai nghe thì phía ngoài xì xào có tiếng người. Chàng vội vùng chần trở dậy, nhòm qua các khe cửa thì, bên kia giậu, dưới ánh sáng mờ mờ của vầng trăng lưỡi liềm, chàng nhận thấy có nhiều người mặc áo nẹp đỏ, đội nón dẫu, theo những mệnh lệnh kín đáo của một viên trưởng quan mà cầm khí giới tản vào các ngõ hẻm.

Duy Mật đoán là quan quân vây nhà Hoàng Mộng Lương, mà vây là cốt ý để bắt Lê Duy Chúc với mình hạ ngục, rồi mang chém và bêu đầu ở bến Thảo Tân, như Vũ Công Thế mới một tháng vừa qua.

Nghĩ đến cái thảm trạng ấy, Duy Mật bất giác rung mình. Khắp người chàng toát ra những giọt mồ hôi lạnh ngắt.

Lại rón rén bước vào giường nằm. Duy Mật lần lượt đánh thức Duy Chúc, Trần Kiện Nhi và Hoàng Mộng Lương. Mọi người con đương luống cuống chưa biết xử trí thế nào thì Mộng Lương bỗng nghĩ ra một kế: Cả bọn do cửa mạch, lén ra vườn sau, rồi leo qua một bức tường gạch mà trốn ra cánh đồng. Còn nhà thì phóng hỏa để quan quân nửa tin, nửa ngờ, không nghĩ đến việc đuổi bắt.

Kế ấy, đoạn đầu thi hành được một cách rất dễ dàng, vì Mộng Lương chỉ trợ trợ có một mình, nên không lo vợ con hoặc thân thích sẽ vì mình mà chịu lụy. Nhưng khi vượt qua được bức tường gạch thì chỗ dự tính của Mộng Lương sai hẳn: quan quân có lẽ đã hiểu rõ địa thế của ngôi nhà này nên đằng sau cũng như đằng trước, cho vây đông đặc đến mấy vòng người. Người đứng chỉ huy cánh quân này lại là Nguyễn Phi Thông, một tướng xưa nay vẫn nổi tiếng là có sức khỏe hàng hai trăm người không địch nổi, Duy Mật nghĩ thoát cũng hết đường nên giao cho Mộng Lương phù Lê Duy Chúc, còn mình và Kiện Nhi thì cướp lấy của quan quân, mỗi người một gươm mà xung đột vào hàng trận.

Trong lúc Phi Thông giao chiến với Duy Mật thì Kiện Nhi phá vỡ được vòng vây làm lối cho Mộng Lương dắt Duy Chúc ra. Nhưng Duy Chúc đi chưa được bao lâu thì quân lính ở mặt trước, nghe động đều kéo đến đông như kiến cỏ. Kiện Nhi ra sức chém giết, suốt người mồ hôi dội ra như tắm mà vẫn không thoát khỏi vòng nguy. Giữa lúc ấy, Duy Mật đánh lâu, sốt ruột, gắng hết sức đâm một nhát thật mạnh, Phi Thông đưa giáo ra đỡ, nhưng bật cả ngọn giáo ra ngoài. Lưỡi gươm của Duy Mật trúng thẳng vào cổ họng Phi Thông.

Viên tướng này ngã vật xuống chân ngựa. Duy Mật liền nhân cơ hội nhảy tót lên mình ngựa của Phi Thông, hô lớn:

- Ta đã giết được chủ tướng chúng bay rồi!

Bọn quan quân như rắn không đầu, thế đã giảm, lại bị bọn Duy Mật xông đến chém giết, nên mọi người đều giãn ra để cho bọn Duy Chúc, Mộng Lương và Kiện Nhi chạy thoát.

Duy Mật nghĩ đánh nữa cũng vô ích, nên phóng ngựa theo ba người, tuy quan quân, sau những phút kinh hoàng ban đầu đã định thần lại mà hết sức đuổi theo. Bọn Duy Chúc chạy đến trước một chiếc cầu gỗ bắc qua một dòng sông tuy không lấy gì làm rộng, nhưng nước chảy xiết và lòng thật sâu, thì quan quân cũng đã đuổi đến sau lưng. Duy Mật để cho bọn Duy Chúc qua khỏi, rồi từ giữa cầu lấy roi quất con ngựa một cái thật mạnh, ngựa dún cả bốn chân xuống cầu, thành một tiếng “rầm” thật to, cầu đổ mà ngựa cũng đã nhảy vọt lên bờ, đuổi kịp bọn Lê Duy Chúc.

Quan quân đuổi đến nơi, nhưng không có cách gì sang sông, đành chỉ đứng trên bờ mà bắn tên sang. Những mũi tên nhọn và đầu có tẩm thuốc độc bắn tới như mưa, nhưng đều bị Duy Mật gạt rơi xuống đường, cho đến khi cả bọn đi đã xa, nghĩa là tên bắn không tới được nữa.

Khi liệu chừng quan quân có đuổi cũng không kịp nữa, bốn người mang quần áo của mình mà đổi lấy những khăn nâu áo vải của bọn nông phu, rồi cứ theo đường cái mà đi về phía đông. Dọc đường, thỉnh thoảng lại gặp một bọn người bồng con bế cái và khuân đồ đạc chạy về phía kinh thành. Duy Chúc dò hỏi thì họ đều nói là giặc Ninh Xá nổi lên, khí thế rất hăng, đã tràn vào địa phương của họ nên họ phải chạy trốn. Duy Chúc đương do dự chưa biết có nên đi vào đất giặc hay không, thì chợt đã đến trước một quán nước, lập ngay ở ngã ba đường. Quán này có tới hai ba lớp nhà làm dựa vào nhau, nên quy mô rất rộng rãi và trên chõng hàng bày la liệt đủ cả các món ăn thường. Cứ coi đó thì không ai dám bảo là mình sắp bước vào một nơi có loạn.

Duy Chúc ngó ý muốn vào quán nghỉ. Bọn Duy Mật cả đêm dùng sức nhiều quá và trời đã về chiều, vẫn chưa được hột cơm nào lót dạ, cũng vội tán thành ngay. Cả bọn ghé vào quán, bảo lấy cơm rượu ra ăn uống và tự xưng là khách buôn nên bề ngoài hình như cũng chẳng bị ai để ý đến. Nhưng bữa cơm gần tàn thì Hoàng Mộng Lương, hai con mắt bỗng díp lại, rồi ngã vật ra. Duy Mật và Kiện Nhi giơ tay, định đỡ lấy bạn, nhưng chính mình chân tay cũng run lẩy bẩy, không những không đỡ được Mộng Lương mà cũng ngã vật xuống đấy, bất tỉnh nhân sự. Duy Chúc vì không uống một giọt rượu nào cả nên vẫn tỉnh táo như thường, ông còn đương lúng túng không hiểu dùng cách gì để chữa cho ba người thì từ nhà trong, có năm sáu người bước ra, trối chạt lấy Duy Chúc, Duy Mật, Kiện Nhi và Mộng Lương, tuy ba người sau này đã nằm lăn ra như khúc gỗ.

Chúng vực bọn Duy Mật lên những cái cáng để sẵn ở cửa và vẫy bảo Duy Chúc đi theo.

Duy Chúc tự biết rằng sức mình chẳng thể chống được với số đông người, nên cứ cắm cổ mà đi, bỏ mặc cái tính mệnh của mình cho số phận.

Bọn này đi chừng hơn một trống canh thì tới một khu rừng rậm. Len lỏi trong rừng hồi lâu, đến trước một cái hang đá mà bọn áp giải bảo nhau là động Kính Chủ và dãy núi ở miền này là núi Trại Sơn. Chúng giam bọn Duy Chúc trong một túp nhà con làm ở cửa hang và canh phòng rất ngặt, vì suốt đêm lúc nào Duy Chúc cũng nghe tiếng người xì xào ở ngoài cửa.

Tan tảng sáng, Duy Mật và hai bạn đều tỉnh lại. Ba người còn đương bàng khuâng không hiểu tại sao mình lại ở trong gian buồng này, thì chợt đã có một bọn người đẩy cửa bước vào. Chúng giục già thầy trò Duy Chúc phải đi ngay. Qua nhiều mẩu đá khúc khuỷu, cả bọn đến một khu mà thể hang rộng rãi hơn. Chỗ này kê một cái sập gỗ, trên có hai người ngồi rất nghiêm chỉnh. Người thứ nhất chừng ngoài bốn mươi tuổi, đội mũ bình đính, và mặc áo đoạn tím, coi có vẻ nho nhã như một vị giám sinh. Người thứ nhì đội khăn yếm vĩ và mặc áo giáp trắng, ngoài thắt đai vàng, uy nghi như một viên thượng tướng, tuy còn kém người trên chừng mười tuổi.

Khi thấy giải bọn Duy Chúc vào, viên võ tướng quát hỏi:

- Lũ ngươi là người trong quốc thích và nối đời ăn lộc của triều đình, sao dám làm loạn?

Duy Chúc làmra bộ run sợ, chắp tay thưa:

- Chúng tôi là người An Quảng⁴ đi buôn bán về qua đây, nào có biết triều đình với quốc thích là gì mà dám làm loạn.

Viên võ tướng vừa toan hỏi nữa, nhưng người nhiều tuổi hơn gạt đi và bước xuống sập, tiến đến trước Duy Chúc và Duy Mật nói:

- Tôi là Nguyễn Cừ và em tôi là Nguyễn Tuyển, vì bọn quan lại ức chế nên thừa thời khởi nghĩa, để cứu dân độ thế và tôn phù nhà Lê. Việc tướng công mưu phá kinh thành, chúng tôi đã dò biết cả, vẫn hâm mộ đại danh của tướng công. Nay tình cờ được tôn giá đến đất Hồng Châu này, xin lưu lại bản trại để cùng với chúng tôi cùng mưu việc nghĩa.

Duy Chúc toan từ chối, nhưng trông lên tường đá, thấy có một bức họa, trong vẽ cả Duy Chúc, Duy Mật, Duy Quy và dưới đề huyền thưởng tước quận công và 100 lạng vàng cho người nào bắt được một trong ba người ấy. Duy Chúc cho rằng anh em Cừ, Tuyển đã biết rõ chân tướng mình rồi nên bắt đắc dĩ phải thú thực.

- Chúng tôi vì vô tài nên thất bại, các anh em đồng chí bị tiêu một cả. Nay còn sống sót, thật là hổ thẹn vô cùng, có dám đầu vớ với các ngài là những bậc anh hùng cái thế.

Chỉ vào bức họa, Nguyễn Cừ nói:

- Ngay từ hôm mồng một Tết, Trịnh phủ đã vẽ chân dung cho đi dán khắp các phủ, huyện để bắt tướng công. Chúng tôi cũng có ý muốn đi đón tướng công, nên khi mang quân xuống đánh lấy huyện Chí Linh, đã lột lấy bức chân dung này. Nay chúng tôi đã may mắn hơn Trịnh phủ là không mất công tìm tòi gì cả mà được tướng công giáng lâm. Vậy xin giữ bức chân dung làm kỷ niệm.

Lê Duy Chúc và Lê Duy Mật thấy anh em Nguyễn Cừ tiếp đãi một cách rất vồn vã thì vui lòng lưu lại và cũng muốn dựa vào thế lực của quân Ninh Xá⁵ để đánh đổ họ Trịnh là việc mà họ hoài bão từ trước đến giờ. Nhưng đụng chạm với anh em họ Nguyễn trong ít lâu, Duy Chúc nhận thấy rằng Cừ, Tuyển bề ngoài tuy nói là khởi nghĩa để tôn phù nhà Lê, nhưng trong bụng chỉ cốt đồ vương bá cho bản thân mình. Vả, quân của Cừ, Tuyển là một bọn quân ô hợp, thừa lúc các thân tộc của Bính quận công Vũ Tất Thận sách nhiễu dân hai phủ Hồng⁶ mà nổi lên, chứ không có kỷ luật gì cả.

Cừ, Tuyển lại là người tàn nhẫn chỉ chú trọng vào những mối lợi trước mắt mà không biết nhìn cái hại về tương lai. Cho nên ngày thường hai người vẫn thả quân đi các làng để cướp bóc của dân hoặc mở quán ở dọc đường để đánh thuốc mê và bóc lột hành khách. Người trấn Hải Dương bị giặc Ninh Xá quấy nhiễu, khổ sở không biết ngần nào, nên tuy đã nghèo nàn đến cực điểm, họ cũng phải cố bồng con, bế cái trốn đi nơi khác.

Duy Chúc thường bảo riêng với Duy Mật: “Quân phải lấy dân làm gốc, một đội quân dù mạnh đến đâu cũng vậy, nếu không được dân ủng hộ thì trước sau cũng đến bại vong. Ta coi Cừ, Tuyển không thể làm nên được cơ cục gì. Chúng ta nên liệu tìm nơi khác thì mới có cơ hưng phục được.”

Một hôm, Duy Chúc và Duy Mật cùng với anh em Cừ, Tuyển đứng trước giáo trường xem các quân thao diễn. Chợt có một con quạ bay ngang trời, kêu mấy tiếng đến nhúc cả tai. Cừ quay lại bảo Duy Mật:

- Tôi vẫn nghe Đức ông là một thần xạ đời nay. Xin bắn chết con quạ kia đi, để chúng tôi được thấy cái tài Dưỡng Do Cơ nước Việt.

Duy Mật lắp tên vào cùng hô lớn:

- Nếu trời cho ta thành công thì bắn chết con quạ này.

Dứt lời, cung bật một tiếng, con quạ từ lưng chừng trời, lộn mấy vòng rồi rơi xuống: mũi tên của Duy Mật đã trúng vào cổ con quạ. Ba quân đều vỗ tay khen phục cái tài “bách bộ xuyên dương” của viên tướng họ Lê. Nguyễn Tuyển thấy vậy bất mãn, nói riêng với Nguyễn Cừ: “Hắn

chỉ nghĩ đến việc hấn thôi, chứ có thiết gì anh em ta. Các tướng sĩ đều mến phục hấn, sợ một ngày kia, hấn sẽ trở giáo lại thì thật là chúng ta nuôi ong tay áo!”

Nguyễn Cừ cho lời em là phải, muốn ám hại Lê Duy Mật, nhưng còn chờ cơ để hạ thủ.

Duy Mật cũng đoán biết ý ấy nên chỉ đợi khi nào mắt lưới hở ra là vùng cánh bay đi nơi khác.

Chợt có tin ở Thăng Long về báo rằng Hoàng Công Phụ đã cất quân sang dẹp, nhưng không may bị bọn Nguyễn Công Thái đánh lừa, cướp lấy kinh thành, rồi truất Trịnh Giang xuống mà lập Trịnh Doanh. Bắc Hà nay đã đổi chủ. Doanh lại là một chúa văn, võ toàn tài, không bao lâu nữa tất sẽ cất quân sang đánh.

Tin đó làm cho Nguyễn Cừ lo sợ. Tuyển bàn với anh nên luyện riết các quân thủy, bộ để liệu chống với Trịnh Doanh. Cừ nghĩ cũng không còn có cách nào khác có hiệu lực hơn nên phải nghe lời. Lục quân giao cho Nguyễn Tuyển chỉ huy, còn thủy quân thì tự mình đứng ra thống lĩnh.

Ngày rằm tháng Tám, Cừ hội chư quân trên sông Bạch Đằng để dự bị một cuộc thao diễn lớn. Cừ đội mũ miện, mặc áo bào tía, ngồi trên long thuyền không khác gì một vị thiên tử. Tuyển thì mặc áo giáp bạc, đội khăn yếm vĩ, cầm kiếm lệnh, điều khiển ba quân. Trận thế là quân triều đình do hai mặt thủy, bộ từ ngoài bể đánh vào, quân Ninh Xá ra nghinh chiến, rồi giao phong trên sông Bạch Đằng, kết quả là quân triều đình thua, phải chạy ra bể.

Duy Chúc và Duy Mật tình cờ được cử làm thống lĩnh đội quân của triều đình, nên hai người đã mưu trước, cho Hoàng Mộng Lương và Kiện Nhi cưỡi một chiếc thuyền nhỏ ra chờ ở cửa Nam Triệu.

Đúng giờ Ngọ, Nguyễn Cừ truyền mở hiệu trống, hai quân bắt đầu cuộc thao diễn, cũng hăng hái như khi đánh trận thật, vì hai bên cùng bắn súng đại bác không ngại. Sang giờ Thân, quân triều đình (giả) kém thế, đóng chiêng chạy xuống hạ lưu sông Bạch Đằng. Thuyền Duy Mật đi trước, thuận dòng chạy như mũi tên. Tới cửa bể, Mộng Lương và Kiện Nhi nhận biết hiệu cờ, liền bơi gần lại. Duy Mật vội trao cho mấy tên lính chèo thuyền một phong thư, dặn mang về đưa cho Nguyễn Cừ, rồi phù Duy Chúc sang thuyền của Mộng Lương.

Thuận gió, chàng cho giương buồm chạy về phía nam, chỉ chốc lát, không trông thấy cửa Nam Triệu đâu nữa.

Nguyễn Cừ, một lúc sau, ra đến cửa bể, tiếp được thư cáo biệt của Duy Mật thì tức giận, lập tức phái một viên kỳ tướng là Chu Toại mang năm chiếc khinh thuyền đuổi theo.

Trời đã về chiều, luồng gió đông bắc thúc lên những ngọn sóng dữ dội, lớp nọ chồng lên lớp kia, như hàng ức triệu nóc nhà. Từ từ ngả xuống chân trời, vùng kim ô mỗi phút một to thêm, khi xuống đến gần mặt sóng thì, phình ra như một cái nong lửa đỏ ối. Mấy tia nắng ủa không chống nổi được với đêm tối, cũng nhạt dần, dãy núi Đờ Sơn, sau rốt chỉ còn là những cái bướu đen, lồm chồm trên làn nước bạc. Chu Toại đuổi đã đến gần thuyền Duy Mật. Cầm ngang ngọn giáo, đứng ở mũi thuyền. Toại gọi Duy Mật nói:

- Hoàng đế đã muốn rời đi nơi khác, chủ tướng tôi cũng không dám giữ nào. Chỉ xin trở lại cùng làm lễ tương biệt và tặng chút lễ vật để làm tiền lộ phí.

Duy Mật thừa hiểu rằng đó là những câu lừa dối, vội trèo lên mũi thuyền, vạm tay trả lời:

- Chúng tôi chịu ơn của minh chủ rất nặng. Đi chuyến này, chỉ là để lo cách báo đền. Tôi có một thanh bảo kiếm là vật rất hiếm của phụ hoàng tôi ban cho, xin ném trúng vào giữa mũi thuyền, nhờ tướng quân mang về dâng hộ lên minh chủ để tỏ dấu biết ơn của thầy trò Duy Mật.

Chu Toại chưa biết nói thế nào thì chợt có tiếng rē gió vù vù rồi tiếp với một tiếng “phập”, một thanh kiếm trên nắm có nạm vàng, đã cắm vào giữa mũi thuyền. Chu Toại rút kiếm lên xem thì lưới sắc như nước và trên nắm có khắc bốn chữ “quốc gia chi bảo”.

Chu Toại tự nghĩ nếu mình có đuổi thì cũng vị tất đã bắt được hấn mà tính mệnh mình khó

toàn, nên cung kính vái chào, rồi truyền lệnh quay mũi thuyền, trở về phục mệnh.

Duy Mật thì chẳng quản gì đêm tối và sóng gió, cứ buông thuyền chạy thẳng về phía nam. Sáng hôm sau, chàng vừa thức giấc dậy thì, trông ra mặt trước đã thấy những lớp sóng tày đình của cửa Thần Phù. Chàng nhận kỹ trong đám sương mù, thấy có nhiều thuyền ra vào cửa bể mà thuyền nào cũng kỳ xí rợp trời.

Duy Mật đương lo lại sa vào vòng lưới của triều đình thì trên một cái thuyền chiến, chợt nhận ra một lá cờ lớn thêu hai chữ “Cần Vương”. Chàng mừng thầm rằng những thuyền ấy nếu không phải là của bọn đồng chí thì, thế tất cũng không phải là của quân thù, nên cứ điềm tĩnh truyền các thủy thủ, tiến về mặt trước. Nhưng thuyền đi chưa được bao lâu thì Duy Mật thỉnh lĩnh để ý vào một viên tướng trẻ tuổi cầm viễn kính đứng trước thuyền. Viên tướng này mặc giáp đỏ, đội mũ trụ và có khuôn mặt kiêu my như một vị tiểu thư giá đáng nghìn vàng. Nhận rõ khuôn mặt đó, chàng bỗng buột miệng ra mấy tiếng: “Hà Quốc Uy”. Chàng chưa dứt lời thì viên tướng trẻ tuổi ấy cũng buông viễn kính xuống mà gọi to: “Hoàng đệ!”.

Hà Quốc Uy lập tức cho chèo thuyền lên đón Duy Mật và khi hai thuyền áp nhau, thì chàng mừng rỡ không biết ngăn nào, vì những người mà chàng ngờ rằng đã mai một rồi, nay tình cờ lại được gặp.

Hỏi về tin tức của Duy Quy, Hà Quốc Uy nói. Sau khi bị thất bại ở Thăng Long, hai người chạy xuống Sơn Nam, gặp một vị hiệp sĩ là Ngô Hưng Tạo. Tạo cấp tiền, lương, thuyền bè cho và hộ tống vào Thanh Hoa. Lam Sơn vốn là nơi phát tích của Lê tổ khi xưa, nên đối với họ Lê vẫn hết sức trung thành. Nhiều vị hòa mục thấy đệ thập Hoàng tử (Duy Quy) vào lánh nạn thì hết sức phù trì, nay trong tay Duy Quy đã có được dăm nghìn quân và chiến thuyền vài trăm chiếc, thường vẫn cho ra thao diễn ở ngoài bể.

Duy Mật được tin đó thì bao nhiêu cái hy vọng hầu như đã bị tàn vì những cuộc thất bại trước, tự nhiên lại bỗng bật hiện ra. Đứng trước mũi thuyền, chàng thở hút những luồng gió bể dào dạt bay vào, thân thể chàng thấy nhẹ nhàng và cái chí phấn đấu có lúc hầu như đã bị tê liệt nay lại mạnh mẽ không kém gì khi mới khởi sự.

Cái giang sơn gấm vóc của trấn Thanh Hoa hình như cũng kích thích cho chàng dự bị một cuộc đời mới. Từ cửa Thần Phù trở vào, dòng sông tuy dần dần nhỏ hẹp, nhưng hai bên núi non u uất, như những thành đá đứng ngăn lấy bờ sông. Càng tiến vào đất liền, sông càng khuất khúc và núi càng cao, phong cảnh lại càng thêm tráng lệ. Đối cảnh, Duy Mật bất giác ngâm mấy câu thơ của một danh sĩ vịnh cửa Thần Phù:

Lưỡng ngạn thiên phong bài ngọc đoãn,

Trung lưu nhất thủy tẩu thanh xà

Giang sơn như tạc, anh hùng thế.

Thiên địa vô tình sự biến đa.⁷

Chàng còn mãi xem cảnh thì thuyền đã đến trước một cái lũy đắp ngay ở ven sông. Được tin báo trước, Duy Quy đã cùng với các bộ hạ chờ ở cổng lũy để nghênh tiếp.

Giữa lúc không ngờ mà chú cháu, anh em được sum họp với nhau thì sự sung sướng không còn gì bằng. Bị xúc cảm mạnh quá, Duy Quy chỉ ôm lấy Duy Chúc, Duy Mật mà khóc. Hồi lâu, mọi người xúm lại khuyên giải. Chàng mới gạt nước mắt mà mời Duy Chúc và Duy Mật vào trong lũy rồi thiết tiệc khoản đãi. Lũy này đắp ở địa phận xã Ngọc Lâu nên Duy Quy lấy ngay tên xã mà đặt tên lũy. Lũy, mặt trước trông ra sông, mặt sau dựa vào núi, nên tuy đắp bằng đất mà thế rất kiên cố, một người ở trong lũy có thể địch được với hàng mấy chục quân ở ngoài. Trên mặt lũy, quân Cần vương lại đặt súng đại bác nên cái sức chiến đấu của nó lại càng mạnh mẽ. Xem cách bố trí và hình thể của lũy Ngọc Lâu, Duy Chúc và Duy Mật đều tấm tắc khen cái tài của người đã khéo chọn địa thế cho lũy này. Và lâm thời, hai người cũng đồng ý là nên lấy lũy Ngọc Lâu làm căn bản.

Một hôm, Duy Quy cho hợp tất cả tướng sĩ lại, xin truy nguyên những việc trước, tôn Duy Chúc lên làm minh chủ. Duy Chúc chối từ không được, bắt đắ dĩ lại phải nhận và cắt đặt công việc cho mọi người:

Duy Mật làm thống lĩnh các quân thủy, bộ.

Duy Quy giữ chức Tham tán quân vụ.

Hà Quốc Uy, Tiết chế thủy quân.

Ngô Hưng Tạo, Tiền quân Chánh tướng.

Trần Kiện Nhi, Tiền quân Phó tướng.

Hoàng Mộng Lương Đốc vận lương thảo.

Duy Chúc tự nghĩ với dăm nghìn quân và một cái lũy nhỏ, lập vào nơi thiên hiểm, đành rằng họ Trịnh có muốn đánh cũng rất khó khăn. Nhưng đó chỉ là những phương pháp để yên thân. Nếu muốn mưu việc lớn, tất phải có quân mã và lương hướng thật nhiều. Được như vậy, việc đầu tiên là phải hiệu triệu dân nước, mộ thêm quân và thu dụng nhân tài thì mới mong có cơ thành sự được.

Nghĩ như vậy, Duy Chúc liền cử Duy Mật thảo tờ hịch truyền đi khắp Thanh, Nghệ và các trấn ngoài Bắc.

Bài hịch truyền ra, dân Thanh, Nghệ và Bắc Hà nô nức kéo nhau vào quy phục đảng Cần Vương. Người thì ứng mộ đi đánh giặc, người thì cấp lương để nuôi quân, không bao lâu, những kho, vựa của lũy Ngọc Lâu đã đầy đủ mà số quân lên tới ba vạn. Duy Mật chia quân ra làm năm doanh: trung, tiền, tả, hữu, hậu. Mỗi doanh có một viên tướng đứng đầu, dưới quyền là một viên phó tướng và một viên tham quân coi về việc chuyển vận lương thảo.

Vì muốn báo cái thù năm Đinh Ty, nên quân Cần vương thao luyện chưa được bao lâu, thì Duy Chúc đã thôi thúc tiến quân. Hà Quốc Uy thống lĩnh tiền doanh, dọc theo sông Mã tiến xuống huyện lỵ Thạch Thành. Quân Cần vương đi đến đâu đều được dân chúng bày hương án hoang nghênh nên viên huyện doãn liệu chống cũng vô ích, mang cả nha lại ra đón Quốc Uy xin hàng. Quốc Uy úy lạo viên huyện doãn, rồi đóng quân lại Thạch Thành để chờ đại quân đến.

Không bao lâu quân Duy Chúc và Duy Mật cũng tiếp tục tới nơi và cùng tiến về trấn lỵ Thanh Hoa.

Viên trấn tướng là Ngô Nhật Chí do Tạo sĩ⁸²⁰ xuất thân, tuy có sức khỏe hơn người, nhưng ít mưu trí, nghe báo cho là bọn giặc cỏ thường nên không lo phòng bị trước.

Khi quân Cần vương chỉ còn cách trấn lỵ chừng năm mươi dặm, và các nơi về báo gấp quá, Nhật Chí mới phái một viên tỳ tướng là Hồ Ứng Khâm mang hai nghìn quân đi dẹp. Ứng Khâm lại cũng không phải là người thông thạo về chiến trận nên chưa đến mặt trận đã bị phục binh của Lê Duy Chúc đổ ra đánh phá, quan quân bỏ chạy. Hồ Ứng Khâm không sao cản được, đành cũng phải ôm đầu chạy về trấn thành, xin chịu tội.

Ngô Nhật Chí thấy Hồ Ứng Khâm bị thua, biết rằng thế lực của giặc không phải tầm thường, liền thảo biểu gửi ra Thăng Long cáo cấp. Còn mình thì thân đem tất cả những quân tinh nhuệ trong thành ra cắm trại ở bờ sông để chờ cự địch.

Ngô Nhật Chí sửa soạn vừa xong thì Duy Chúc cũng vừa tiến quân đến nơi. Hà Quốc Uy hăng hái, xin mang quân ra khiêu chiến. Duy Chúc ưng cho, Quốc Uy điểm lấy năm trăm quân tinh nhuệ, rồi cưỡi ngựa xông thẳng đến trại của quan quân. Nhật Chí vội mang quân ra nghênh chiến, Nhật Chí vốn có sức khỏe tuyệt luân. Quốc Uy không phải là đối thủ nên mới đánh nhau có vài chục hiệp, Quốc Uy đã yếu dần, sang pháp có vẻ lúng túng. Kiện Nhi thấy thế, tiến ngựa ra đánh giúp. Nhưng một mình mà địch với hai người, Nhật Chí không hề thấy khó khăn chút nào. Nhân một lúc Quốc Uy hở cơ Nhật Chí đưa một mũi kích vào giữa ngực, Quốc Uy ngã ngựa

chết liền. Kiện Nhi phải quay ngựa bỏ chạy. Nhật Chí vấy quan quân đuổi theo. Nhưng từ hàng trận quân Cần Vương, một tướng trẻ tuổi đã hăng hái tiến ra, viên tướng ấy mặc áo giáp trắng, đội khăn yếm vĩ, cầm chiếc đao thanh long ra ngăn đường. Tướng đó là Duy Mật.

Nhật Chí vốn cậy có sức khỏe, nên không coi ai ra gì cả, cứ xông vào đánh bừa. Song chẳng được bao lâu thì mồ hôi toát ra khắp mình mẩy, chân tay cũng mỏi nhừ, phải quay đầu bỏ chạy. Duy Mật không đuổi nữa, thu quân về trại và làm lễ an táng cho Hà Quốc Uy một cách rất trọng thể.

Hôm sau, Duy Mật đến trại quan quân khiêu chiến. Ngô Nhật Chí lại chực mang quân ra. Nhưng viên Đốc đồng là Trần Ngọc Chi cản lại, nói Duy Mật là một tướng văn võ toàn tài mà hiện lại được lòng dân quy phục. Thế quân Cần vương hiện đương mạnh lắm, nếu đánh, khó lòng thắng được. Chi bằng cứ cáo cấp về triều đình, khi nào có viện binh đến hãy đánh cũng không muộn.

Nhật Chí không theo kế ấy, lại mang quân ra giao chiến. Không ngờ khi đương đánh nhau với Duy Mật thì thấy hậu quân nhốn nháo bỏ chạy. Thì ra Duy Chúc đã lập mưu từ đêm hôm trước. Phái Trần Kiện Nhi và Ngô Hưng Tạo mang quân mai phục sẵn ở cửa trại quan quân. Khi Nhật Chí xung đột với Duy Mật thì quân mai phục đổ ra mà cướp lấy trại. Bọn Trần Ngọc Chi địch không nổi phải bỏ chạy. Nhật Chí trông về trại mình, thấy cấm toàn cờ Cần Vương, không dám đánh nữa, phải thu quân chạy vào thành mà giữ thế cố thủ, hối rằng không theo kế của viên Hiệp trấn.

SẦY ĐÀN

Tại Thăng Long từ năm Đinh Tỵ - năm Duy Chúc mưu phá kinh thành - đến năm Canh Thân - lúc Duy Mật khởi binh tại Thanh Hoa - thế cục đã thay đổi một cách rất nhanh chóng. Uy Nam vương mỗi ngày một dâm dăng quá độ, mắc bệnh không thể coi được việc triều chính. Sau lại bị sét đánh, rồi cứ hễ thấy mưa gió là hoảng sợ, phải đào lỗ xuống đất mà ở để tránh lôi thần. Để che mắt thiên hạ, Hoàng Công Phụ sai một thủ hạ vào ở trong cung giả làm chúa Trịnh, còn chính quyền thì vợ cả vào tay mình, và làm không biết bao nhiêu việc tàn bạo khiến cho ai nấy cũng oán giận. Bọn triều sĩ là Nguyễn Công Thái và Nguyễn Quý Kính phát giác ra việc đó, liền tâu trước với Triệu thái phi, rồi đánh lừa Hoàng Công Phụ ra khỏi đô thành mà lập Trịnh Doanh lên thay Trịnh Giang (Uy Nam vương)⁹.

Doanh lấy hiệu là Minh Đô vương, tuy chưa đến 20 tuổi, nhưng là một vị chúa văn vũ toàn tài. Những chính sự đổ nát của Uy vương đều được Minh vương sửa sang lại. Bọn công thần bị giết oan đều được phong tặng và con cháu được tập ấm hoặc bổ làm quan. Giặc dã trong nước dần dần Minh vương cũng dẹp yên, cho nên Bắc Hà không bao lâu lại được thịnh vượng, khác hẳn với thời kỳ Uy Nam vương chấp chính.

Khi được tin Ngô Nhật Chí bị Lê Duy Mật vây hãm, Minh vương lập tức sai Đốc lĩnh Sơn Tây là Trần Đình Cẩm mang ba vạn quân vào đánh. Lại cử Bồi tụng là Nguyễn Bá Lân làm đốc thị để giúp Đình Cẩm trong việc hành quân.

Khi quân tiến đến núi Tam Điệp, Đình Cẩm bàn với Bá Lân:

- Duy Mật là tay rất kiệt kiệt, lại thêm có Duy Chúc đa mưu, nếu hai ta cùng tiến vào trấn lý Thanh Hoa thì Duy Mật nếu có thua cũng chỉ đến lui quân về lũy Ngọc Lâu. Tôi nghe nói lũy này kiên cố lắm, nếu giặc cố sức chống giữ, thì vị tất chúng ta đã phá nổi. Chi bằng ông mang một vạn quân thẳng đường vào trấn lý Thanh Hoa, cứ huyền truyền là vào cứu Nhật Chí trước và nổi phao lên rằng tôi sẽ mang đại quân theo sau. Nhưng sự thực là tôi đi tắt qua phía Tây, dọc dòng sông Lương Giang, thừa lúc quân giặc không ngờ, mà cướp lấy lũy Ngọc Lâu. Mất lũy này, giặc không khác mất tổ, phá tất dễ lắm.

Nguyễn Bá Lân cho kế ấy rất là diệu, nên cứ như thế mà thi hành, nghĩa là cứ thung thẳng tiến quân, hai hôm sau thì tới trấn lý Thanh Hoa.

Ngô Nhật Chí nghe có viện binh đến vội mở cửa thành nghênh tiếp, rồi đón Bá Lân vào mà thuật lại những việc vừa qua. Bá Lân nguyên đã cho do thám nên biết rõ tình hình của địch quân rồi, nên chỉ ứ hự cho qua lần, chứ không sốt sắng gì cả.

Bá Lân đến mặt trận đã gần một tuần, mà không giao chiến trận nào, Nhật Chí không khỏi sốt ruột, thường ngổ ý thúc giục Bá Lân ra binh, Bá Lân chỉ mỉm cười:

- Các ông muốn đánh thế nào cũng có hôm được đánh. Nhưng hôm nào, đánh thì xin chỉ có tiến thôi chứ đừng lui.

Ngô Nhật Chí cho Nguyễn Bá Lân là văn quan nhát, không dám đánh nên nói thác như thế.

Về phía quân Cần vương, Lê Duy Mật cũng dò biết rằng Trịnh Doanh phái Đình Cẩm và Bá Lân vào dẹp. Khi Bá Lân mang quân đến mà không đánh, Duy Mật không lấy làm lạ vì Bá Lân chỉ là phó tướng, tất nhiên không dám tự quyết, vì phải chờ Đình Cẩm là chánh tướng đến chỉ huy. Đã mấy lần Duy Mật mang quân đến phá thành. Nhưng phía trong Bá Lân, vẫn hết sức phòng thủ nên cũng không sao hạ được.

Một hôm, Duy Mật đương ngồi trong trướng cùng với Duy Chúc và Ngô Hưng Tạo bàn cách phá thành thì chợt có quân vào báo là Hoàng Mộng Lương đã từ lũy Ngọc Lâu cùng mấy tên quân bản bộ chạy đến. Duy Mật truyền cho vào thì thấy Mộng Lương dáng người phờ phạc và đầu quấn khăn tang, coi dung mạo, có vẻ rất tiêu tụy. Duy Mật chưa kịp hỏi thì Mộng Lương đã òa lên khóc nói lũy Ngọc Lâu mất và Duy Quy đã tử trận rồi.

Trong lúc hốt hoảng, Duy Chúc và Duy Mật cũng không cầm được giọt lệ, nhưng sợ làm nao núng ba quân, nên phải cố nhịn mà bảo Mộng Lương thuật lại những cố vì sao mà Ngọc Lâu thất thủ.

Nguyên thám tử của quân Cần Vương không nghĩ đến việc Đình Cẩm tắt qua dãy núi Tam Điệp mà tiến về miền thượng du trấn Thanh Hoa nên không lưu ý đến cánh quân này. Đình Cẩm được yên tĩnh vòng qua địa hạt Cẩm Thủy mà lộn xuống Thạch Thành, khi gần đến Ngọc Lâu, Đình Cẩm cho đóng quân ở trong rừng, rồi phái người đi do thám các ngả.

Sau khi xét rõ hình thế, Đình Cẩm nghĩ chỉ có một đường có thể vào được lũy, đường ấy là cửa chính trông ra bờ sông. Nếu cứ công nhiên mà đánh thì không thể phá được nào, tuy trong lũy rất ít quân và do Lê Duy Quy là một người không có biệt tài về chiến trận phòng giữ.

Viên thống lĩnh liền nghĩ được một kế: lúc nhá nhem tối, Đình Cẩm phái một viên tỳ tướng là Trương Cao Phong mang năm mươi tên quân ăn mặc giả quân Cần vương đến gọi cửa lũy, nói là Duy Mật phái về lấy lương. Quân trong lũy thấy quân ngoài ít, lại y phục và khẩu hiệu giống hết quân mình nên không ngờ vực gì cả, mở ngay cửa lũy cho vào. Khi đã qua được cửa lũy rồi, Cao Phong liền chém giết quân canh lũy và đốt pháo lên làm hiệu. Đình Cẩm từ dưới sông thúc quân lên đánh, quân Cần vương bị đánh phá giữa lúc không ngờ, chỉ cầm cổ chạy, giày xéo lên nhau mà chết.

Duy Quy đương ngồi trên tú nghĩa sảnh, thấy náo động, vội chạy ra, liền bị Cao Phong chém chết mà chặt lấy đầu. Hoàng Mộng Lương liệu biết là thế không thể cứu vãn được nữa, liền cùng mấy tên quân bản bộ, liều chết tháo lấy một lối chạy.

Nghe lời Mộng Lương thuật lại, Duy Chúc và Duy Mật da mặt tái dần. Hai người đoán biết rằng quân Đình Cẩm chẳng mấy lúc nữa sẽ tới nơi, vội truyền cho các đội ngũ phải nghiêm phòng, nhưng lệnh chưa kịp thi hành thì từ phía Tây bụi cát đã bốc mù trời và một lá cờ tướng trên thêu chữ “Trần” đã phất phới bay theo chiều gió.

Trong trấn thành Thanh Hoa, Nguyễn Bá Lân đương cùng các tướng họp bàn cách phá giặc, chợt nghe có tiếng đại bác, Ngô Nhật Chí hưng hăng xin ra xem tiếng súng đó ở đâu, nhưng Bá Lân cản lại, mỉm cười:

- Hôm nọ tôi có hứa rằng một ngày kia, ai muốn đánh sẽ được đánh. Ngày tôi hẹn là hôm nay đó, tướng quân nên mau mau ra trận.

Ngô Nhật Chí vội mang quân ra khỏi cửa thành thì thấy quân của Đình Cẩm và Duy Mật đương xung sát nhau ở phía trước rồi, bấy giờ mới biết rằng Bá Lân đã có kế sẵn.

Nhật Chí hăng hái quát ngựa xông vào mặt trận. Ngô Hưng Tạo vội ra nghênh chiến, nhưng mới đánh được mười hợp, bị Nhật Chí đâm chết. Quân Cần vương đương cầm cự với Đình Cẩm, chợt có Nhật Chí tiến đến thì rối loạn, tan vỡ một người một nơi. Duy Mật bị Đình Cẩm và Nhật Chí vây vào đánh suốt từ trưa đến tối, người đã mệt nhoài, lại viện binh không có nên cũng phải tìm một chỗ thừa người mà cầm đầu chạy. Nhật Chí thúc quân đuổi theo hàng mấy chục dặm, đến trước một khu rừng thì trời tối, đành phải mang quân quay về.

Đình Cẩm ở phía sau, chém giết hồi lâu, quân Cần Vương kẻ chết người bị thương, trông ra chiến trường chỉ thấy những thân chết ngổn ngang, máu gập lạnh, đông lại, đóng văng cả trên mặt đất.

Đình Cẩm và Nhật Chí thắng trận trở về thành. Bao nhiêu công trình tổ chức của Duy Quy, Duy Chúc và Duy Mật trong mấy năm trời, không ngờ chỉ trong một giờ, đã tan ra như mây khói.

Duy Mật, cũng may nhờ có rừng rậm, Nhật Chí không dám đuổi đến kỳ cùng nên thoát chết, nhưng người mỏi, bụng đói, đành cử phóng cương cho ngựa đi vơ vẩn ở trong rừng. Chợt đến một khum cây mà lá rũ xuống tối đen, con ngựa bỗng ngừng lại mà hí lên một tiếng thật to. Duy Mật như người ngủ mê, bỗng choàng dậy. Chàng bước xuống, nhìn về phía trước, thấy có một người nằm phục xuống đất mà rên rỉ. Chàng ghé xuống nom vào tận mặt người ấy thì là

Duy Chúc. Duy Mật bắt giắc òa lên khóc, Duy Chúc nghe tiếng cũng bừng mắt ra, thấy Duy Mật thì nước mắt ứa ròng ròng.

Cổ nuốt sự đau khổ, Duy Mật hỏi Duy Chúc tại sao lại một mình, nằm trơ trọi nơi này thì, Duy Chúc liền trở vào ngực mà nói được một câu: “Ta chết, mọi việc sau nay là ở cháu.” Rồi nhắm nghiền mắt lại.

Duy Mật do theo ngón tay của Duy Chúc mà nhìn nhận thì thấy giữa ngực Duy Chúc có một mũi tên, ngấp xuống đến tim. Chàng cúi xuống rút mũi tên ra thì Duy Chúc hét lên một tiếng mà tắt nghỉ.

Trước cái xác chết của Duy Chúc là người thân thiết sau cùng của chàng, Duy Mật tự nhiên thấy bao nhiêu sự đau khổ cùng một lúc đều hiện ra. Không tự kiềm chế nổi, chàng ôm lấy cái xác mà khóc, tiếng khóc thảm thiết của chàng, bị hàng ức triệu lá cây vang động trở lại, làm cho cả khu rừng cùng bị chìm đắm vào một cảnh thê lương, ảm đạm.

Thất vọng quá, Duy Mật nhắc lấy lưỡi gươm, toan đâm cổ tự tử để chết theo Duy Chúc, thì chợt phía sau có người đằng lấy gươm, chàng quay lại thì là Kiện Nhi. Nguyên trong cuộc xung sát, Kiện Nhi vẫn theo liền với Duy Chúc. Chợt thấy Duy Chúc trúng tên, ngã ngựa thì Kiện Nhi vội tiến lên ôm lấy Duy Chúc mà chạy vào khu rừng này. Đến đây, Duy Chúc kêu khát nước, chàng liền để Duy Chúc đó mà đi tìm nước uống, không ngờ lúc quay về thì Duy Chúc đã chết rồi và chàng lại phải chứng kiến một cái thảm trạng thứ hai là Duy Mật đương toan tự sát.

Kiện Nhi khuyên giải hồi lâu, Duy Mật mới lau khô giọt lệ, rồi lấy gươm đào đất mà đắp diêm cho người thiệt mạng.

Suốt đêm ấy, Duy Mật và Kiện Nhi nằm ấp trên mồ Duy Chúc. Sáng sớm, hai người sợ quân sục bắt nên ăn vội một chút lương khô mà Kiện Nhi mang theo, rồi lang thang tìm ra cửa rừng, không ngờ đi mới được dăm chục bước thì đã tới sông lớn mà bờ nọ cách bờ kia có hàng non một dặm. Hai người nhìn quanh quất, thì ở ven sông có một chiếc thuyền ván, Kiện Nhi bước xuống xem thì trong thuyền không người, nhưng có đủ cả lương thực và các vật cần dùng như buồm, neo và chài lưới.

Kiện Nhi cho đó tất là một cái thuyền chài và bển chắc cũng không xa, nên bàn với Duy Mật nên xuống phăng thuyền này mà phóng ra bển. Duy Mật dùng dằng không nỡ, nhưng Kiện Nhi lấy ở trong bọc ra hai lạng bạc để ở chỗ cắm thuyền, rồi co Duy Mật xuống mà nhổ sào, cho thuyền xuôi theo hạ lưu con sông đó.

Kiện Nhi đoán quả không sai, vì thuyền đi từ sáng sớm đến quá trưa thì thấy lòng sông đã rộng ra không biết mấy lần và phía trước chỉ thấy mênh mông những trời với nước.

Liệu chừng đã sắp ra khơi rồi, Kiện Nhi liền ghé vào một bên gần ngay bờ sông mà mua thêm một ít đồ thiết dụng. Khi Kiện Nhi quay xuống thì Duy Mật sửa soạn mọi việc cũng vừa xong, hai người liền dương buồm cho thuyền dong ra bển.

Đứng trước những ngọn sóng dữ dội của cửa Thần Phù, Duy Mật lại hồi tưởng lại những việc đã xảy ra từ năm năm về trước, lần đầu tiên chàng được mục kích những cảnh trí thiên nhiên của cửa bể này. Lần ấy, cũng sau những cuộc thất bại đau đớn của đảng Cần vương. Nhưng để tự yên ủi, chàng còn có chú, có anh và bao nhiêu người khác nữa, cũng như chàng, cùng nuôi một hy vọng. Nay những người ấy lần lượt đều đã là người thiên cổ mà những cảnh trí thiên nhiên của đất trời thì vẫn không suy suyển mảy may. Chàng tự thấy thân mình nhỏ xiu, bên cạnh những thành tích vĩ đại của Hóa công. Cái thân mình dù mất hay còn, cũng không thiết gì đến đại cục của trời đất. Song chàng lại nghĩ như Tô Thức đời Tống, núi sông tuy còn mãi, nhưng là vật vô tri, tự nó không có giá trị gì. Trái lại, đời người dù không được lâu dài, nhưng nếu đã làm nên sự nghiệp thì danh còn mãi mãi. Vào sinh ra tử, phải chăng là chàng đã tự luyện cho ba chữ tên mình được bền vững với núi sông, tuy thân chàng không thể tránh được đạo luật thiên nhiên của trời đất là sẽ hư nát cùng cây cỏ.

Nghĩ đến đây, Duy Mật thấy hứng chí, cầm bơi trèo, gõ dipy vào mạn thuyền mà hát:

Trời cao vọi vọi hề, bể rộng mênh mông
Gió thổi gắt gao hề, sóng vỗ ùng ùng
Ngang trời dọc đất hề, một chiếc thuyền bông.
Vào sinh ra tử hề, chẳng chút sồn lòng.
Là đấng anh hùng,
Bọc xương da ngựa
Dù thành dù bại
Tên lưu muôn thuở
Năm gai nếm mật
Nào dám tiếc công
Ai khen chê? Mặc!
Ta vững một lòng.
Đã mang tiếng ở trong trời đất,
Há chẳng danh gì với núi sông.

Càng hát, Duy Mật càng thấy trong lòng phấn khởi, tiếng chàng át cả tiếng sóng. Giữa một cảnh mà món bài trí là trời, là nước, cái dung mạo hùng tráng của Duy Mật khiến cho người ta hình dung chàng như Hạng Vũ ở Cai Hạ, hay Quan Vân Trường khi hội yển ở Giang Đông. Thời đại tuy có khác, nhưng tâm trí của người anh hùng bao giờ cũng là một.

TRONG ĐIỆN VẠN THỌ

Chiếc trống treo lủng lẳng trên cửa Đoan môn vừa điểm hai tiếng. Mấy ngọn đèn dầu lạc dần dần tắt nốt, đẩy kinh thành Thăng Long vào một cảnh âm thầm. Bọn lính túc vệ, danh là đi tuần, nhưng cũng chỉ là cầu cho tác trách, đã tìm được một nơi hẻo lánh mà ngủ im thin thít.

Về phía cửa Tuyên Vũ, dưới chiếc hào sâu thăm thẳm, nếu ai nhận kỹ, sẽ thấy một cái đầu người lù lù trôi trên mặt nước. Cái đầu đó giạt dần vào phía chân thành. Nhưng khi đã đến sát bờ hào rồi, thì cả cổ cũng nhô lên, tiếp đến mình, rồi đến tay chân. Góp cả lại thành một hình người to lớn và nước da hồng hào, trông toàn thể không khác một vị lực sĩ mà người ta thường tả trong các truyện cổ tích. Người này ẩn vào một chỗ tối, rồi ung dung bỏ những khăn áo quần trên đầu xuống mà mặc vào mình. Khi đã vượt lại cho chiếc khăn yếm vĩ và những nếp áo được phẳng phiu, lực sĩ lúi từ dưới hào lên một tấm vải ướt mà một đầu có buộc một hòn gạch to. Chàng cầm giữa tấm vải mà vung lên một cái thật mạnh, đầu có hòn gạch vắt sang bên kia mặt thành, đầu đằng này thì thông lọng xuống, không khác một tấm câu đối thật dài, treo lủng lẳng trên bức tường gạch sạm đen là cái màu đặc biệt của gió, mưa và năm, tháng.

Lực sĩ bám lấy đầu tấm vải mà leo thoăn thoắt lên mặt thành. Khi đã tới đích rồi, chàng liền rút đầu vải ở ngoài thành lên mà cuộn lại, rồi giấu kín trong một bụi cỏ. Từ đó lực sĩ không phải lo ngại gì nữa, vì phía trong từ mặt thành xuống đất có bậc gạch, đi lại rất dễ dàng. Điều đáng đề dặt là tai mắt của bọn lính đi tuần, nên lực sĩ cứ lựa những chỗ khác khúc khuỷu mà đi và luôn luôn ẩn mình trong bóng tối.

Đi chừng một lát, lại đến trước một bức tường gạch, chỉ cao gấp hai đầu người nên lực sĩ nín hơi nhảy một cái là vượt qua. Phía trong bức tường này, hiện ra một tòa lầu đài rất tráng lệ, tuy nước thếp vàng ở những cột và cửa vồng đã phai gần hết và trên thềm đá lát hoa, nhiều chỗ bị cỏ gấu và rau sam xâm lấn. Lực sĩ hình như đã gửi một cái dĩ vàng buồn thảm trong tòa lầu đài này nên chợt trông thấy ba chữ “Cần Chánh điện” khắc trên một bức hoành sơn treo ở ngay cửa vào thì, toàn thân rung động và chân không bước nữa.

Điện Cần Chánh trong cung vua Lê quả là công trình kiến trúc đẹp nhất tại Đô thành. Người ta xây nó hồi vua Lê Thái Tổ bỏ cái danh hiệu Bình Định Vương mà lên ngôi Hoàng đế ở Thăng Long. Từ đó, các vua Lê kế tiếp nhau lên trị vì đều có sửa sang lại điện Cần Chánh ít nhiều và đều dùng điện ấy làm chỗ thị triều. Về thế kỷ thứ XXII, điện Cần Chánh đã làm chỗ trú chân tạm thời cho cha con họ Mạc và vua Lê phải vào ở tạm đất An Trường¹⁰. Nhưng khi Trịnh Tùng đuổi được Mạc Mậu Hợp thì điện Cần Chánh cũng như tất cả kinh thành Thăng Long, lại trả về chủ cũ của nó là vua Lê.

Xin các bạn đọc tha thứ cho chúng tôi cái tội đã chú trọng vào tòa lầu đài này nhiều quá. Nhưng rồi đây các bạn sẽ cùng nhìn nhận như chúng tôi là điện Cần Chánh của vua Lê đã có một thiết quan hệ với vai chính trong truyện này và nó là cái tang chứng rất rõ rệt trong cuộc hưng vong của một triều đại.

Như trên chúng tôi đã nói, Trịnh Tùng từ khi giật lại được cho nhà Lê cái giang sơn nhất thời bị sa vào trong tay họ Mạc thì, điện Cần Chánh lại được sửa sang cẩn thận và xây thêm hai dãy đài lầu viện, ráp theo kiểu điện Cần Chánh của Tàu. Rồi, mỗi tháng hai kỳ, ngày Sóc và ngày Vong, vua Lê ngự ở điện Cần Chánh để bàn chính sự với các quan, trong số có cả chúa Trịnh. Nhưng thế lực của vương phủ mỗi ngày một mạnh, dần dần lấn hết cả uy quyền của vua Lê. Chúa Trịnh vào chầu, trước còn lạy sau không lạy nữa, cho đặt ngay một cỗ sập ở bên tả ngự tọa mà ngồi. Đến đời Trịnh Giang thì Chúa cũng chẳng vào chầu vua nữa, các quan văn võ họp ngay ở bên vương phủ để bàn cách trị dân. Thế là triều đình bị bỏ không. Điện Cần Chánh trước kia được người ta ra vào tấp nập và coi như một chỗ rất tôn nghiêm, nay trở nên vắng vẻ, đến hàng năm không có vết chân người qua lại. Họa chăng chỉ có đàn chim sẻ đến làm tổ vào những khe tường hoặc trên góc những bức hoành phi, để tàn phá nốt một vật đã bị thời gian tàn phá.

Vị lực sĩ mà từ nãy đến giờ, chúng ta vẫn để đứng trước cửa điện Cần Chánh, lúc còn nhỏ đã

được chứng kiến cuộc toàn thịnh của đèn này, nhất đán trông thấy nó bị hoàn toàn hoang phế thì không khỏi rùng mình, nhất là chàng lại là một trong những người đã được cái vinh dự làm chủ nhân của nó.

Một luồng gió lạnh chợt thoáng qua làm cho lực sĩ như đương ở trong giấc mộng triền miên, bừng tỉnh dậy. Chàng thủng thỉnh bước vào trong điện, rồi như người ở đó đã lâu ngày, nghĩa là thuộc hết cả đường lối, chàng lấy tay đẩy một cái then gỗ, cánh cửa nách bỗng mở hé ra. Chàng lách mình qua cánh cửa đó thì tới một cái sân rộng lát đá hoa, chung quanh có nhiều chậu cảnh bày trên những cái đôn bằng sứ. Phía trong chiếc sân này, là một tòa lầu dài thứ hai nữa, cũng trắng lẹ, chẳng kém gì lầu dài trên. Nhưng còn được có người trông nom, vì ba chữ “Vạn Thọ cung” ở trên mái hình như mới tô điểm lại.

Lực sĩ đi thẳng vào gian đầu cung “Vạn Thọ”, thấy phía trong còn có ánh đèn. Chàng trông qua khe cửa, thấy trên có một cái sập sơn son có một thiếu niên đương nằm đọc sách, bên cạnh là một cây bạch lạp để trên cái án thư gỗ trắc.

Lực sĩ sẽ đẩy cửa bước vào. Thiếu niên nghe động bỏ nhồm dậy, miệng thảng thốt:

- Duy Mật!

Lực sĩ mà các bạn đã nhận ra là Hoàng đệ Duy Mật - quỳ phục xuống đất, nghẹn ngào nói:

- Xin Hoàng thượng xá cho thần cái tội đã làm xúc động đến thánh thể và các anh em tôn thất, vì thần mà mang lụy.

Thiếu niên - vua Vĩnh Hựu - lúc ấy không phân biệt gì là vua với bề tôi nữa - vội bước xuống, ôm lấy Duy Mật mà khóc. Hồi lâu, nói:

- Trong năm năm trời nay, không lúc nào ta không tưởng nhớ đến em. Sau lần thất bại ở Thăng Long, ta tưởng không bao giờ được thấy mặt em nữa. Không ngờ ngày nay..., có lẽ Thượng đế chưa nỡ để cho nhà Lê ta đến tuyệt diệt.

Sau khi Duy Mật thuật lại cuộc thất bại ở Ngọc Lâu và cái chết thảm khốc của Duy Quy và Duy Chúc, vua Vĩnh Hựu hỏi:

- Hiện thời em đã có chủ định gì chưa?

Duy Mật cúi đầu đáp:

- Tàu bệ hạ, thần ở Thanh Hoa chạy ra đây mới hơn một tuần, ngày đêm vẫn phải lẩn núp một nơi, nên chưa dám có định kiến gì cả.

Nghĩ ngợi một chút nhà vua phán:

- Chức Hồng lô là Bùi Sĩ Ngân, tháng trước có phái người về mật tâu với Trẫm là định khởi quân tại Sơn Tây để trừ họ Trịnh. Khanh nên đến đó mà giúp Sĩ Ngân họa may có thể thành công được. Sợ khanh chưa gặp mặt Sĩ Ngân bao giờ, hẳn không tin chẳng. Vậy nên cầm lấy thanh bảo kiếm này làm tin và nói là do trẫm phái lên giúp đỡ.

Vừa nói, nhà vua nhắc lấy một thanh kiếm treo trên tường mà trao cho Duy Mật. Chàng quỳ đỡ lấy thanh kiếm rồi lạy tạ lui ra. Vua Vĩnh Hựu trông theo đến khi chàng đi khuất vào những lớp tường tối om của điện Cần Chánh, rồi mới quay vào phòng mà khép cửa lại.

Duy Mật sờ dĩ đi lại trong cung được dễ dàng như vậy, là vì, hồi này nhà Lê đã suy đến cực điểm. Món thuế một nghìn xã mà họ Trịnh dành cho vua Lê, chẳng đủ nuôi sống vài trăm người trong Hoàng tộc, còn nói chi đến người ngoài. Cho nên các quan lại cũng như những cung tần, người nào muốn cầu phú quý, đều kéo cả sang bên Phủ liêu, triều đường rút lại, đã bị hãm vào hai cảnh điêu đứng cũng đáng ái ngại như nhau, điêu đứng cả về tinh thần lẫn vật chất.

Ra khỏi hoàng cung, Duy Mật ghé vào nhà Thái miếu, một ngôi đền, trước kia cũng nguy nga lẫm, nhưng nay cũng không tránh khỏi cái công lệ của tất cả những vật gì ở trong quyền sở hữu

của vua Lê, là hoàng tàn. Cặp tay đứng trước miếu, chàng lẩm nhẩm khẩn các đấng tiên vương, cầu phù hộ cho chàng. Không rõ những lời cầu nguyện của Duy Mật có thấu đến thần linh không, chỉ biết rằng chỗ này đã lâu không ai qua lại, nay chợt có tiếng người thì cứ từ những cái xà nhà mục nát, đàn chim sẻ bỗng hoảng sợ bay ra, làm cho Duy Mật rùng mình mà rảo bước.

Lại theo con đường cũ, chàng lên mặt thành thì cuộn vải hãy còn nguyên chỗ cũ. Chàng lại dùng nó làm thang mà leo xuống chân thành. Khi chàng đương trút quần áo ra mà quần lên đầu, để lại bờ qua hào thì, từ trên mặt thành, cách chỗ Duy Mật, chừng dăm chục bước, chợt có một sợi dây thông lòng xuống, rồi hai chân người thò xuống mà cặp lấy đầu dây. Một ý nghĩ chợt thoáng qua khối óc của Duy Mật, chàng rón rén chạy đến chờ ở cuối dây. Khi người ở trên vừa xuống đến mặt đất, liền bị Duy Mật nắm chặt lấy ngực áo, tay bên kia thì dơ kiếm lên dọa.

Người mới xuống bị Duy Mật tóm lấy giữa lúc không ngờ, nên da mặt tái nhợt và miệng ấp úng mấy tiếng mà không ai hiểu được là hẳn muốn nói gì. Nhưng Duy Mật vẫn bình tĩnh, hỏi:

- Chúa Trịnh sai mày dò xét ta phải không?

Người lạ mặt hai hàm răng đụng vào nhau cắn cạp, thưa:

- Thật không phải tôi định ý dò xét ngài. Chúng tôi là một bọn thám tử do nhà Chúa sai sang dò xét hành vi của vua Lê. Vì ngài vừa vào chầu vua nên tôi phải theo dò tung tích để về “khải” với Chúa.

Chàng bỗng lại hỏi:

- Mày có biết ta là ai không?

Thám tử lắc đầu.

- Vua Lê với ta nói những chuyện gì, mày có biết không?

Thám tử lại lắc đầu, nói:

- Tôi không dám theo vào cung Vạn Thọ nên không được biết.

Duy Mật thấy lời nói của hẳn có vẻ thành thực nên động đến từ tâm, nói:

- Ta tha cho mày. Nhưng ta cấm mày không được trình báo gì về những việc ta làm hôm nay. Nếu mày làm trái lời ta, quyết ta không để cho mày được toàn tính mạng.

Thám tử vâng dạ, rồi lủi vào chỗ tối mà đi. Còn Duy Mật thì lại lội qua hào, đến quán Nghinh Xuân là nơi Trần Kiện Nhi đứng chờ từ trước, rồi hai người dắt tay nhau thẳng thỉnh lên phường Yên Phụ.

TẤM LƯỚI CỦA HỌ TRỊNH

Hôm sau, cũng vào buổi tối, trên bờ sông Nhị, chỗ giáp với chân thành Đại La, tuy còn có ít nhiều lái mảnh và dân chài ở ngoài bãi đi lại, sông trời lất phất mưa, đường lầy lội nên ai nấy đều bước rảo, không hề để ý đến những sự vật ở chung quanh mình. Dưới sông, thuyền đỗ san sát như lá tre. Dù không đến gần, người ta cũng có thể biết được rằng những thuyền ấy đã nghỉ tay chèo, vì những ngọn đèn dầu để ở khoang thuyền lấp lánh như hàng nghìn vọn ngôi sao, vẫn đứng yên một chỗ.

Từ một trong những chiếc thuyền ấy, hai người đứng đỉnh bước lên. Người đi trước, tay cầm kiếm, hình như để dẫn đường. Người đi sau bụng một cái quả sơn son, trong đựng vàng hương và một ít hoa quả. Hai người đi đến bến Thảo Tân thì rẽ vào một cái tha ma ở liền với bờ sông. Đến trước một ngôi mộ trên có cái bia còn khắc mấy chữ “Nghịch thần Vũ Công Thế” thì hai người cùng dừng chân lại.

Người bụng quả - Trần Kiện Nhi - đặt các lễ vật lên mộ, rồi cung kính đứng ra một bên, nhường chỗ cho người đi trước - Lê Duy Mật - bước vào.

Quỳ trước một Vũ Công Thế - ngôi mộ mà trước đây một tên đầy tớ của Công Thế, vì nghĩ tình chủ cũ, đã lượm lặt di hài mà táng qua quéo ở bên này - Duy Mật bất giác nghĩ đến tất cả những đồng chí mà sự thất bại đã chôn vùi. Bao nhiêu những cái dĩ vãng đau đớn lại lần lượt hiện ra trước mắt chàng. Không thể tự kiềm chế được, Duy Mật òa lên khóc. Tiếng khóc thấm thiết của chàng vào lúc đêm vắng, hòa với tiếng giun, dế, làm rung động cả một khúc sông, khiến cho người ngoài có cái cảm tưởng như mình đứng trước hàng ức triệu oan hồn vừa thoát ra ở nơi âm phủ.

Từ trong phường Nghĩa Dũng, gà đã cất tiếng gáy lần thứ nhất. Kiện Nhi vội thu các lễ vật lại và giục giã Duy Mật ra về. Duy Mật gạt nước mắt, toan lay tạ đứng lên thì, trong đêm vắng, bỗng rít lên một tiếng tù và, rồi không hiểu tự đâu, bốn mặt đều có quân lính mặc áo nâu đỏ và cầm khí giới đổ ra. Người đi đầu, nhờ có ánh sáng chói lọi của mấy bó đuốc, Duy Mật nhận ra chính là người mà chàng đã tha chết cho ở đàn Nghinh Xuân đêm trước.

Người này hoa lưới kiếm lên, hô lớn:

- Ai bắt sống được Lê Duy Mật sẽ được thưởng một vạn quan tiền.

Câu hứa đó đã gọi được một cách rất mạnh mẽ lòng ham muốn của mọi người, nên bọn quân lính, chẳng cần phải ai thúc giục, đều xô đến vây kín lấy Duy Mật.

Biết rằng mình ở vào một tình thế rất nguy hiểm, Duy Mật vung thanh kiếm lên, đâm bên tả, chém bên hữu. Nhưng một tên quân chết thì lại hàng năm bảy tên quân khác sấn lấn vào. Số quân lính bị giết, thây đã ngổn ngang cả trên bãi tha ma mà cuộc chiến đấu vẫn hăng hái không kém gì trước.

Khi chàng đang hết sức xung đột thì một tên quân từ ngoài xa, vung một cái câu liêm vào. Câu liêm ấy tình cờ mắc phải búi tóc chàng. Bọn quân lính không bỏ lỡ dịp, cùng giật mạnh chiếc câu liêm, Duy Mật ngã sấp mặt xuống. Thế là hàng trăm tên quân cùng xô vào, đè lên mình chàng mà trói gò chàng lại.

Chủ đã bị ngã, Kiện Nhi liệu một mình không làm gì được, vội nhảy ùm xuống mặt sông. Bọn quân lính cho là chẳng đáng khinh trọng, không buồn đuổi theo nên Kiện Nhi trốn thoát.

Giải đến trước viên Tứ thành đề lĩnh, Duy Mật cố ý chối cãi, nói mình là một lái buôn, đương đem lên viếng mộ một người thân thiết trên bến Thảo Tân. Nhưng Ngô Nho - viên tướng đứng đầu bọn quân lính ban nãy hay cũng là thám tử mà chàng tha chết hôm qua - đã đến đó mà tố giác chàng. Theo lời tên này, thì ngay khi chàng mới bước chân lên bến Thảo Tân, hắn đã dò biết tung tích của chàng rồi. Từ đó, hắn theo dò từng bước. Chàng đi đâu? Chàng giao tiếp với ai? Những hành vi của Lê Duy Mật trong ngót nửa tháng trời, Ngô Nho nhất nhất cung xưng cả

ra.

Duy Mật không thể cãi được nữa.

Người ta tạm giam chàng ở ngục đề lĩnh, chờ Minh Đô vương về xét xử.

Duy Mật bị giam trong ngục đã ngót nửa tháng. Trong nửa tháng ấy, mỗi tiếng sịch cửa đều làm cho chàng thảng thốt như đã có người đến giải chàng ra chốn pháp trường.

Tuy vậy, Duy Mật vẫn còn sống.

Hơn nữa, chàng vẫn được người ta cho ăn uống rất đầy đủ, khác hẳn các tội nhân thường.

Tại sao Duy Mật được sống lâu như vậy, đáng lẽ cái tính mệnh của chàng chỉ ở trong một khắc hay một giờ?

Đó là điều Duy Mật cố tìm biết mà không sao biết được.

Chàng bức dọc không biết ngần nào. Vì chàng yên trí là trước sau chàng cũng chết và chỉ cầu chết sớm cho chóng được siêu thoát. Nhưng muốn cũng chẳng được. Chàng đành phó mặc cái thân thể của mình cho số mệnh.

Một đêm, chàng đương thiu thiu ngủ thi thoảng có tiếng gọi sẽ: “Duy Mật!”. Chàng lắng tai nghe thì tiếng ấy lại gọi dồn: “Duy Mật! Duy Mật! Mau mau tỉnh dậy!”

Duy Mật nhận đích là người ta gọi mình, ngồi nhồm dậy thì thấy ngay trước mắt, dưới ánh trăng mờ mờ, hiện ra một thiếu niên mà dáng dấp kiều mỵ như một vị tiên nga. Thiếu niên có đôi mắt long lanh như nước hồ thu. Lại thêm cặp môi xinh xắn như một vết son điểm trên khuôn mặt trái xoan, phủ bằng nước da trắng nuột. Thiếu niên búi tóc trần, mặc áo chên, ngoài thắt một dải lụa xanh và tay cầm kiếm.

Thiếu niên đến trước Duy Mật, chắp tay vái chào, nói:

- Xin mời Đức ông đi theo tôi ngay.

Nhưng chợt trông thấy chân tay Duy Mật đều bị xiềng xích cả thì mỉm cười nói tiếp:

- Xin Đức ông tha lỗi cho. Tôi quên không để ý đến những cửa nỏm này nó làm cho Đức ông bị vướng vít, không cử động được.

Rồi, chẳng chờ cho Duy Mật trả lời, thiếu niên cầm lấy cái xích sắt, co mạnh một cái, xích đứt ra làm đôi. Cùm và xiềng cũng lần lượt bị thiếu niên bẻ gãy, như người khác bẻ một thanh củi mục.

Duy Mật thấy một người dung mạo yêu kiều như thế mà có sức khỏe phi thường thì kinh ngạc không biết ngần nào. Chàng còn đương ngơ ngẩn như trong một giấc chiêm bao thì thiếu niên đã làm xong mọi việc, co tay chàng đi, nói:

- Xin mời Đức ông đi. Chúng ta phải nhanh chân lên một chút, không có trời sáng mắt.

Qua những phút kinh ngạc ban đầu, Duy Mật nhanh nhẹn cùng đi với thiếu niên. Ra đến cửa chính thì gặp một tên lính canh cửa vừa qua. Thiếu niên, một tay nắm lấy cổ tên lính, một tay trật chiếc khăn đội trên đầu mà nhét vào mồm hắn, trong lúc Duy Mật tháo dây lưng của tên lính ra, trói gò hắn lại mà để vào một góc tường.

Đi khỏi chỗ này, thì đến một ngôi nhà rất cao, xây liền ngay với vệ đường. Nhanh nhẹn, thiếu niên bám vào cột nhà mà leo lên xà nhà. Duy Mật trông lên thì trên mái nhà có một lỗ thủng lớn, khiến cho chàng trông rõ cả trời. Chàng hiểu rằng chính do lối đó mà thiếu niên vào ngục cứu chàng, nên Duy Mật cũng trèo lên theo, rồi hai người cùng do lối đó mà ra khỏi nhà ngục.

Vừa xuống đến đường phố thì lại chợt nghe có tiếng sẽ nói:

- Xin chúc Đức ông được mạnh giỏi.

Chàng trông về phía phát ra câu ấy thì là Trần Kiện Nhi. Kiện Nhi giắt ba con ngựa tiến lại phía chàng với những nét vui mừng trên mặt.

Thiếu niên khiêm tốn mời Duy Mật lên ngựa, rồi cả ba người cứ lẳng lẳng đi về phương Tây. Thỉnh thoảng, Duy Mật liếc nhìn, thấy thiếu niên có vẻ kiêu diễm như một vị tuyệt thế giai nhân. Thiếu niên đôi khi cũng nhìn trộm lại chàng. Bốn mắt gặp nhau làm cho cả hai người cùng thẹn thùng và đôi gò má thiếu niên thốt khỏi ra hung đỏ.

Đến gần sáng thì cả bọn tới một xóm đông đúc ở ven một quả núi u uất mà thiếu niên nói là Sài Sơn. Thiếu niên xuống ngựa trước, Duy Mật, rồi đến Kiện Nhi cũng xuống theo. Chàng còn có ý chờ xem thiếu niên mời mình đi đâu thì từ trong một cái cổng gỗ, có ba bốn ông già ăn mặc tề chỉnh, bước ra.

Đứng trước một trong những ông già đó, thiếu niên chấp tay nói:

- Gửi thân phụ, con đã rước được Đức ông về đây, xin thân phụ ra nghênh tiếp.

Mấy ông già cung kính chào Duy Mật, rồi giơ tay mời chàng bước vào nhà.

Mọi người cùng mời Duy Mật lên ngồi cỗ sập cao nhất và ông già mà thiếu niên gọi là thân phụ cung kính, nói:

- Bốn anh em chúng tôi đây cùng là những thần tử nối đời ăn lộc nhà Lê, nhiều phen cũng muốn cử hợp nhau lại để bài trừ họ Trịnh, nhưng tài hèn không làm gì được, nên phải ẩn nhẫn ở chốn lâm tuyền này. Nửa tháng trước đây, nhân về thăm một người bạn ở Kẻ chợ, tôi được gặp Trần Hiệu úy (Kiện Nhi) là bạn đồng học với tiện nhi khi trước, mới biết tin Đức ông bị bắt và sợ dĩ chưa bị hành hình là vì người ta còn chờ Minh Đô vương đi dẹp giặc Ninh Xá chưa về. Tôi muốn cứu Đức ông, nhưng mình già sức yếu, liệu không làm gì nổi, nên vội đưa Trần Hiệu úy về đây và họp các bạn tôi lại để cùng nhau nghĩ kế. Cũng may, trong lúc chúng tôi bàn bạc thì tiện nữ là Trần Tú Xuân thoáng nghe thấy. Cháu Tú Xuân có võ vẽ vài món võ nghệ, tình nguyện xin đi cứu Đức ông và mời Trần Hiệu úy cùng đi để chỉ vẽ giúp cho đường lối và bảo cho biết cái dung mạo của Đức ông, vì cháu không được giáp tôn nhan bao giờ. Túng thế, tôi phải để cho tiện nữ đi, và suốt từ chiều qua đến giờ, chúng tôi vẫn thấp thỏm ngồi chờ tin. Thật là nhờ uy linh của Liệt thánh nên hôm nay được Đức ông hạ cố đến đây để chúng tôi được bái kiến.

Duy Mật vốn đã có ý quyến luyến Tú Xuân từ lúc đi đường, nay thấy nói nàng là con gái thì lòng bồi rối không biết là ngần nào. Chàng trông quanh quất ở chung quanh mình thì đã không thấy Tú Xuân đâu nữa.

Duy Mật quỳ xuống, định lạy ông già để tạ ơn. Nhưng ông già vội vàng đỡ dậy, nói:

- Cha con tôi chỉ mong làm hết đạo thần tử, chứ sao gọi là ơn được.

Tiếp, ông tự giới thiệu mình là Trần Kỳ Anh, đỗ Tào sĩ, làm quan đến chức Đô Kiểm điểm, vì thấy nhà Chúa ức hiếp nhà vua nên cáo về, để chăm lo việc dạy dỗ các con.

Ông lại giới thiệu ba bạn ông ở đó là Lý Như Hồ, Trình Quốc Phiên và Vũ Văn Toàn, đều là cự thần nhà Lê, vì không phục chúa Trịnh nên quay về điền lý.

Lê Duy Mật nấn ná ở nhà Trần Kỳ Anh, trong khi chờ Trần Kiện Nhi lên núi Tản Viên thăm Bùi Sĩ Ngân và ngỏ cho viên Hường lô biết cái chí của Duy Mật muốn hợp tác với họ Bùi để cùng khởi nghĩa.

Trần Kỳ Anh thì cùng với bọn Lý Như Hồ lấy nhân danh của Duy Mật, hết sức hiệu triệu các nghĩa sĩ ở trấn Sơn Tây. Con cái của mấy vị lão thần này như Trần Kỳ Hùng, Lý Bạch Long, Lý Bạch Phụng và Trình Tử Như cũng đến hội họp cả ở Sài Sơn. Các vị thiếu niên anh hùng đó hàng ngày cùng với Duy Mật bàn về thao lược và cùng với chàng luyện các môn võ nghệ. Sự gần gũi với Trần Tú Xuân làm cho Duy Mật mỗi ngày một thêm quyến luyến nàng. Kỳ Anh cũng hiểu ý và cho rằng một đôi trai gái yêu nhau là lẽ tự nhiên. Song công việc ngổn ngang và Lê

Duy Mật hiện đương bốn bề không nhà, nên sợ nói chuyện hôn nhân vào lúc này có điều không tiện.

Tú Xuân, tuy không nói ra, nhưng cũng không phải là vô tình trước cái tình yêu nồng nàn của Duy Mật. Vì mỗi khi có cơ hội được gặp mặt chàng, thì nàng cố kéo những phút sum họp ấy cho dài thêm ra. Và, bốn con mắt nhiều lần đã gặp nhau, làm cho dáng dấp của Tú Xuân có vẻ ngượng ngùng và đôi má nàng bừng đỏ.

Tú Xuân yêu Duy Mật. Nhưng là một tấm tình yêu dè dặt, cái yêu mà nàng cố chôn chặt xuống đáy lòng. Tuy phải giao tiếp luôn với Duy Mật trong các cuộc thao diễn và bàn bạc về binh cơ, nhưng Tú Xuân vẫn nói năng và cử chỉ theo lễ vua tôi. Đã vậy, bấy lâu Tú Xuân lại luôn luôn ăn mặc theo lối đàn ông, nên người ngoài, nếu không tinh ý, không thể nào nhìn thấy mối tình nồng nàn hiện bị giấu kín trong thâm tâm của cô thiếu nữ đó.

Duy Mật cũng vậy.

Chàng tuy ít tuổi, nhưng bị không biết bao nhiêu nỗi gian nguy và đau đớn trác luyện, khối óc chàng đã khô rắn và con mắt xét đời của chàng trở nên sành sỏi khác hẳn người thường. Đã có lúc chàng ngờ vực rằng Tú Xuân không có cảm tình với chàng. Nhưng để ý vào đôi con mắt đương sắc sảo của Tú Xuân lúc gặp chàng bỗng đổi ra dịu dàng, những lời nói đanh thép của nàng khi hỏi han chàng thì nó trở nên êm ái. Duy Mật luận ra rằng Tú Xuân đã thành thực yêu chàng. Tình yêu đó làm dịu hẳn khối óc của kẻ chinh phu và gây cho chàng sự yêu đời và ham sống.

Một hôm, nhân gặp lúc nhàn rỗi, Duy Mật cùng các bạn lên hóng mát trên núi Sài Sơn.

Trời xế chiều mọi người đều xuống núi. Riêng Duy Mật ngồi lủi lại. Chàng trông về Thăng Long, động lòng hoài tưởng, hai giọt nước từ từ hiện ra ở khóe mắt chàng. Chợt phía sau có tiếng chân người, Duy Mật vội quay lại, không ngờ là Tú Xuân. Tú Xuân, vì đi vòng ra sau núi hái hoa, nên chậm bước, về sau. Đến đây, thấy Duy Mật có dáng ưu muộn thì nàng cũng vì liên cảm mà không giấu được vẻ buồn. Rón rén bước đến gần Duy Mật, Tú Xuân thổ thề:

- Đức ông không nên bi thương quá đổi. Làm tài trai đã có chí lập công danh ở trên yên ngựa, thì một ngày kia, tất thế nào Thượng đế cũng sẽ rửa lòng thương đến mà cho Đức ông đạt được cái chí nguyện một đời.

Duy Mật lắc đầu:

- Đối với mọi người thì câu khuyên của nàng đó là chí lý. Nhưng cái cảnh ngộ của tôi không phải thế. Nếu tôi chỉ cầu lấy phú quý thì ngay từ khi mới lọt lòng mẹ ra, tôi đã mang theo sẵn cả hai cái phú, quý rồi. Vì được cái hạnh phúc là con vua, lớn lên dù không làm vua, tôi cũng được dự vào ngôi thứ nhì hoặc thứ ba trong nước. Song, việc đời nào có như thế. Là dòng dõi Hoàng đế, tôi và các anh em tôi lại bị họ Trịnh hà hiếp quá những người dân thường. Để đáp ứng sự uy hiếp của họ Trịnh, cái nghĩa vụ của tôi là không được luyến tiếc cái tính mệnh của mình. Cái tính mệnh ấy, tôi đã coi rẻ trong ngót mười năm nay. Điều đó, tôi không hề oán than. Việc nó làm cho tôi mỗi lần nghĩ đến lại đau lòng là không biết bao nhiêu bực trung thần, nghĩa sĩ như Vũ Công Thế, Hà Quốc Uy, như hàng muôn nghìn người đã qua và hàng muôn nghìn người sắp tới, đã và sẽ vì tôi mà bỏ thân ở chốn sa trường. Những người đó đành rằng trước sau rồi cũng chết, nhưng nghĩ đến rằng họ đã chết vì tôi, thì tôi không thể nào không hối hận.

Nói xong, Duy Mật lại gục đầu xuống hai bàn tay, hình như cố giấu kín để Tú Xuân khỏi nhìn thấy những giọt nước mắt dội xuống má chàng.

Tú Xuân ngẫm nghĩ một chút, nói:

- Lời nói của Đức ông quả là xuất ở tấm lòng nhân ái của người quân tử. Song nếu nghĩ rằng những người đó vì Đức ông mà chết oan là lầm. Sự thực là họ đã nhờ Đức ông mà lựa được một cái chết xứng đáng, cái chết nó khiến cho người ta sẽ sống với mai hậu. Đức ông sinh trưởng ở nơi phú quý mà không mê mết về phú quý, đó là người có nhân. Đức ông lại biết hy sinh cái phú quý mà tự phơi thân ra chỗ chiến trường để khôi phục lại chính quyền cho nhà Lê. Như

vậy là có nghĩa hoặc cũng gọi là trung quân ái quốc. Công việc dù thành hay bại, ba chữ tên của Đức ông vẫn được đứng vào những trang tốt đẹp trong lịch sử sau này. Tóm lại là Đức ông đã biết mài giũa cái sống để tạo nên một cái chết vinh quang, cũng như tất cả các bậc trung thần, nghĩa sĩ còn lưu danh trong lịch sử. Những người đi theo Đức ông thế tất cũng nghĩ như Đức ông. Họ cũng muốn trở nên những bậc trung thần nghĩa sĩ. Họ cũng muốn lưu danh về mai hậu nên đã hy sinh tính mệnh ở sa trường. Họ chết là vì cái thanh danh của họ. Đức ông thực ra chỉ là người đã chọn giúp cho họ một cái chết vẻ vang. Đời của họ, họ không tiếc, cũng như cái chết của họ, họ đã vui lòng mà nâng lấy rồi. Vậy đối với họ, cũng như đối với lịch sử, Đức ông phỏng có tội gì? Vì có gì Đức ông phải hối hận?

Từ trước đến giờ Duy Mật chỉ biết rằng Tú Xuân có cái sức khỏe tuyệt luân, nghĩa là một kẻ võ dũng chưa hẳn đã có kiến thức gì. Đến bây giờ thấy nàng nghị luận xác đáng và lời lẽ rất hùng hồn thì mối buồn của chàng tự nhiên đã tiêu tan mà tấm lòng kính phục của chàng đối với Tú Xuân, trước có một phần, nay tăng lên gấp bội.

Duy Mật hơi có đáng thẹn, vội chùi nước mắt nói:

- Lời biện luận của nàng thật là xác đáng. Từ nay không bao giờ tôi dám trở lại những ý kiến hẹp hòi của tôi về trước nữa.

Tú Xuân thấy Duy Mật đổi sang vui vẻ thì cũng mừng thầm mà khiêm tốn, nói:

- Đó là những lời thành thực của tôi, chỉ mong làm cho Đức ông được vui vẻ mà làm nên sự nghiệp.

Câu nói giản dị này vô tình đã làm lộ hẳn mối tình mật thiết của Tú Xuân đối với chàng nên quên cả những sợi dây bó buộc về lễ giáo, Duy Mật cầm lấy tay nàng mà nói với một giọng rất dịu dàng:

- Tôi chỉ ao ước được gần gũi luôn với nàng để được nghe những lời nàng chỉ giáo.

Tú Xuân sẽ giằng tay ra, bẽn lễn đáp:

- Nếu Đức ông chẳng chê tôi là quê kệch mà cho được hầu hạ thì may cho tôi không biết chừng nào.

Câu trả lời của Tú Xuân cũng như câu hỏi của Duy Mật có giá trị như một cuộc đính hôn chính thức, vì từ hôm đó, bề ngoài hai người vẫn đi nhau theo lễ vua tôi, nhưng trong óc, đã coi nhau như vợ chồng. Hai người tuy không thề thốt nặng lời, song đối với những người có chí khảng khái như Lê Duy Mật và Trần Tú Xuân thì một câu nói cũng đủ vững chãi như núi Thái Sơn dù sấm sét hay bùa rìu cũng không làm cho lay chuyển được.

LÊ DUY MẬT VỚI ĐẶNG ĐÌNH BẬT

Duy Mật lưu ở Sài Sơn không đầy sáu tháng. Số người theo về tụ nghĩa đã được linh năm nghìn. Tiếp, Bùi Sĩ Ngân lại mang quân bản bộ đến họp, thành ra trong tay chàng, có tới linh một vạn quân và khí giới, lương thảo không thiếu một thức gì cả.

Lựa được ngày tốt, Duy Mật cho thiết đàn ở giữa cánh đồng, rồi thân dẫn các tướng ra tế cáo trời đất và thề cùng nhau sống, chết, để đạt tới cái mục đích tối cao là đả đảo họ Trịnh và tôn phù nhà Lê. Vì, Duy Mật là dòng dõi vua Dụ Tôn nên được lĩnh ấn Nguyên súy và suy tôn làm minh chủ.

Tế xong, chàng cho giết trâu mổ lợn khao thưởng ba quân. Sang ngày thứ hai, Duy Mật lên tướng đàn, tuyên bố hiệu lệnh, rồi cắt đặt các tướng, chia nhau đi hạ các huyện thành ở gần quanh như Thạch Thất, Minh Nghĩa,... Cũng như ở Thanh Hoa năm trước, lần này quân Duy Mật đi đến đâu cũng được dân chúng hoan nghênh, vì thiên hạ vẫn tâm phục nhà Lê, nên không luận là đạo quân nào, nếu lấy việc tôn phù để thất làm tôn chỉ, đều được dân gian hưởng ứng.

Cái thanh thế của Duy Mật không bao lâu truyền về đến Thăng Long. Chúa Trịnh Minh Đô vương lập tức sai tướng đi dẹp, nhưng các tướng của triều đình kế tiếp nhau mà thua trận, quan quân bị tổn hại không biết bao nhiêu mà kể. Minh Đô vương lo sợ, phải cho triệu chức thống lĩnh đạo quân Thanh Hoa là Đặng Đình Bật về Thăng Long. Đình Bật nguyên là cháu ba đời Đặng Đình Tướng, vốn có danh vọng lớn trong quân, nên từ trước đến giờ, đánh đâu được đấy, không hề thất cơ một lần nào cả.

Muốn tăng cái uy thế cho Đình Bật, Minh vương truyền họp các quan lại, rồi thân trao kiếm vàng và cờ tiết cho viên tướng này. Trước khi ra quân, Minh vương lại cho làm lễ rất long trọng, để Đình Bật vào yết Cung miếu¹¹.

Khi Đặng Đình Bật ra quân, Trịnh vương thân tiễn ra đến tận cửa thành và ban cho một chén rượu, chúc được chóng khai hoàn.

Đình Bật xin chúa Trịnh cử một viên dũng tướng là Tô Cẩm Vân làm Tiên phong và lấy tước Xuân Nhạc Bá là Nguyễn Nghiễm làm đốc thị.

Đình Bật được quyền điều động tất cả các đạo quân An Sơn, Mỹ Lương và Bành Đức nên trong tay quân số có linh ba vạn.

Trận đầu, quân Cần Vương và quân triều đình giáp công ở Đại Phùng, Duy Mật đội khăn yếm vĩ, cầm đại đao, cưỡi ngựa trắng, hai bên có Trần Kiện Nhi và Trần Tú Xuân hộ vệ.

Khi quân triều đình sang qua đò Phùng thì Duy Mật bày trận cũng vừa xong, tướng tiên phong là Tô Cẩm Vân thúc quân xông vào, bị Trần Kỳ Hùng ra cản lại. Hai bên giao chiến hồi lâu, thấy thế của Cẩm Vân dần dần bị suy kém, viên phó tướng là Tô Nguyên Đường vội ra đánh giúp. Nhưng từ hàng trận của quân Cần vương, Lý Bạch Long cũng đã múa chùy tiến ra. Bốn tướng giao phong, Bạch Long nhờ được lúc Nguyên Đường hở cơ, đánh một chùy vào ngang thái dương, Nguyên Đường ngã ngựa, chết. Cẩm Vân thế cô, phải quay đầu chạy. Quân triều đình bị quân Cần vương xung sát, người nào chỉ lo chạy lấy thân người ấy nên một nửa bị sa xuống sông mà chết.

Hôm sau, Duy Mật lại mang quân ra khiêu chiến, nhưng viên thống lĩnh là Đặng Đình Bật không dám cho người ra đối địch nữa.

Đình Bật hạ lệnh cho quân phải đóng cửa trại và phòng bị rất cẩn mật, rồi triệu Nguyễn Nghiễm đến thương nghị.

Nghiễm nói:

- Duy Mật khi trước ở Thanh Hoa vẫn nổi tiếng là vô địch. Vả, nay hắn mới nổi lên, dũng sĩ các nơi về quy phục rất nhiều. Khí thế của giặc hiện đương hăng lắm. Nếu ta lấy sức mà chọi với

giặc thì không tài nào thắng nổi. Ta phải dùng kế mới được. Tôi nghe nói Duy Mật trị quân rất nghiêm. Hắn có hạ lệnh cho ba quân là không được tơ hào một hạt gạo, một đồng tiền nào của dân. Đó chính là chỗ khỏe mà cũng là chỗ yếu của giặc. Khỏe, vì dân chúng phục cái mệnh lệnh ấy của Duy Mật mà quy phục rất đông. Nhưng quân lương của hắn chỉ là một số thóc rất ít do bọn nhà giàu gom góp và những thóc gạo cướp được tại mấy huyện thành. Số lượng ấy mà nuôi hàng vạn quân thì phỏng được bao lâu. Nếu quân Duy Mật không tiến được mà cướp các kho vựa của triều đình thì chẳng bao lâu nữa sẽ tuyệt lương. Tôi nói chỗ yếu của giặc chính là ở chỗ đó. Vậy nếu quân ta cứ đắp lũy lên mà đối với giặc thì lâu ngày, giặc tất tuyệt lương. Lúc ấy ta sẽ mở lũy ra mà đánh thì thế dễ như chẻ tre, dù đến trăm nghìn Duy Mật, ta trừ cũng được.

Đặng ĐìnhBAT cho kế của Nguyễn Nghiễm là phải, lập tức đắp lũy ở bờ sông mà giữ thế cố thủ. Hàng ngày, hễ Duy Mật cho sang khiêu chiến thì từ trên mặt lũy, ĐìnhBAT chỉ sai quân bắn súng ra, Duy Mật muốn thắng tiến về Thăng Long, nhưng có mấy nơi yếu hại, ĐìnhBAT đã cho lập đồn lên đóng án ngữ cả. Quân Cần vương thành ra muốn đánh không được đánh mà muốn tiến cũng không có đường. Quả nhiên chỉ vài tháng là hết lương, có hôm phải mổ ngựa ăn thay gạo.

ĐìnhBAT dò biết rằng quân Cần vương đã nguy khốn đến cực điểm, liền chia quân ra làm ba đạo, đêm đêm đánh giặc vào trại giặc. Quân Cần vương vì ăn uống thất thường nên người nào, người ấy yếu lả như sên, lại bị đánh vào lúc không ngờ, thành ra tan vỡ cả.

Duy Mật chống đỡ cho đến gần sáng, sau cùng viện binh không có, đành phải cùng với vài trăm tàn tốt chạy ngược lên phía Tây.

Đến một thôn vắng thuộc địa phận BấtBAT, chàng dừng lại nghỉ và cho quân lính lấy lương khô ra ăn. Một lát sau, Lý Bạch Long, Lý Bạch Phụng và bọn Trần Kỳ Anh cũng tới nơi, kiểm điểm lại tàn tốt thì còn linh năm nghìn. Các kiện tướng chỉ bị thương xoàng, cuộc thất bại tuy lớn, song không lấy gì làm bi thương lắm.

Duy Mật nghỉ ngơi chừng được vài giờ thì quân triều đình do Tô Cẩm Vân đứng đầu, đã ầm ầm kéo đến. Chàng khảng khái lên ngựa cùng với quan quân giao chiến hồi lâu. Nhưng quân Cần Vương vì ăn uống không đủ, phần vì bữa thua hôm trước đã làm cho tinh thần nhược bại nên không ai có chí đánh nữa. Tiếp lại thấy đại quân của Đặng ĐìnhBAT kéo đến nên quân lính đều hoảng sợ mà tự tan vỡ cả. Duy Mật túng thế, lại phải bỏ chạy.

Gần trưa, quân Cần vương tới một khu rừng ở chân núi Tản Viên. Duy Mật thấy nơi này thế núi hiểm trở và chung quanh rừng rậm bao la, luận rằng có thể làm nơi cố thủ được nên cất Trần Kỳ Hùng và Trần Tú Xuân chừng một nghìn quân, đóng ở cửa rừng để phòng đối phó với quan quân. Còn mình và các tướng thì mang đại quân vào tìm một nơi yếu hại, cho đào đất và khuân đá ở trên núi xuống, đắp lũy.

Khi Đặng ĐìnhBAT đuổi kịp đến nơi, thấy núi non u uất, đã có vẻ e sợ, chợt lại thấy quân Cần vương từ trong rừng, đổ ra đánh thì lúng túng, không dám tiến nữa.

Nhờ được đội quân của Kỳ Hùng và Tú Xuân cực lực chống chọi với quan quân nên không đầy một tuần, Duy Mật đắp xong lũy Tản Viên, trong đó có đủ cả đồn trại và pháo đài, cách bố trí thật hoàn toàn chính bị. Phía ngoài lũy, Duy Mật lại cất quân đóng thành mười đồn, mỗi đồn có chừng vài trăm quân và do một viên dũng tướng chỉ huy. Lương thực thì chàng cho chẹn đường, cướp của quan quân, hoặc tắt các đường núi mà mua của dân gian, nên không đến nỗi thiếu thốn như khi trước.

Đặng ĐìnhBAT mấy lần thúc quân vào đánh, song đường đi ngoắt ngoéo, quân Cần vương khi ẩn, khi hiện, chỉ tổn binh mã mà không có hiệu quả gì. Số quân lương mà ĐìnhBAT xin triều đình cấp cho, thường bị Duy Mật đón cướp, nên cái nạn thiếu thốn đã gây nên cuộc thất bại của Duy Mật khi trước, nay lại đến quân triều đình phải chịu.

ĐìnhBAT nghĩ mãi không tìm được kế gì phá giặc, thường tỏ ra vẻ lo phiền.

Một hôm, viên thống lĩnh đương cùng với viên đốc thị ngồi trong trướng uống rượu để tiêu

sầu, thì chợt có quân vào báo là có một người tự xưng là học trò của miền này, xin vào hiến kế phá giặc.

ĐìnhBAT cho vào.

Người này trông thấy ĐìnhBAT thì cúi chào và tự xưng là Ngô Hoài Đức, người hạt Minh Nghĩa, nhà nghèo, nhưng vẫn đi học. Thấy Hoài Đức cử chỉ có vẻ nho nhã thì ĐìnhBAT nảy ra ý kiến trọng và ôn tồn hỏi:

- Nhà thầy định hiến ta một kế để trừ Duy Mật, phải không?

Hoài Đức gật đầu, thưa:

- Tôi là người ở địa phương này, thỉnh thoảng có theo người làng vào săn ở trong rừng nên địa thế ở đây, tôi biết rõ lắm. Về phía tả núi Tản Viên, có một con đường hẻm chỉ có thể đi được một người một, đường ấy cứ như tôi được mục kích vài hôm trước đây, thì Duy Mật không biết đến nên không hề có cắt một tên quân nào canh phòng. Nay nếu quan thống lĩnh cứ giả là đánh rượt vào mặt trước lũy để cho Duy Mật tụ cả nguyên lực vào nơi có quan quân, rồi thừa hư, do đường hẻm mang quân vào lũy, thì trong đánh ra, ngoài đánh vào, tất có thể phá được.

ĐìnhBAT nửa tin nửa ngờ, nói:

- Nhưng ai là người dẫn cho quân ta vào đường hẻm ấy bây giờ?

Hoài Đức hăng hái nói:

- Tôi tuy là học trò, nhưng nếu quan thống lĩnh cho tôi lấy năm trăm quân và một viên kiện tướng thì tôi xin đảm nhiệm việc ấy.

ĐìnhBAT gật gật đầu, rồi giữ Hoài Đức ở trong quân mà khoản đãi rất tử tế.

Trưa hôm sau, ĐìnhBAT liền giao cho Tô Cẩm Vân một nghìn quân, bảo đến cửa lũy khiêu chiến, Nguyễn Nghiễm thì mang tiền quân vây bọc lấy tất cả các cửa rừng. Lý Hoa thì đốc lĩnh năm trăm quân cầm toàn đoản đao và các chất dẫn lửa, theo Ngô Hoài Đức len lỏi vào con đường hẻm ở phía sau núi.

Con đường này quả Duy Mật không lưu ý đến thật. Vì thế khi thấy Tô Cẩm Vân đến khiêu chiến thì chàng không lấy gì làm lạ, lập tức sai Trần Kỳ Hùng ra đối địch với quan quân. Tiếp lại thấy Nguyễn Nghiễm phái năm viên bộ tướng do năm cửa rừng tiến đánh thì Duy Mật cũng cứ thản nhiên mà phái bọn Tú Xuân, Bạch Long và Bạch Phụng ra ứng chiến, đại khái cũng như mọi ngày. Nhưng trái với mọi hôm là đáng lẽ quan quân khiêu chiến vào buổi sáng thì hôm nay lùi mãi đến buổi chiều và mặt trời tuy đã ngả về Tây mà vẫn không có vẻ muốn lui về trại. Duy Mật nóng ruột và toan rung chuông thu quân thì chợt thấy phía sau trại, lửa bốc lên ngùn ngụt và kho thuốc súng nổ nhao mà nổ ùng ùng. Chàng ngờ là cuộc thất hỏa do sự bất cẩn của quân lính mà xảy ra. Nhưng lại nghe tiếng gọi kêu vang trời và các đồ khí giới đụng nhau xoang xoảng. Duy Mật vội vàng kéo quân đến chỗ lửa cháy, thì các cửa lũy không ngờ đã mở toang cả ra và quan quân kéo vào như nước chảy. Bọn Kỳ Hùng và Bạch Long ở ngoài, nghe lũy đã bị phá, không thiết đánh nữa, toan quay về, nhưng trên lũy đã kéo hiệu cờ của triều đình. Thế là một lần nữa, quân Cần vương lại thua to. Duy Mật cùng với các tướng bộ hạ và vài nghìn tàn tốt phải bỏ núi Tản Viên mà chạy sang địa phận Thái Nguyên. Nhưng chàng chạy đến đâu, lại bị quan quân đuổi theo đến đấy. Túng thế, chàng lại phải lộn xuống phía nam, len lỏi qua các rừng núi mà trở vô châu Ái.

Trong mấy năm liền, Duy Mật không khác một con thú dữ mà triều đình cho đi săn bắt. Bị đuổi ở Thanh Hoa, chàng chạy vô Nghệ An. Rồi lại từ Nghệ An qua sông Lương Giang trở về các rừng núi ở Thương du trấn Thanh Hoa, đòi chàng không một phút nào được thanh thoi. Có khi chàng phải len lỏi từ chập tối đến sáng ở trong rừng. Trái lại, cũng có lúc phải bó gối ngồi suốt ngày trong núi. Ăn uống thì bữa thất, bữa thường, nhiều khi phải nhịn đói luôn hai ba ngày. Những bộ hạ đi theo chàng, rút lại chỉ còn có Trần Tú Xuân, Trần Kiện Nhi và anh em Lý Bạch Long, ngoài ra thì một phần vì không đủ nghị lực đi theo, phải trở về quê cũ mưu kế sinh nhai,

phần khác bị quan quân vây bắt, rồi chết ở trong tay đao phủ. Những người già cả như Trần Kỳ Anh thì không chịu nổi lam sơn chướng khí, đều chết mòn mỏi ở dọc đường. Một mảnh áo rách hoặc một tấm da ngựa bọc lấy bộ xương tàn, đó là cái phần thưởng sau cùng của người chiến sĩ.

Tuy trải những đoạn đời rất đau khổ và bị đồng chí cũ ruồng bỏ trong lúc quan quân hết sức truy tìm, nhưng Duy Mật không hề nản chí chút nào. Nhất là gần đây, chàng lại được thêm một người bạn nữa làm phấn khởi tâm chí cho chàng. Người đó là Trần Tú Xuân mà Duy Mật đã chính thức lấy làm vợ, lúc chàng và bạn đồng chí bị vây ở Cổ Nam động.

Thoát được vòng vây này, Duy Mật chạy ra Thanh Hoa tìm mấy bạn đồng chí cũ ở Ngọc Lâu. Cũng nhờ có chuyến đi này, Duy Mật được quen biết Hồ Nhật Tương, một kiện tướng đã từng xung đột với triều đình. Cũng như Lê Duy Mật, Tương khởi quân ở Vĩnh Đồng và Mỹ Lương. Cũng như Lê Duy Mật, Tương đã từng đánh phá không biết bao nhiêu đội quân của triều đình. Và cũng không may như Lê Duy Mật, Tương bị Trịnh Trách đánh thua và phải mang mấy trăm tàn tốt chạy vào Thanh Hoa.

Khi gặp Duy Mật thì Tương đã khôi phục lại được gần hết cái thế lực cũ và đương dự bị đánh lấy Sơn Nam. Vì cảm phục cái biệt tài của Duy Mật nên Hồ Nhật Tương nhường cho chàng chức mình chủ mà tự hạ mình xuống làm phó.

Không bỏ lỡ cơ hội, Duy Mật lại đắp lại lũy Ngọc Lâu khi trước dự bị quân nhu, khí giới để tiến công, nhưng chàng chưa kịp trở tay, thì triều đình đã cử Đàm Xuân Vực và Nguyễn Nghiễm mang quân vào đánh phá ngay sào huyệt của Cần vương. Hồ Nhật Tương tử trận. Lê Duy Mật phải mang quân chạy lên miền thượng du châu Ái.

YÊN MẶC ĐẠO NHÂN

Duy Mật lang thang hết núi này sang núi khác thối thoát đã hơn hai tháng.

Một hôm, chàng đương ngồi nghỉ vợ vẫn ở trên lưng ngựa thì chợt thấy ngay trước mặt, một quả núi cao trọi lên trên hẳn tất cả những trái núi vừa qua. Quả núi này có một mẩu đá thật to quắp về phía Nam, coi như một cái mỏ chim. Hai bên sườn núi thì đá xòe ra như hai cái cánh tự nhiên. Về phía Bắc sườn núi lại soải ra. Coi toàn thể, ai cũng phải bảo trái núi này là một con thạch điêu mà trong lúc hỗn mang, hóa nhĩ đã dụng công gặt nặn nên vậy.

Duy Mật gò cương ngựa, ngắm nghía hồi lâu mà không chán mắt.

Tình cờ có một người thổ dân gánh một gánh củi qua đó. Duy Mật liền cho quân gọi lại hỏi xem trái núi tên là gì. Thổ dân đáp đó là Phụng Hoàng sơn, không rõ tên ấy có tự bao giờ, song chỗ chắc chắn là cổ nhân đã theo cái hình thù của trái núi mà đặt tên cho nó.

Nhân tiện trời đã quá trưa, Duy Mật truyền quân đóng lại ở chân núi, thối cơm ăn, còn chàng thì dắt Kiện Nhi đi tản bộ quanh ra sau núi.

Cứ coi những hòn đá rêu bọc xanh rì và những khe đá không có đường lối gì cả, Duy Mật cũng đoán biết là núi ấy ít khi có người qua lại. Song sẵn có chí mạo hiểm, lại gặp lúc thì giờ thừa thãi mà chàng không biết dùng làm việc gì. Duy Mật cùng với Kiện Nhi cứ theo những khe đá mà lên. Càng trèo cao, Duy Mật càng thấy có cái hứng thú muốn trèo; vì trên sườn núi có nhiều khum lan đá, cánh trắng như ngà và hương thơm ngào ngạt.

Khi mặt trời đã xế về sau núi, Duy Mật toan quay trở lại, thì trông về sườn núi phía nam có một túp lều tranh mà cây cối phủ đầy, chỉ chìa ra mặt trời có hai mái lá gò cù nát. Duy Mật vừa khát nước, lại vừa tò mò muốn biết chủ nhân túp nhà hẻo lánh đó là ai nên vẫy Kiện Nhi cùng tìm con đường tắt mà sang. Cũng may con đường đã nhẵn và phẳng nên đi rất dễ dàng, chỉ trong chốc lát thì hai người đến trước sân nhà, một cái sân hẹp, chung quanh trồng nhiều giống lan rất lạ.

Duy Mật vừa toan gọi cửa thì trong nhà đã có một cậu bé chừng mười, mười hai tuổi, hai trái đào để chấm xuống bên vai, nhanh nhẹn bước ra. Cậu bé chấp tay chào, rồi cung kính hỏi:

- Ngài có phải là Lê Duy Mật không?

Duy Mật kinh ngạc, muốn hỏi tại sao cậu bé lại biết tên mình, nhưng cậu bé nhanh nhẩu nói tiếp:

- Xin mời ngài vào, thầy tôi chờ đã lâu lắm.

Qua một phút do dự, Duy Mật để Kiện Nhi chờ ở ngoài cửa, rồi đánh bạo đi theo cậu bé vào nhà. Tới trước thềm, chàng để ý nhìn vào trong, thấy một ông già mà râu, tóc cùng trắng như tuyết, đương ngồi đọc sách cạnh một cái án thư bằng gỗ, trên có mấy bông lan.

Nghe tiếng động, ông già đặt cuốn sách xuống, thông thả đứng dậy, nói:

- Sao tướng quân lên chậm thế để già này mong mãi.

Đến đây, Duy Mật không thể nén được sự kinh ngạc nữa. Chàng thẳng thốt hỏi:

- Xin cụ tha lỗi cho cái tính thô莽 của bọn người dung tục chúng tôi. Chắc cụ là một vị đại tiên tu luyện ở núi này thì phải?

Ông già mỉm cười, đáp:

- Làm gì có tiên với tục. Tôi cũng như tướng quân, chúng ta đều là người cả. Vậy, nếu tướng quân có thấy một điều hơi lạ mà muốn biết, cũng là sự thường. Can chi mà phải xin lỗi.

Câu này không những không làm cho Duy Mật an tâm. Trái lại, nó lại càng kích động thêm mãi tính tò mò của chàng. Cũng đột ngột như những phút đầu, Duy Mật lại hỏi dồn:

- Nếu không phải là một bậc đại tiên, sao cụ lại biết rõ tên họ của tiểu sinh này và biết rằng hôm nay chúng tôi lên thăm cụ?

Vẫn thông thả vuốt bộ râu là việc bắt buộc phải thông thả, vì nó dài đến rốn, ông già đáp:

- Già này đã biết tên họ và lai lịch của tướng quân rồi. Vậy cho hợp lẽ, già hãy nói tên họ và lai lịch của già để tướng quân rõ, rồi ta hãy cùng nhau nói chuyện.

Ông già ngắt đi một phút như cố làm cho câu nói có mạch lạc, rồi lại tiếp:

- Già họ Trương tên Thu Cốc, hiệu là Yên Mặc đạo nhân, quê ở Khoái Châu, nghĩa là cách quê hương của Tuyết Giang Phu tử¹² chừng vài mươi dặm. Lúc nhỏ, già cùng ông Trạng Bùng¹³ cùng theo học Tuyết Giang phu tử. Già được Tuyết Giang phu tử yêu mến, mang các khoa thuật số truyền cho nên biết cả việc năm trăm năm về trước và năm trăm năm về sau...

Duy Mật ngắt lời:

- Tại sao cụ không ra giúp nước để lưu danh với đời.

Yên Mặc đạo nhân mỉm cười:

- Lưu danh với đời, đó là cái ý muốn hẹp hòi của kẻ chưa siêu thoát. Đối với những bậc thượng nhân thì cái vui là ở chỗ tiêu dao tự tại, chứ đời thì có đáng kể gì. Vả, việc đời cũng như cuốn sách mà đức thượng đế đã vạch sẵn từng chữ, từng dòng. Kẻ hăm hở ra làm việc đời, tưởng rằng mình đã thay đổi được thế cục, nhưng thật ra chỉ là được thực hành những việc mà trong thiên thư đã định sẵn.

Đến đây, đạo nhân chợt ngừng, có vẻ suy nghĩ, rồi lại nói:

- Già sở dĩ không ra giúp đời, còn do một cơ nữa, là vì đời đã có Phùng Thái úy rồi. Một Thái úy là đủ. Nếu hai người như Thái úy thì thật vô dụng nên già lưu ở nơi núi non này để hưởng những cái tinh hoa của trời đất.

Duy Mật nghĩ thầm nếu mình được một vị tiên tri như ông già này theo giúp thì đại sự làm gì mà chẳng tính xong. Chàng vội thưa:

- Chúng tôi là kẻ tài hèn đức bạc, không may sinh vào thời loạn nên bất đắc dĩ phải vì đại nghĩa mà dấy quân. Trong ngót mười năm nay, thất bại đã nhiều, tôi tự biết là thiếu người dạy bảo cho. Nay thượng đế dun dủi cho chúng tôi được gặp cụ. Mong rằng cụ sẽ cho chúng tôi thờ làm thầy và sớm hôm dạy bảo cho điều hay lẽ phải.

Ông già lắc đầu:

- Già đã nguyện là không khi nào can thiệp đến việc đời nữa. Vậy tướng quân vui lòng miễn thứ cho. Tuy vậy, già đã mong tướng quân đến đây, chính là có một vài ý kiến hẹp hòi để tặng tướng quân, gọi là chút quà mọn làm lễ tương kiến.

Duy Mật biết rằng cố nài cũng chẳng được nào nên lẳng lặng nghe ông già nói:

- Tướng quân có hiểu tại sao tướng quân bị thua ở Ngọc Lâu, tiếp ở Sài Sơn không?

Duy Mật lắc đầu:

- Chỉ vì tướng quân vội giựt lấy cái được quá. Phàm đã vội thì việc gì cũng vậy, không bao giờ thành công được. Ngày xưa đức Thái tổ ta đuổi quân nhà Minh, phải ròng rã đến hơn mười năm. Tiếp, đến các vua đời Trung Hưng đánh nhà Mạc, phải quá hai mươi năm. Đã vậy, hai lần Bình An vương lấy được Thăng Long mà vẫn chưa chịu về đóng ở Thăng Long. Là bởi Bình An vương hiểu rằng dân Bắc Hà còn có người vị họ Mạc nên không dám tự coi như mình đã tuyệt được nhà Mạc. Quân Minh và họ Mạc là những người mà dân ta oán ghét, thế mà đánh đuổi được còn lâu như thế. Trái lại, họ Trịnh tuy ức chế nhà vua, nhưng thật ra đã gây được cảm tình với dân Bắc Hà. Cái cảm tình ấy chính là những cội rễ nó ràng buộc họ Trịnh với dân. Muốn lay rút những cội rễ ấy, tất là việc khó hơn trừ họ Mạc và đuổi quân Minh. Thế mà tướng quân

muốn một ngày hay một tháng làm xong thì xong sao được.

Duy Mật thấy cái luận điệu của ông già có vẻ xác thực thì kính phục, chấp tay thưa:

- Lời cụ dạy quả chí lý. Vậy từ nay chúng tôi nên hành động thế nào? Nếu cụ chỉ giáo cho, thật là may mắn cho chúng tôi lắm.

- Tôi khuyên tướng quân nên theo gương Đức Thái tổ và Đức Trang Tôn.

Ông già thấy Duy Mật ngơ ngác, đoán rằng chàng không hiểu là ông định nói gì nên lại tiếp:

- Nghĩa là phải thông thả mà làm. Trước hết phải lập cái thế của mình cho vững đã, rồi mới hòng lay đổ được người. Vì vậy, khi mới khởi quân, Đức Thái tổ phải lập căn bản ở Lam Sơn, thắng thì tiến ra Bắc Hà, bại thì về rừng núi. Cho đến khi giặc đã nhược, Ngài mới mang đội quân toàn thắng về xưng đế ở Thăng Long. Đức Trang Tôn cũng vậy. Thoạt đầu, ngài phải lánh sang Lào để xa hẳn tai mắt của Mạc Đăng Dung. Dần dần ngài tiến về An Trường, rồi mãi đến hai ba đời sau, mới khôi phục hoàn toàn lại được đất nước.

Duy Mật có vẻ buồn rầu nói:

- Nhưng mỗi thời một khác. Chúng tôi sợ việc mà Đức Thái tổ và Đức Trang Tôn làm rồi sẽ không hợp với chúng tôi bây giờ? Vì nếu lui sang Lào hay lẩn quất ở Lam Sơn, chúng tôi lo rằng, các đồng chí sẽ chán nản, rồi đến không ai chịu theo nữa, thì cơ đồ đến hỏng mất.

- Tướng quân nghĩ như thế là lầm. Thiên hạ còn có nhiều người muốn theo tướng quân mà vẫn rụt rè, là vì người ta chưa thấy tướng quân có cơ sở chắc chắn. Thậm chí có người chưa kịp tìm đến tướng quân thì đảng tướng quân đã tan vỡ mà chạy đi nơi khác rồi. Thành ra tướng quân nay đây mai đó, không bao giờ có thể gây nên một cái thế lực to tát được. Nay nếu tướng quân có một định sở thì những nghĩa sĩ trong thiên hạ sẽ tìm đến, lo gì không có quân lực thật to tát để mưu đồ đại sự.

- Lời cụ nói đành rằng phải. Nhưng tôi biết giữ phương nào để che được tai mắt của họ Trịnh?

- Cứ gì phải đâu xa, chính ngay miền thượng du Hoan, Ái này đã thành nếp rồi. Nếu họ Trịnh có biết tướng quân mưu sự ở đây nữa cũng vì tất đã dám làm gì ngay. Vì đây là một chốn xa xôi, hiểm trở. Vả triều đình lại còn đương bận rộn về những việc đánh dẹp cần kíp hơn như Ngân Già, Ninh Xá, Quận Hảo, Quận He, đã rảnh đâu mà nghĩ đến tướng quân được!

- Nhưng cứ nằm ở chỗ rừng hoang này, lâu dần hết cả lương thực thì cũng đến chết khô thôi, chứ làm gì được!

Ông già phì cười:

- Đức Thái tổ và Đức Trang Tôn ta ngày xưa có khi cũng chết khô cả hay sao? Tướng quân quả không có tài kinh tế¹⁴.

Rồi, đổi ra nghiêm nghị:

- Thoạt đầu, tướng quân hãy thu phục các động Mường, Quy Hợp, Cao Châu... nói rằng phụng mệnh Đức Kim thượng mà khởi quân hiệu triệu các động ấy cấp lương thực và quân lính cho. Tiếp, tướng quân chọn một nơi thật hiểm yếu mà đắp lũy xây đồn, rồi tìm các khe núi phì nhiêu, chia quân ra cày cấy. Như vậy, quân lính có thì giờ thao luyện mà lương thực cũng nhiều. Lại thêm nhân tài các nơi kéo về quy phụ. Chỉ trong khoảng vài năm, tôi đánh cuộc là tướng quân sẽ có cái thế lực như Hán Cao tổ ở đất Quan Trung, và Lưu Huyền Đức ở Ba Thục. Đến lúc đó thì một họ Trịnh chứ đến trăm nghìn họ Trịnh cũng không sợ nữa.

Lời nói của ông già không khác một bó đuốc dắt Duy Mật từ chỗ hang tối ra ánh sáng mặt trời. Chàng hớn hớ, chấp tay vái tạ Yên Mặc đạo nhân:

- Lời vàng ngọc của cụ thật là một thang thuốc hồi sinh cho tiểu sinh này. Chúng tôi xin ghi nhớ trong lòng, dù chết cũng không thể quên được.

Nhưng lại có vẻ ngần ngại, hỏi:

- Việc đời cũ đã tiên liệu cả. Vậy xin cụ rủ lòng thương cho chúng tôi được biết rằng cái chí diệt họ Trịnh của chúng tôi sau này có đạt được không?

Ông già điềm tĩnh nói:

- Cổ nhân thường nói là không nên lấy sự thành bại mà luận người anh hùng. Sự thành bại đã không đáng kể thì tướng quân tìm biết nó làm gì cho mệt trí.

Duy Mật toan hỏi nữa, nhưng Yên Mặc đạo nhân đã lảng nhìn ra ngoài sân, rồi nói:

- Trời đã gần tối, tướng quân nên về trại đi thôi, không có các bộ hạ mong, già cũng xin lỗi vào hiên trong, canh lại nồi thuốc.

Duy Mật trông ra thì mặt trời quả là đã lặn gần hết vào phía sau trái núi Phượng Hoàng. Trên những khum lá rậm rạp, khí núi bốc lên dày đặc như một tấm màn đen sắp chụp hết cả vạn vật vào trong phạm vi của nó.

Chàng vái chào Yên Mặc đạo nhân bước ra, thấy Kiện Nhi vẫn còn đứng vợ vẫn chờ ở sườn núi. Hai người liền dắt tay nhau xuống, đến chân núi thì trời vừa tối ngật. Những cành cây bị gió lay động gieo xuống những giọt sương lạnh toát. Về đến cửa trại thì vừa gặp Tú Xuân và các tướng sắp cất nhau đi tìm. Vì Duy Mật đi từ quá trưa, mà mãi đến tối vẫn chưa về, làm cho ai nấy nhón nhác, lo rằng chàng bị lạc trong rừng hoặc bị thú dữ công đi nơi nào mất.

Sánh vai với Tú Xuân cùng vào trong trướng, Duy Mật mang việc gặp gỡ vừa rồi thuật lại cho nàng nghe. Tú Xuân ngẫm nghĩ cho rằng ông già đó tất là một vị thiên tiên mà trời sai xuống để chỉ dẫn cho mình. Vì cứ xét ở những lời khuyên bảo thì một người thường quả không thể sâu xa đến thế được.

Suốt đêm ấy, vợ chồng Duy Mật trần trọc mãi không sao ngủ được. Hai người cùng cố nạo óc tìm ra một tia sáng để nhìn thấu cái tương lai mà hiện thời chỉ thấy mịt mờ.

Sáng sớm hôm sau, Duy Mật cho đòi mấy người Thổ dân ở quanh đó để hỏi han về địa thế miền này. Bọn thổ dân bảo cho chàng biết rằng từ đây càng đi về phía Tây, tầm núi càng cao, và khi đã qua khỏi dãy núi Phượng Hoàng rồi thì sẽ đến một cao nguyên mà dân cư toàn là người Mường cả. Cao nguyên đó tục gọi là Trấn Ninh, giáp với hai châu Hoan, Ái. Đất Trấn Ninh theo như lời thổ dân nói, thì danh tuy thuộc quyền thống trị của triều đình và ba năm một lần, vẫn cho sứ về Thăng Long tiến cống. Song quan lại của Nam triều không bao giờ đi đến đấy. Về thực tế, Trấn Ninh là một khu vực hoàn toàn độc lập, họa chăng chỉ có liên lạc chút ít với người Lào. Về địa dư thì Trấn Ninh cũng không đến nỗi cô lập hẳn. Vì do các đường núi, cao nguyên này có thể giao thông được với Thuận, Quảng, Xiêm, Lào và nếu đi ngược lên phía Bắc, người ta có thể ra được Hưng Hóa và Sơn Tây mà không phải đi qua những nơi đô hội như Vĩnh Doanh, An Trường và Thanh Hoa nội, ngoại¹⁵.

Khi bọn thổ dân đi khỏi rồi, Duy Mật liền mang theo một chút lễ vật, dắt Kiện Nhi lên núi, định để tạ ơn và cáo biệt Yên Mặc đạo nhân. Nhưng khi chàng tới túp lều tranh hôm trước thì thấy cửa đóng kín mít. Chàng đập cửa hồi lâu cũng không thấy trả lời. Chàng đánh liều lách cửa vào xem thì thấy đồ đạc vẫn y nguyên như cũ, duy có ông già và cậu tiểu đồng thì không thấy tăm hơi đâu cả.

Thất vọng, Duy Mật cùng với Kiện Nhi lui thủi quay về. Xuống đến chân núi thì trời đã gần trưa. Chàng lập tức truyền lệnh nhổ trại và cứ thẳng thẳng đi về phía Tây.

Hồi này, thực lực của Lê Duy Mật gần như đã không còn có nữa, vì ngoài Tú Xuân và mấy người chí thân là Trần Kiện Nhi, Lý Bạch Long, Lý Bạch Phụng ra, trong tay chàng chỉ còn có lính hai trăm quân, nhưng toàn là những kiện tốt, đối với chàng hết sức trung thành và đã nhiều phen ra vào trận địa. Những quân lính này hầu hết là kỵ binh cả nên đường núi tuy khó khăn mà mỗi ngày cũng đi nổi hàng hơn trăm dặm.

Trong gần nửa tháng, chàng phải dùng rất dè dặt số lương thực mà sau khi bị thất bại ở Ngọc

Lâu, Kiện Nhi còn cố vận tải đi theo. Mỗi khi đi ven vào xóm làng của người Lào hoặc người Mường, Duy Mật lại xuất vàng bạc ra mua thóc gạo, rồi dùng voi để vận tải đi theo. Có lần bị hết lương ở giữa chốn rừng hoang, chàng phải cắm trại lại cho quân lính săn bắn lấy muông thú mà ăn cho qua bữa.

Con đường từ núi Phượng Hoàng trở đi, Duy Mật chỉ thấy mỗi ngày một lên cao và núi non trùng điệp, không biết đâu là hết.

ĐỘNG TRÌNH QUANG

Ngày thứ mười tám, Duy Mật tới một nơi, ngọn núi hơi thấp, không khác những đốt cuối cùng của một bộ xương sống rất dài. Từ trong khe núi róc rách chảy ra một con suối nhỏ, nước trong như lọc và xô vào mỏm đá, bọt nổi lên như tuyết. Trần Kỳ Hùng, vì suốt ngày hôm ấy không gặp một suối nước nào cả, trong người vừa nhọc, vừa khát, vội phóng ngựa lên trước, vạm hai tay vục nước ở suối lên, uống một hơi dài. Quân lính thấy Kỳ Hùng tìm thấy suối nước, cũng thúc ngựa chạy theo, định giải khát cho đỡ sự khô khan trong suốt một ngày. Nhưng chưa ai kịp uống thì đã thấy Kỳ Hùng kêu đau bụng, rồi nằm vật xuống bờ suối mà giãy giụa, như kẻ sắp đến giờ tắt nghỉ. Mọi người đoán biết là nước suối có chất độc, không dám uống nữa và đều lo lắng không hiểu dùng thứ thuốc gì để chữa cho Kỳ Hùng. Duy Mật nhìn quanh quất chung quanh mình, chợt nhận ra rằng bên kia sườn núi có vài túp nhà sàn. Chàng nghĩ họa chăng chỉ có người ở địa phương này, mới biết được thuốc chữa cái độc của suối này, nên vội sai một tên kỵ binh đến gọi những người ở trong lều đó.

Trong chốc lát, tên quân dắt lại một người Mường, đầu tóc đã hoa râm. Hỏi về cách chữa cho Kỳ Hùng, người Mường đó quả không coi là việc khó khăn. Hắn bảo vục Kỳ Hùng lên ngựa, rồi thúc giục mọi người cùng rời cái suối ác nghiệt đó mà tiến về phía Đông Nam.

Như lời người Mường nói với Lê Duy Mật, thì nơi có cuối này gọi là Sỉ Kiền và nếu không biết cách chữa thì người uống phải nước suối chỉ trong nửa ngày là chết.

Cả đoàn đi ước ba dặm, tới một quả núi đất, trên đỉnh phẳng lỳ. Hai bên sườn núi xòe ra như hai cái quạt. Đứng trên đỉnh núi, trông về phía đông, thì sườn núi chia thành ba bậc rất đều đặn, và có một con suối theo ba bậc ấy chảy xuống. Dòng nước vắt ngang từ bậc nọ xuống bậc kia không khác những tấm lụa phẳng lỳ trải trên nền đá.

Xuống đến Lâm Lộc, là tức chỗ thấp nhất mà nước từ trên núi dồn xuống, đá lũm xuống như một cái chậu thật to. Tới đây, nước chảy mạnh quá, tóe lên không khác một bông sen trắng.

Tới Lâm Lộc, người Mường ra lệnh cho Duy Mật dừng lại. Hắn hái ngay vài ngọn cỏ mọc ở bờ suối, đưa cho Kỳ Hùng ăn. Tiếp, lấy nước ở suối lên mà trao cho Kỳ Hùng. Viên tướng này vừa uống xong thì bệnh khỏi liền, Duy Mật mừng rỡ, đến cảm tạ người Mường và cho phép quân lính được tự ý lấy nước suối lên giải khát.

Trái hẳn với khi ở Sỉ Kiền, nước suối Lâm Lộc ngọt và có hương thơm. Người Mường lại cho Duy Mật biết rằng nước suối này có hai cái đặc tính rất đáng quý là người sốt uống khỏi và nếu dùng làm nước pha trà thì uống có một hương vị rất thú mà không nước ở đâu có.

Trong lúc quân lính, nhận có nước ngọt, cắm trại lại Lâm Lộc thổi nấu ăn, anh em Lý Bạch Phụng và Lý Bạch Long giắt nhau lên một trái núi ở trước mặt để ngắm hình thế của địa phương này. Ngồi trong trướng, Duy Mật đương chống tay vào cằm nghĩ ngợi, không hiểu cái tương lai rồi mở mịt đến thế nào thì, chợt nghe hai người tất tưởi chạy về, nói phía bên kia núi có một nơi đô hội không kém gì kẻ chợ¹⁶.

Duy Mật kinh ngạc, cùng hai người trèo lên đỉnh núi, ngắm về phía Tây, thấy giữa miền rừng núi liên tiếp, hiện ra một cái thung lũng rất rộng, phía trong ruộng lúa phẳng lỳ, coi toàn thể không khác một cái chảo lớn mà miệng chảo là những trái núi cao ngất. Trong thung lũng có hai dòng nước nhỏ chảy cuộn tròn như hai con rắn bạc quấn lấy một thị trấn trong có dân cư đông đúc. Giữa những nếp nhà sàn là phần chính của thị trấn, trội lên những mái ngói đỏ ối, lợp theo mui luyện là lối kiến trúc đặc biệt ở địa phương này. Các lâu đài nguy nga đó được xây theo hàng lối định sẵn, không khác ở một nơi đô thành nhỏ.

Duy Mật định cho tìm người Mường ban nãy để hỏi, nhưng vừa quay lại thì đã thấy người đó đứng ở sau lưng mình rồi. Chàng để ý nhận kỹ thì người này có vẻ mặt rất đạo mạo và mình mẫn khác hẳn những thổ dân mà chàng thường gặp tại biên giới Ai Lao. Có ý ngờ vực, Duy Mật hỏi:

- Tôi coi túc hạ hình như không phải là sinh trưởng ở địa phương này thì phải?

Người mà mọi người tưởng là người Mường đó, trình trọng đáp:

- Tướng quân quả đã có con mắt xét người rất minh mẫn. Thật ra tôi không phải người ở đây. Song vì ở miền này đã lâu nên từ ngôn ngữ cho đến phong tục, đều theo thổ dân, thành ra đã bị đồng hóa, không khác gì người Mường thật.

- Túc hạ có thể cho tôi biết quý tính cao danh được không?

- Tôi họ Lại, tên Như Trác. Ông tổ tôi là Lại Thế Cường, trước theo đức Trang Tôn khởi binh, được phong làm Dục Vân công thần. Khi ông tổ tôi cùng với đức Trang Tôn lưu lạc ở miền này có lấy một người đàn bà Mường làm thiếp và sinh được một người con trai là cha tôi. Vì tổ mẫu tôi không muốn theo tổ phụ tôi xuống kẻ chợ, nên lưu lại đây đến bây giờ là ba đời.

- Túc hạ có quyến thuộc gì ở đây không?

Như Trác đáp lại câu hỏi của Duy Mật bằng một cái gật đầu. Tiếp, lại nói:

- Đến đời tôi, tôi còn tìm về quê hương ở xã Quang Lăng, huyện Tống Sơn để thăm một đứa cháu là Lại Thế Thiều. Song vì nhớ cảnh núi non của miền Trấn Ninh, tôi lại lên lập nghiệp ở đây. Thế Thiều theo tôi đi. Hắn có võ vẽ đôi chút võ nghệ. Hôm nay, hắn vào săn trong rừng. Khi nào về, sẽ xin đưa đến bái kiến tướng quân.

Hỏi về thị trấn ở chân núi. Như Trác nói:

- Chỗ này ở động Trình Quang, thuộc phủ Trấn Ninh mà xưa kia người ta vẫn gọi là nước Bồn Man hoặc cũng có tên là Lão Qua Quốc.

Nơi đây phần nhiều là giống Mường, nhưng họa hoằn cũng có xen vào một ít người Lào và Mọi. Dân Mường do các “đà” cai trị. Chức “đà” Trấn Ninh cũng tương tự như “lang” ở miền thượng du Bắc Hà. Từ thượng cổ cho tới gần đây, Bồn Man vẫn là một nước hoàn toàn độc lập do họ Chăm kế tiếp nhau làm “Đà”. Hãn hoặc Bồn Man cũng có phái người về Thăng Long tiến cống. Về đời Hồng Đức, Chăm Công Thiết cự mệnh triều đình, nên bị vua Lê Thánh Tôn thân chinh sang dẹp, giết Công Thiết, cướp lấy đất, đổi gọi là phủ Trấn Ninh, trong chia ra làm bảy huyện, gồm tất cả có 68 động và cho họ Lư Chăm làm “đà”. Trong khoảng ba trăm năm nay, họ Lư Chăm vẫn thần phục triều đình. Trấn Ninh đất tốt, dân cư đông nên mỗi ngày một thêm phần thịnh. Chức “đà” hiện thời là Lư Chăm Hương, đối với dân Mường có oai quyền lắm. Chăm Hương thích làm nhà cửa và xây các đài đệ nên tướng quân coi đó, động Trình Quang này thực không kém gì cung phủ ở An Trường mà tôi được mục kích hồi mấy năm về trước.

Tiếp lại hỏi về vị trí của động Trình Quang, Như Trác nói:

- Động này rất hiểm, Chăm Hương thần phục triều đình đã vậy, trái lại nếu hãn muốn cầm cự lại thì vị tất triều đình cũng đã làm gì nổi, vì đường vào động rất hiểm trở mà chung quanh lại toàn là núi cao.

Trở tay về phía đông, Như Trác hỏi Duy Mật:

- Tướng quân có trông thấy ngọn núi cao kia không? Đó là núi Bồ Chung, dù có cánh vị tất đã vượt được qua, phía Nam là Giang Sầm, phía Bắc là Khánh Thư, toàn là những nơi thiên hiểm, dù có thiên binh vạn mã, cũng khó lòng vào được.

Nghe Như Trác nói, Duy Mật nghĩ thầm:

- Đất Trình Quang này chính là chỗ trời dành cho ta. Nếu ta không liệu cách mà chiếm lấy thì còn mong gì hơn nữa.

Như người đương mơ màng, chợt tỉnh Duy Mật lại hỏi:

- Ở một nơi hiểm viễn như thế này, chắc Lư Chăm Hương phải có quân đội để giữ mình chứ?

Như Trác lắc đầu, mỉm cười:

- Người Mường họ có trông xa bao giờ đâu, Cầm Hương chỉ sợ có triều đình. Nay đã chịu tiến cống rồi thì không lo ngại gì nữa. Nên trong động chỉ còn có chừng năm trăm quân. Cứ cách vài năm lại một lần, hấn cướp cống vật của sứ giả Ai Lao qua đây. Đến khi triều đình quở trách thì sợ xanh mặt lại. Kẻ ngu thường lại hay tham, người đời bao giờ cũng vậy.

Câu trả lời của Như Trác không khác một viên ngọc mà chàng bắt được giữa lúc không ngờ. Duy Mật liền mời người này xuống núi mà tiếp đãi rất tử tế, rồi mang cái chỉ đánh đuổi họ Trình và muốn lấy Trình Quang làm căn cứ mà bàn với Như Trác.

Như Trác vốn đã được nghe tiếng Duy Mật nay lại gặp mặt, thấy chàng dung mạo oai nghiêm và nói năng hòa nhã thì kính phục không biết ngần nào. Ngẫm nghĩ hồi lâu, Như Trác nói:

- Lư Cầm Hương là người ngu và kiêu lắm. Nếu lấy nghĩa lý dụ hấn, tôi chắc hấn không nghe nào.

Tiếp, ghé vào tai Duy Mật nói nhỏ mấy câu. Những câu nói đó có cái mãnh lực làm cho vẻ mặt Duy Mật rạng dần ra. Sau rốt, chàng nắm lấy tay Như Trác nói:

- Túc hạ thật là một quý nhân mà trời xui đến để giúp tôi. Từ nay xin tôn làm Trọng Phụ, như xưa kia Tề Hoàn Công đãi Quản Di Ngô vậy.

Nói rồi, Duy Mật dắt tay Như Trác bước ra cửa trại, truyền quân rút lui ba dặm quay về Sí Kiền, đóng ngay trước chỗ Như Trác ở.

Chàng vừa toan trèo lên mình voi, thì từ trong rừng rậm, thấy một người lực lưỡng một mình vác một con hổ trắng thủng thỉnh đi ra. Khi nhận rõ mặt người đó, Như Trác mừng rỡ, lên tiếng gọi.

- Thế Thiều con ơi, mau mau lại chào Đức ông đi.

Thế Thiều để con hổ xuống vệ đường, rảo bước đi lại. Duy Mật nhận rõ mặt chàng thì kinh ngạc vô cùng, vì người vác hổ chỉ là một cậu thiếu niên từ 16 đến 18 tuổi, nhưng vóc người to lớn và diện mạo nghiêm trang, không kém gì những người đã đứng tuổi.

Thế Thiều chấp tay chào hai người, rồi đứng tránh ra một bên lối đi, đưa mắt nhìn Như Trác, có ý muốn hỏi người lạ mặt đó là ai? Như Trác hiểu ý, trở Lê Duy Mật nói:

- Đức ông đây là Hoàng đệ, em thứ mười một đức Kim thượng ta, hiện lên đây để lo việc giết họ Trình và tôn phù để thất. Chú cháu ta đã được Đức ông thù làm thần tử. Từ nay cháu nên hết sức phụng sự Ngài để báo đáp lấy muôn một cái ơn tri ngộ.

Thế Thiều cung kính thưa:

- Chúng tôi là kẻ sơn dã, chỉ mong Đức ông dạy bảo và cho được theo hầu dưới ngựa.

Duy Mật thấy Thế Thiều trẻ tuổi, lại có vũ dũng và ăn nói phải chăng thì mừng thầm là đã thu phục được thêm một nhân tài. Chàng ôn tồn nói:

- Lệnh diệt người coi tuần tú lắm, sau này tất có sự nghiệp.

Thấy quân lính đã dự bị xong cả. Duy Mật cùng với Như Trác cùng bước lên mình voi. Còn Thế Thiều thì lại vẫn điềm tĩnh nắm hai chân con hổ sốc lên vai mà đi, coi không có vẻ gì khó khăn và mệt nhọc cả.

Tới Sí Kiền, Duy Mật truyền quân hạ trại trên sườn núi, còn mình cùng Tú Xuân thì vào nghỉ tại nhà Lại Như Trác.

Hôm sau, Duy Mật truyền quân ăn cơm thật sớm, rồi cắt Trần Kiện Nhi cùng với Như Trác mang năm mươi tên quân, tắt qua đường núi vào phục sẵn ở Khánh Thụ, hẹn khi nào Cầm Hương đi khỏi thì xông ra, cướp lấy Trình Quang. Anh em Bạch Long và Bạch Phụng thì cùng với hai chục tên quân đốc vận một ít vàng bạc và châu báu, thủng thẳng đi lên gò Trình Ban là con đường từ Lào sang Thanh Hoa. Tại gò này, chàng cho Trần Kỳ Hùng mai phục, dặn nếu nghe tiếng kêu thì đổ ra mà đánh.

Cắt đặt xong, chàng gọi Lại Thế Thiều đến dặn nhỏ mấy câu. Thế Thiều vâng dạ đi khỏi rồi. Duy Mật liền cùng với Tú Xuân mang quân bản bộ vào ẩn tại một khu rừng, cách Lâm Lộc chừng một dặm.

“THIÊN NAM ĐẾ TỬ”

Lư Cầm Hương quả như lời phê bình của Lại Như Trác, là một nhà cai trị ngu và tham. Nhưng viên “đà” này còn một thói xấu nữa mà Như Trác có lẽ không để ý đến là xa xỉ.

Cầm Hương ngu, thật ra cũng không có hại hoặc lợi gì cho dân Trấn Ninh, hơn là Cầm Hương khôn khéo hoặc thông minh. Vì nền chính trị của đất Bồn Man đại khái cũng như những mặt hồ không sóng gió bao giờ. Các “đà” dù hay hay dở, dân cũng cứ phục tùng. Bị đè nén hay ức hiếp, họ cũng không dám phản nản. Vì phản nản là bất kính. Và đã bất kính với “đà” thì thế tất là phải khép vào tử tội.

Ở vào một bộ lạc đã dễ khiến như vậy thì việc cai trị của các “đà” không có đường lối nào khác, ngoài những phương pháp tổ truyền. Vì vậy, một “đà” ngu hay khôn, cũng không có ảnh hưởng gì đến cuộc sinh tồn của dân chúng. Nhưng tính xa xỉ của Cầm Hương, trái lại, là một nguy trạng rất lớn. Vì quanh năm mê mết vào những cuộc truy hoan và kiến trúc, Cầm Hương đã làm cho tiêu mòn hết những tài sản của dân Mường. Dân oán “đà”, song không dám hé răng. “Đà” vì ham của mà không bòn vét vào đâu được phải dùng đến những thủ đoạn bất lương như đón cướp những phẩm vật do xứ Ai Lao đệ sang Thăng Long, tiến cống.

Duy Mật đến Trấn Ninh đúng vào cổng hạn của Ai Lao nên ngày ngày, Lư Cầm Hương vẫn cho bộ hạ do thám ở dọc đường, chỉ chờ sứ giả đi qua là đón cướp. Đã mấy hôm nay, Cầm Hương thấy nóng ruột và đứng ngồi không yên, chợt lĩnh vào báo là có một thiếu niên Mường xin vào yết kiến.

Thiếu niên nói đây, các ngài hẳn đã đoán biết Lại Thế Thiều, Thế Thiều làm ra bộ ngay thật báo cho Cầm Hương biết rằng sứ đoàn qua biên cảnh Ai Lao đã lâu và hiện đã sắp tới gò Trình Ban, nơi cách Trình Quang chừng vài mươi dặm.

Cầm Hương như kẻ khát đã lâu, chợt gặp được nước uống, vội truyền lấy một trăm quân tinh nhuệ, rồi lên ngựa, theo Thế Thiều cùng đi.

Chỉ trong chốc lát, quân Mường đã tới gò Trình Ban. Gò cương ngựa trông về đằng trước, Cầm Hương thấy sứ bộ chỉ có vài mươi người thì mừng thầm, cho là sẽ vớ được một món hời mà không tốn công gì mấy.

Khi hai quân gần giáp mặt nhau, Lý Bạch Long giả vờ như lo sợ, giục quân mình trốn tránh vào rừng. Nhưng Cầm Hương đã phóng ngựa đến nơi rồi và truyền cho quân Mường tranh cướp lấy những đài đệ của Lao sứ giả.

Bạch Long thấy quân Mường đã bỏ cả hàng ngũ, liền hét to lên một tiếng, quân Kỳ Hùng như gió bão từ dưới gò đổ lên mà chém giết tứ tung. Bạch Long và Bạch Phụng lúc ấy cũng quay lại, xung sát một hồi; Cầm Hương không sức đâu mà đối phó được, đành cùng dăm chục tàn tót, quay ngựa bỏ chạy.

Qua khe Lâm Lộc, Cầm Hương yên trí là về đến được đất nhà thì thoát nạn, không ngờ tại Trình Quang, đã phát phối lá cờ Cầm Vương và một toán quân lạ, không rõ nhiều hay ít, đương hò reo rất dữ dội. Cầm Hương thất đảm, phải rẽ vào rừng. Nhưng mới đi được một dặm thì bắt gặp quân đội của Lê Duy Mật và Trần Tú Xuân. Túng thế, Cầm Hương huơ ngọn giáo lên định đánh liều, song chưa kịp trở tay, đã bị Tú Xuân đâm trúng phải ngựa mà ngã lăn xuống đất.

Quân Mường thấy chủ đã bị bắt, liền quỳ cả xuống xin hàng.

Duy Mật không giết một người nào cả và truyền quân kéo thẳng vào Trình Quang, thì vừa gặp Lại Như Trác cùng với mấy viên kỳ lão Mường mang các thư tịch và ấn tín ra dâng nộp.

Dân Mường vốn ghét Lư Cầm Hương mà không dám nói ra, nay nhất đán có người trừ được cái gai trong mắt ấy cho họ, thì lẽ tự nhiên là họ tôn trọng như một vị cứu tinh.

Duy Mật cũng hiểu rõ cái tình trạng đó nên lập tức truyền hịch đi khắp mọi nơi, kể cái tội

Cầm Hương đã ý thế chúa Trịnh ở Thăng Long mà sách nhiễu dân Mường.

Người Mường không hiểu chúa Trịnh là ai, nhưng thấy nói là cùng một cánh với Cầm Hương, người mà họ ghét thì họ cũng tỏ ý hằn thù. Duy Mật liền dùng ngay cái tâm lý ấy mà thực hành kế sách do Yên Mặc đạo nhân đã chỉ vẽ cho chàng, là đồng thời bắt các bộ lạc gần quanh như Quy Hợp, Cao Châu... phải quy phụ về Trình Quang, nghĩa là bắt ép họ phải cung cấp lương tiền và quân lính để chàng dùng vào việc bài trừ họ Trịnh.

Trong khoảng một năm, Duy Mật mở rộng thế lực ra hết tất cả các bộ lạc Mường, dọc theo một dải từ Bắc Bộ Chính ra đến Hưng Hóa và Sơn Tây. Trình Quang là một cái triều đình nhỏ mà các “đà” và “lang” lớn, nhỏ đều phải chịu uy quyền. Hãn hoặc nếu có một tù trưởng nào tỏ ra cứng cổ mà không chịu tiến công hoặc cung cấp khí giới và quân lương thì lập tức, Duy Mật sai các “đà” khác mang quân đến dẹp hay tự mình thân đi hỏi tội.

Chính phủ Trình Quang nhờ ở cái chính sách khôn khéo của Duy Mật và một người giúp việc rất đắc lực là Lại Như Trác, không bao lâu, đã giữ được thế quân bình với hai kinh đô Thăng Long và Phú Xuân. Nếu có khác đôi chút chỉ là ở chỗ chúa Trịnh và chúa Nguyễn thì thống trị giống An Nam mà Duy Mật thì thế lực không ra khỏi những bộ lạc Mường và Lào như Quy Hợp, Bồn Man, Vạn Tượng.

Trình Quang đã trở nên kinh đô của một nước, thế tất Duy Mật phải gây cho nó có những đặc điểm mà các kinh đô khác có.

Thoạt đầu, chàng cho lấy gạch và đá xây liền những khe núi lại, khiến cho Trình Quang có một bức thành kiên cố mà nửa là nhân tạo, nửa là thiên nhiên. Lối vào động, chỗ suối nước Lâm Lộc mà chàng đóng quân hôm trước, Duy Mật để hở làm cửa thành, nhưng phía trên xây pháo đài và vọng lâu. Đứng trên cửa này, người ta có thể trông suốt ra gò Trình Ban và tất cả những trái núi chom chồm như một rừng gươm, chọc thẳng lên không.

Phía trong bức thành thiên nhiên, Duy Mật xây thêm một vòng lũy theo ven bờ hai con sông nhỏ cuộn tròn lấy thị trấn Trình Quang. Dân cư và quân đội đóng cả ở trong vòng lũy thứ hai này. Sau rồi, đến vòng lũy thứ ba là bức thành bọc lấy các cung điện của triều đình. Duy Mật nhân những lâu đài cũ của Cầm Hương, tô điểm hoặc làm rộng thêm ra. Một nhà du lịch, nếu tình cờ đến thăm động Trình Quân vào đầu thế kỷ thứ 18, sẽ phải khen ngợi là nó cũng tráng lệ chẳng kém gì nhiều nơi đô hội ở trong phạm vi Chúa Trịnh.

Tuy đã có ba bức thành kiên cố, Duy Mật cũng chưa cho là đủ. Về phía Nam, Trình Quang, theo hàng chữ nhất, từ gò Trình Ban đến động Trình Khâm, chàng cho xây tất cả 16 đồn quân. Đồn nào cũng đặt đại bác và cũng có pháo đài. Mỗi đồn cất 200 quân canh giữ.

Để tránh cái danh hiệu Hoàng đế là chữ mà Duy Mật thủy chung vẫn nhường cho vua Lê, chàng tự xưng là “Thiên Nam đế tử” như khi còn ở Ngọc Lâu. Các ấn tín đều khắc bốn chữ này. Nghi vệ và phẩm phục thì nhất thiết dùng màu tía, màu mà Nhân vương đã chọn cho nhà Chúa, hồi ba mươi năm trước.

Quân đội tại Trình Quang chia làm hai vệ, gọi là Cẩm y và Kim ngô, tức là hai hiệu quân cấm vệ của nhà Lê. Mỗi vệ có hai nghìn người, do một viên đại tướng làm thống lĩnh.

Chiếu công trạng và tài cán của những tướng bộ hạ, Duy Mật phong Lại Như Trác làm quân sư chủ trương các việc quân, đồn.

Trần Kiện Nhi được phong làm Phiêu kỵ tướng quân.

Trần Kỳ Hùng làm Thống lĩnh vệ Cẩm y, Lý Bạch Long Thống lĩnh vệ Kim Ngô.

Lý Bạch Hổ thì làm Đô đốc, trấn thủ quan ải Trình Quang. Các tướng khác thì chia giữ 16 đồn hoặc coi về bộ binh, tượng binh và mã binh là những hiệu quân mà Duy Mật cho rèn tập luôn để phòng khi dùng đến.

Trong thành Trình Quang, Duy Mật lại cho lập một “Công Thần miếu” để thờ Lê Duy Chúc, Lê Duy Quý và những đồng chí đã bất hạnh qua đời.

Quân đội trong thành, Duy Mật chia làm hai lớp, một lớp thao luyện thì lớp thứ hai đi phá các khe núi làm chỗ cày cấy, thành ra chỉ trong khoảng vài năm, số quân tinh nhuệ ở Trình Quang có tới năm nghìn mà lương thực, khí giới, xe ngựa thì không biết bao nhiêu mà kể.

Trần Ninh lại là một nơi rất nhiều voi, nên Duy Mật thường đem quân vào rừng săn bắt để gây nên một đội tượng quân đông đúc hơn cả quân Thuận Hóa và Thăng Long.

Một hôm, chàng đương săn trong rừng, chợt có người Mường đến báo là bắt gặp ba người lạ mặt nằm thiếp ở một khu núi, gần gò Trình Bàn. Duy Mật đến tận nơi xem xét, thấy ba người tuy bất tỉnh nhân sự, nhưng trong mình vẫn còn hâm hấp nóng. Trong số ba người đó, thì hai người rất cao lớn, nước da trắng bệch, sống mũi cao. Người thứ ba nhỏ bé hơn hai người trên, trông khuôn mặt cũng có thể biết được là người An Nam, nhất là trên trán lại thích bốn chữ “Học Hoa Lang đạo”

Duy Mật cho vực ba người về Trình Quang, rồi đổ cháo cho, được một lúc thì ca ba cùng tỉnh. Chàng cho hỏi thì hai người da trắng trả lời ấp úng, rất khó nghe. Duy có người thứ ba nói năng rất hoạt bát và sau những phút do dự, thú rằng mình tên là Nguyễn Văn Bản, quán ở Nghệ An và vì theo hai người trên thuộc giống Tây dương mà dân Bắc Hà quen gọi là “Hoa Lang” nên bị quan địa phương làm tội và thích chữ vào mặt. Sau đó, chàng bị các quan lại Nghệ An sách nhiễu và hành hạ nên cùng hai người Âu kia chạy trốn sang Lào, không may đến đây, đói quá không đi được nữa.

Hỏi về tình hình trấn Nghệ An, Nguyễn Văn Bản nói viên trấn tướng hiện thời là Văn Đình Úc xuất thân là một kẻ võ biên, tính lười mà tham, dân oán ghét, chỉ cầu hấn đổi đi nơi khác.

Nguyễn Văn Bản lại nói là người Hoa Lang đi với mình rất giỏi về nghề đúc khí giới. Duy Mật liền lưu cả lại dùng, quả nhiên là những người giúp việc mà chàng cho là đặc lực.

Ba năm sau, tự xét là đã đủ thế lực để tiến xuống Trung châu mà thực hành cái chí diệt Trịnh khi xưa, Duy Mật liền họp các tướng lại để liệu kế tiến quân.

Như Trác bàn nên chia quân làm hai đạo: đạo thứ nhất tiến xuống phía Đông Nam đánh lấy Quy Châu, đạo thứ hai đánh vào mặt đông bắc, lấy Trà Lân. Được những nơi này rồi, hai quân sẽ hợp nhau mà xuống vĩnh doanh, rồi lần lượt lên Thanh Hoa và kéo thẳng ra Bắc.

Duy Mật cho kế ấy là phải, sai Trần Tú Xuân làm thống lĩnh đạo thứ nhất, tự mình chỉ huy đạo thứ hai. Chàng định đến ngày 15 tháng Tư năm Cảnh Hưng thứ 21 thì làm lễ tế cáo trời đất; ngày 16 tiến quân.

Như Trác liền cho lập đàn ở sườn núi, trên đặt bài vị Hiệu Thiên Thượng đế và Hậu Thổ địa kỳ, tiếp đến linh vị các vua Lê. Lễ vật thì dùng tam sinh và hoa quả.

Ngày 15, Duy Mật mặc áo bào tía, đội mũ bao đầu, cùng với các tướng vào tế theo như nghi lễ ở Thăng Long. Như Trác thì đọc tế văn, tiếng sang sảng làm kinh động cả núi non, cây cỏ.

Tế xong, các quân thết tiệc giữa trời mà ăn uống, ai nấy đều hăng hái muốn ra trận để lập công. Thấy khí thế của mình mạnh mẽ như vậy thì Duy Mật rất vui mừng, nhưng chợt có quân vào báo là lá cờ tướng không may bị gió lay đổ, khiến cho chàng bất giác rung mình. Nhưng để yên ủi mọi người, Duy Mật nói đó là một điều bất cần của kẻ cầm cờ, không có hại gì đến công việc lớn.

Đêm ấy, mọi người đã ngủ yên cả, Duy Mật vẫn bút rút ngồi trước ngọn đèn, không hiểu việc rủi ro hôm nay có quan hệ gì đến đại cục hay không, vì chàng bị thất bại đã nhiều nên không khác con chim đã bị tên, hề thấy cây công là sợ.

Chàng đương nghĩ vơ vẩn thì thấy một ông già, râu tóc cùng bạc trắng như tuyết, cầm một lưỡi dao hàm hăm từ ngoài sân bước vào. Tới trước án, ông già chỉ lưỡi dao vào mặt Duy Mật, quát:

- Ta là Bình An vương đây¹⁷. Nhà Lê nhờ có cha con ta mới khôi phục được. Vì vậy khi phong vương cho ta vua Lê có thề rằng “Lê tồn Trịnh tại, Lê bại Trịnh vong”¹⁸. Thế mà trong mười

năm nay, lúc nào người cũng cậy cục để hại con cháu ta. Nhưng phúc đức của nhà ta còn những sáu mươi năm nữa mới hết. Dù người muốn hại cũng không thể được.

Nói rồi, ông già vung gươm ra, toan chém Duy Mật. Chàng hoảng sợ, ù té chạy, đến cửa thì vấp ngã. Chàng bưng mắt dậy, là một giấc chiêm bao.

Duy Mật sờ tay lên trán thì mồ hôi rỏ xuống ròng ròng. Từ bấy giờ đến sáng, Duy Mật không sao ngủ đi được nữa.

Sáng sớm, Duy Mật định cố bò dậy, nhưng chân tay mệt nhừ. Chàng liền cho gọi Lại Như Trác vào cung và thuật lại cho nghe giấc mộng hôm trước.

Như Trác ngẫm nghĩ hồi lâu nói:

- Luận về dòng dõi họ Trịnh tôi nghe thầy địa lý Tàu có nói kiểu đất của họ Trịnh là “phi đế phi bá, quyền huynh thiên hạ, bát đại vi vương, tiêu tường khởi họa”[19](#) cứ kể được phong vương thì bắt đầu từ Trịnh Tùng đến Trịnh Doanh mới là bảy đời, có lẽ trời chưa tuyệt họ Trịnh thật.

Như Trác vừa nói dứt lời thì Duy Mật vật vã kêu đau, rồi bệnh tình mỗi phút một tăng thêm.

Thế là cuộc hưng binh hoãn, chờ cho chàng khỏi bệnh.

HẾT

TỦ SÁCH ALPHA DI SẢN

GÓC NHÌN SỬ VIỆT

Là một trong những quốc gia có truyền thống văn hóa lâu đời, nhưng một vấn đề Việt Nam đang phải đối mặt chính là sự đứt gãy về mặt lịch sử - văn hóa. Tức thế hệ trẻ ngày nay không còn được đọc hay hiểu được những gì ông cha ta đã viết. Ngoại trừ giới nghiên cứu, đại bộ phận học sinh, sinh viên ít hoặc không có thói quen tìm đọc những thư tịch cổ của ông cha. Góp phần dẫn đến tình trạng đó là việc rất nhiều tài liệu thư tịch cổ quý giá của ông cha ta hoặc nằm sâu trong các kho tàng của các viện nghiên cứu như Viện Sử học Việt Nam, Viện Triết, Viện Hán-Nôm, Thư viện Quốc gia..., hoặc thuộc về các tổ chức cá nhân sưu tầm sách cổ.

Trước thực tế trên, Công ty cổ phần sách Alpha (Alpha Books) xây dựng đề án Alpha Di sản, mục đích dịch thuật, tái bản các tài liệu, thư tịch cổ có giá trị... Hơn hết, Alpha Books mong muốn xây dựng lại nguồn tài liệu phong phú, đa dạng, chất lượng cho các cơ quan, trường học, thư viện, các trung tâm nghiên cứu và cá nhân, nhằm gìn giữ vốn quý văn hóa của dân tộc.

Xuất bản tháng 10/2014

1. *Quang Trung* - Hoa Bằng
2. *Trần Hưng Đạo* - Hoàng Thúc Trâm
3. *Nữ tướng thời Trưng Vương* - Nguyễn Khắc Xương
4. *Phan Đình Phùng* - Đào Trinh Nhất
5. *Lương Ngọc Quyến* - Đào Trinh Nhất
6. *Nguyễn Thái Học* - Nhưộng Tống
7. *Vua Hàm Nghi* - Phan Trần Chúc
8. *Việt - Pháp bang giao sử lược* - Phan Khoang
9. *Việt - Hoa bang giao sử* - Huyền Quang, Xuân Khôi, Thi Đạt Chí
10. *Việt - Hoa thông sứ sử lược* - Bế Lãng Ngọa, Lê Văn Hòe
11. *Việt Nam ngoại giao sử* - Ứng Trình
12. *Sử ký Đại Nam Việt* - Khuyết Danh

1. Năm Cảnh Hưng thứ 32 (Năm 1772) 1. Cũng như ngôi Thái tử, nghĩa là khi nào Vua chết thì được cử lên thay. 2. Người được nối ngôi chúa được gọi là Thế tử, theo cách gọi của con Vua chư hầu đời Chiến quốc. 3. Trịnh Giang vu cho Lê đế Duy Phường thông gian với phi tần của cha là Trịnh Cương mà làm tội. 4. Theo các nhà viết sử thì sau khi giết được Thái tử Duy Vĩ, Trịnh Sâm có ý cướp luôn cả ngôi báu của nhà Lê. Một hôm, ăn chay, tắm gội rất sạch sẽ, Sâm lên Tây hồ, định cầu chiêm bao, nghĩa là nhờ thần thánh quyết định giúp một việc mà chính Sâm còn do dự chưa dám làm. Nhưng dọc đường, phảng phất có người như Thái tử Duy Vĩ đứng ngăn lối đi, Sâm sợ hãi, phải truyền quay về. Đêm ấy Sâm nằm mơ thấy có người áo đỏ, khăn hồng, tay cầm chiếc bơi chèo, vén màn lên chòng chọc nhìn mình. Sâm hỏi: “Ai?” thì người ấy đáp: “Ta là Thái tử Duy Vĩ đây!” Từ đó Sâm vì lo sợ quá mà thành bệnh, không thuốc thang nào khỏi nữa. 1. Có nơi chép là Duy Du. 1. Dương Khuông là em ruột Dương Thái phi, mẹ Trịnh Khải. 1. Chỉ Nguyễn Huệ. 2. Khi lên ngôi, Duy Khiêm đổi là Duy Kỳ. 1. Duy Kỳ lên làm Vua lấy niên hiệu là Chiêu Thống. 1. Trần Công Sán là thầy học cũ của Chính. 1. Tự tập lại làm một điều gì đó. 1. Ninh Bình. 2. Con vua Chiêu Thống. 3. Danh vị cấp riêng cho con trai của quan lớn, thời phong kiến. 4. Việc chiến tranh, việc quân sự. 5. Thúc giục. 6. Dụng ý của Phúc Khang An là tỏ ra cho sứ Tây Sơn biết rằng nhà Thanh không có ý gì giúp vua Chiêu Thống cả. 1. Hòa Thân. 2. Dàn xếp phân minh. 3. Không có biệt tài về nghệ dịch thơ chữ Hán, những bài trên này đều dịch lược để cung một sử liệu cho các độc giả. Nếu có câu nào không lột được hết ý nghĩa của nguyên văn xin các Ngài vui lòng tha thứ và sửa giúp cho. 4. Trách móc dài dằng. 5. Chửi mắng thậm tệ. 1. Vợ vua Chiêu Thống. 2. Thừa thãi. 3. Chỉ Hòa Thân. 1. Tức bản đồ. 2. Duyên Tụ công tên là Lê Duy Hoán, con trai Hoàng đề Duy Chỉ, được vua Gia Long cho giữ việc kỷ tự nhà Lê. Thợ gạch. Trịnh Cương. Đọc Thưởng trì cung của Phan Trần Chúc. Quảng Yên. Nơi Cừ, Tuyển khởi binh. Hải Dương. “Hai bên bờ hàng ngàn núi như những cái măng ngọc đứng sừng, ở giữa là dòng sông khác nào con rắn xanh lượn bò, non sông còn như cũ nhưng người anh hùng đã qua đi mất rồi. Trời đất vô tình bày ra nhiều sự biến đổi” – Xem toàn bài ở sách Nguyễn Trãi của Trúc Khê. Tiến sĩ võ. Đọc Thưởng trì cun. Thanh Hoa. Cung miếu là nơi thờ tổ tiên chúa Trịnh cũng như Thái miếu của nhà vua. Nguyễn Bình Khiêm. Phùng Khắc Khoan. Kinh bang tế thế. (BT) Thanh Hoa ngoại là Ninh Bình. Kinh thành. Trịnh Tùng. Lê còn Trịnh còn, Lê mất Trịnh mất. Không phải để không phải bá, quyền hơn mọi người, tám đời làm vua chúa, tại và ở trong nhà mà ra. Nguyễn Đăng Giai (?-1854) tự Toản Phu; là người làng Phù Chánh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Xuất thân trong một gia đình vọng tộc, nội ông là tiến sĩ Nguyễn Đăng Hoành, cha ông là Hiệp biện Đại học sĩ Nguyễn Đăng Tuấn (thầy dạy vua Thiệu Trị). Thuở nhỏ, Nguyễn Đăng Giai theo học với thân phụ. Năm Minh Mạng thứ nhất (1820), ông đỗ hương tiến (cử nhân). (Biên tập viên chú thích viết tắt là BT) Viện Viễn Đông Bác cổ (tiếng Pháp: École française d'Extrême-Orient, viết tắt EFEO) là một trung tâm nghiên cứu của Pháp về Đông phương học. (BT) Ôn thỏa và thỏa đáng. (BT) Cự là to lớn, cự tộc là gia tộc, dòng họ lớn. (BT) Nghèo mà trong sạch. (BT) Thao: chí nguyện, phẩm cách, đức hạnh; thủ: giữ vững nắm chắc. Thao thủ là luôn giữ chí nguyện bình sinh, giữ chắc phẩm hạnh của mình. (BT) Thiết: thành lập, sáng lập, dựng lên. (BT) Cảnh tượng không thật. (BT) Ý nói ông đồ nghèo kiệt xác. (BT) Cả đời, cả cuộc đời. (BT) Theo sách Luận ngữ tứ thư huấn nghĩa, đời Chu có một nhà bốn lần sinh đôi, cặp đầu đặt tên: Bá Đạt, Bá Quát; cặp kế: Trọng Đột, Trọng Hốt; cặp thứ ba: Thúc Dạ, Thúc Hạ; và cặp cuối là: Quý Tùy, Quý Oa. Lớn lên đều đỗ tiến sĩ. Ông Đồ họ Cao lấy điển tích này mà đặt tên con là: Bá Đạt, Bá Quát (vì hai người con này cũng sinh đôi). (BT) Sài không phải tên gọi của một bệnh mà là tên gọi các Chứng (triệu chứng của các bệnh khác nhau). Chứng sài thường dùng để gọi những triệu chứng bất thường của trẻ nhỏ từ sơ sinh đến 2-3 tuổi, cũng có khi là chứng của một bệnh lạ, hoặc bệnh nặng, bệnh nguy hiểm... (BT) Chu Thần là tên tự của ông Cao Bá Quát. Cao Bá Quát là chú, còn cháu là ông Cao Bá Nha, tác giả Tự tình khúc. Tuấn là tài giỏi xuất chúng, đỉnh là thông minh vô cùng. Tuấn đỉnh ám chỉ người có tài năng hơn người. (BT) Trác là cao siêu xuất chúng, lạc là nổi bật, rõ ràng. Trác lạc nghĩa là xuất chúng, trác tuyệt siêu quần. (BT) Hiếu: báo cho mà biết; báo: báo ban răn dạy. (BT) Sách là quy tắc, khuôn phép. Sách lệ là Bá Đạt coi lời cha như là khuôn phép mà mình phải noi theo. (BT) Lãng tăng nghĩa gốc là chập trùng cao vút, nghĩa bóng là chỉ người tính tình cương trực, kiên trì, bất khuất. (BT) Tập là học đi học lại nhiều lần, tập văn là vừa học văn thơ và vừa thực hành làm văn thơ. (BT) Phát

là dấy lên, hưng khởi, trở nên, phát triển là trở nên siêu việt, giỏi dang, xuất sắc. (BT) Phú thân 富紳, một vị quan thân giàu có. Vì nề nghĩa là kiêng nể. (BT) Nghĩa là kẻ hậu sinh đáng sợ, lời cụ Khổng. Trình, Chu là hai vị đại nho đời Tống, tức Trình Di và Chu Hy. Thất niêm nghĩa là mất sự dính nhau. Phép làm thơ luật, nếu hai câu trên thế này: bằng bằng bằng trắc trắc, trắc trắc trắc bằng bằng, thì hai câu dưới phải là: trắc trắc bằng bằng trắc, bằng bằng trắc trắc bằng, như thế tức là đúng niêm. Nếu câu thứ ba ở đây lại mở đầu bằng hai tiếng bằng bằng thì đối với trên tức là thất niêm. Đố thứ nhì. Những thuyết nói hai anh em cùng đố một khoa, Quát đố giải nguyên, Đạt đố á nguyên, chỉ là ngoa truyền. Níp là rương tre, đồ đựng sách vở. (BT) Nếu là sách vở hay văn cũ thì còn phải tội và bị tước mất cả chân cử, tú đã có. Chuốc lấy, rước lấy. (BT) Thuộc tỉnh Hưng Yên ngày nay. (BT) Rừng đao núi kiếm, ý nói đao kiếm lắm lẽ chực giết. (BT) Cặng người ra để đánh đòn, dùng hết sức bình sinh để đánh. (BT) Kiểm duyệt xóa hơn 1 dòng. Ánh mắt nhìn chệch về một hướng, mi hơi khép lại, thường tỏ ý sợ hãi hay gian xảo. (BT) Nay thuộc Hà Nội. (BT) Có lòng phản nghịch, giành mất quyền của vua. (BT) Như khật khưỡng, từ gọi tả dáng đi không vững, lúc nghiêng bên này, lúc ngả bên kia. (BT) Nghỉ ngơi. (BT) Từ mô phỏng tiếng động mạnh và đột ngột. (BT) Cô đầu là danh từ thuộc loại từ cũ, để chỉ các ả đào. Thú chơi cô đầu thịnh hành nhất vào những năm thuộc Pháp và ở phía Bắc. Người đẹp khó được lần thứ hai. Chàng tài tử phong lưu có nhiều xuân tứ, nàng Tiêu đứt ruột ở trong một bức thư. Hai câu thơ này của Dương Cư Nguyên (tự Cảnh Sơn, người Hà Trung, đỗ tiến sĩ năm Trinh Nguyên thứ 5 (790) đời Đường) vịnh nàng Thôi Oanh Oanh. Nàng Tiêu trở Oanh Oanh, mà đó là tiếng trở chung về con gái. Các bản khác để là Trường đoạn Tiêu lang là nhầm. Việc đòi thăng trầm anh đừng hỏi, kìa hãy xem giữa chỗ khói sóng mù mịt, có chiếc thuyền đánh cá lênh đèn. Duy ngọn gió mát ở trên sông, với bóng trăng ở ngàn núi. Kìa anh chẳng thấy nước sông Hoàng hà từ chỗ cao như trên trời chảy xuống. Câu này ở đầu bài Tương tiễn tửu của Lý Bạch. Phương Bắc có một cô gái đẹp tuyệt vời. Câu này trong bài thơ của Lý Duyên Niên. Thái độ đùa cợt thái quá, thiếu đứng đắn, không lịch sự. (BT) Ô tướng quân là quan tướng quân Qua; Mao động chủ là bà Chúa động Lộng (nói nhả). Âm dương nung đúc. Rồi, chuyển. Bá Di đời Ân khi Vũ Vương dấy quân đánh Trụ, ông giằng cương ngựa can ngăn không được. Trụ mất nước, Vũ vương lập nhà Chu, Bá Di cùng em là Thúc Tề không ăn thóc nhà Chu, bỏ lên núi Thù Dương hái rau vi ăn thay cơm rồi chết ở đó. Lã Vọng tức Khương Tử Nha nhà nghèo, làm các nghề vặt kiếm sống nhưng nhiều lần thất bại. Vợ kèo nèo, ông nói: người ta dù khát cũng không uống nước song đục. Ông thường ngồi câu cá trên sông Vị Thủy, sau giúp Vũ vương khởi nghiệp lập ra nhà Chu, lúc ông đã ngoài tám mươi tuổi. (Từ cũ) nghĩa là mãi, mãi mê. Khóa lợi, giảm danh: Danh lợi trói buộc người ta như cái khóa và cái dây buộc mõm ngựa. Chăm lo, nuôi nấng chu đáo hoặc giúp đỡ một cách ân cần. (BT) Kiểm duyệt xóa hơn 2 dòng. Sự bốn cột bằng lời nói. (BT) Kẻ sĩ tham gia ứng thí gọi là thí sĩ. (BT) Nghĩa như phát lưu, dầy người có tội đi nơi xa. (BT) Theo sách Đại Nam liệt truyện của Quốc sử quán thì ông Quát cùng bạn đồng sự là Phan Nhạ dung khói đèn chữa những 24 quyển văn, rồi có năm quyển được đỗ. Việc vỡ ra, quan Giám sát trường thi là Hồ Trọng Tuấn đàn hặc, ông Quát bị kết vào tội tử. Vua Thiệu Trị gia ân giảm xuống giao giam hậu. Sau ông được ân xá và khởi dụng. Tân là vị cay, khổ là vị đắng. Tân khổ là cay đắng, nhọc nhằn, vất vả. (BT) Đào Trí Phú (? - 1854?), trước có tên là Đào Trí Kính, là quan triều Nguyễn, sinh tại làng Phước Kiến, thuộc Long Thành, dinh Trấn Biên (nay thuộc xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai). (BT) Phối là dầy tội nhân đi xa, sở là nơi, chỗ, trụ sở. Phối sở là chỉ nơi mà Cao Bá Quát bị đi đày, nơi quản giáo ông. (BT) Hiệu là cống hiến, phụng sự; lực là sức lực. Ý nói dốc sức trợ giúp. (BT) Quyền là chức quyền, quyền hành; yếu là trọng yếu, quan trọng. Ở đây ám chỉ những trọng thần của triều đình. (BT) Con trai thứ 10 của vua Minh Mạng, và là em vua Thiệu Trị. (BT) Tức là Tùng Thiện công. (BT) Con thứ 11 của vua Minh Mạng. (BT) Ông là con thứ mười hai của vua Minh Mạng, là anh em cùng cha khác mẹ với Miên Thẩm (Tùng Thiện Vương), Miên Trinh (Tuy Lý Vương) (BT) Nguyễn Phúc Miên Định là con trai thứ 3 của vua Minh Mạng. (BT) Nguyễn Phúc Miên Thủ - con trai thứ 9 của vua Minh Mạng. (BT) Nguyễn Phúc Miên Triện - con trai thứ 66 vua Minh Mạng. (BT) Từ biểu thị mức gần là như thế. (BT) Viết tắt của Tùng Thiện công và Tuy Lý công. (BT) Là từ cũ, chỉ chung người đi ở, phải đem thân ra hầu hạ, phục dịch kẻ khác. (BT) Lễ trọng bậc hiền, nhún nhường kẻ sĩ. Câu chuyện này nhiều người truyền lại, nhưng tác giả hơi ngờ. Theo sách

Đời tài hoa của Nguyễn Văn Đề thì việc này là của ông Thủ khoa Nguyễn Hàm Ninh. Cũng có người lại cho việc này là của người Tàu. Xin cứ tạm để vào đây để đợi xét. Vời tức mời. (BT) Tức Hồng lĩnh ở Nghệ An. (BT) Kiểm duyệt xóa hai dòng. 莫我知也夫, nghĩa là đời chẳng có kẻ nào biết ta. Khuất Nguyên phần uất rồi tự trầm ở sông Mịch La. Kiểm duyệt xóa hai dòng. Lương vàng: Thừa xưa quan lại thường lĩnh lương bằng thóc. Nguyễn Bá Nghi (1807-1870), hiệu là Sư Phần, là một đại thần nhà Nguyễn trong lịch sử Việt Nam, người làng Thờn Phố (sáu đổi là Lạc Phố), huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Năm ông làm Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên là vào năm 1862. (BT) Chỉ vẽ điều linh, thê lương, ảm đạm. (BT) Tôi đã được thấy Tản Đà nôn tháo sau một bữa rượu quá say ở nhà người bạn tôi. Tức thám hoa, bảng nhãn. (BT) Tế tướng, phụ chánh. (BT) Kiểm duyệt xóa hơn ba dòng. Súc là cất, chứa lại; nhuệ: bén sắc. Dưỡng uy súc nhuệ là nuôi dưỡng uy phong, giữ gìn sự bén nhọn. (BT) Kiểm duyệt xóa bỏ mấy dòng. Cao Chu Thần quả có chí nguyện đế vương, cứ xem đôi câu đối ông làm sau khi bị bắt vào ngục như sau: Một chiếc cùm lim chân có đế, Ba vòng xích sắt bước thì vương. Nhà văn hào của chúng ta nếu không có cái mộng đế vương, thì sao lại gò chữ như vậy. Bấy giờ ông Hoan làm Hộ lý Ninh Thái Tổng đốc, tức là quyền sung Tổng đốc Bắc Ninh và Thái Nguyên. Có sách nói là Lê Duy Uẩn và Lê Duy Đồng, nhưng đây theo sách Đại Nam thực lục chính biên đề là Lê Duy Cự 黎維柮. Sách Đại Nam thực lục cả Tiền biên và Chính biên gồm những mấy trăm quyển, tư gia ít nhà có. Tôi đọc được ở viện Bác cổ Viễn Đông. Bình Dương là kinh đô của vua Đường Nghiêu, nay là huyện lý Lâm Phần tỉnh Sơn Tây nước Tàu. Bồ Bản là kinh đô của vua Ngu Thuấn, nay ở huyện Vĩnh Tế tỉnh Sơn Tây. Minh Điều và Mục Dã là hai nơi Thang, Võ đánh đuổi Kiệt, Trụ. Minh Điều ở Sơn Tây; Mục Dã ở Hà Nam. Mỗi tiền quý là 60 đồng kẽm; mỗi tiền gián là 36 đồng. Vĩnh Tường và Tam Dương khi ấy thuộc Sơn Tây, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. (BT) Sách Đại Nam Thực lục chính biên nói ông Cao Bá Quát chết ở trận này, người bắn chết ông là viên xuất đội Đinh Thế Quang. Song xem những ký tái (ghi chép) của các tư gia và hợp với lời truyền thuyết của các cố lão thì ông bị bắt sống rồi bị trảm khiêu chứ không phải là chết trận. Vì thấy cái thuyết bắt sống có nhiều chứng cứ hơn, nên ở đây tác giả đi theo thuyết ấy. Tài diệu khó định được anh, em, trên, dưới. Kiểm duyệt xóa hơn 2 dòng. Từ biệt. (BT) Ấu là con le. Từ tích này do ông Dương Tự Quán, chủ hiệu sách Đông Tây Hà Nội là người xuất bản quyển Đời tài hoa cho mượn. Đời tài hoa là chuyện ông Nguyễn Hàm Ninh. Ký vãng bất cữu, lời cụ Khổng Tử, nói việc đã qua rồi không bắt lỗi đến nữa. Đăng là chép lại. Linh Đài là tiếng để trở về tấm lòng người ta. Sông Thiên Đức, tức sông Đuống. Lã Mông Chính đời Tống, nhà nghèo nhưng chăm học, đêm nào cũng chong đèn đọc sách, sau đỗ đến Trạng nguyên, quan đến Tế tướng. Đồng Trọng Thư đời Hán rất siêng học, có khi vẩy màn đọc sách, ba năm không trông ra đến vườn. Lưu Hưởng đời Hán, đêm nào cũng đốt đèn Thái ất, cặm cùi làm sách. Từ Mã Tương Như tên tự là Trường Khanh, người đời Hán, có tài văn chương. Thừa còn hàn vi vào đất Thục, qua cầu Thằng Tiên, có đề vào cầu mấy chữ rằng: “Nếu không làm nên có xe ngựa, sẽ không lại qua cầu này nữa”. Tiếng dùng gọi người cha đã mất. Thú, lệnh là Tri phủ, Tri huyện. Trương Kham đời Hán làm Thái thú quận Ngự Dương, có chính tích tốt. Gặp năm được mùa lúa tốt, dân đều ca tụng là do chính tích của Trương mà nên. Phan Nhạc đời Tấn làm quan Lệnh huyện Hà Dương, trong huyện trồng toàn đào. Phan có chính tích tốt, dân đều ca tụng và gọi chỗ huyện lý là Thành Đào. Triệu Biện đời Tống làm quan ưa sự giản dị, đi đến huyện nào cũng chỉ đem theo cái đàn và con hạc. Mao Nghĩa đời Hán ở nhà nuôi mẹ, có chiếu vua bổ dùng làm quan lệnh huyện Lư Dương. Thư phượng hoàng trở vào tờ chiếu nhà vua (phượng chiếu). Thừa xưa người Tàu thường dùng con phượng gỗ để ngậm tờ chiếu. Lý Bạch là một tay thi bá đời Đường, có làm bài tự về một bữa yến hội, trong có câu “hội đào lý chi phượng viện, tự thiên luân chi lạc sự”, nghĩa là họp nhau ở vườn đào mạn, tỏ bày sự vui trong tình anh em. Tử Văn là quan tướng nước Sở, đời Xuân Thu bị tội cả nhà mắc oan. Lưỡi dao ngăn, nói sự tự tử của ông Cao Bá Đạt. Tục ngữ: Cáo chết ba năm quay đầu về núi. Phó: phó mặc, nganh (cành cây), tích (dấu vết). Chiến Quốc sách: Cành cây đổ tượng, tượng bị dòng sông cuốn đi, ý nói người lên đênh lưu lạc. (BT) Dương Hồ là một viên quan tốt đời Tấn. Sau khi mất, nhân dân ở Tương Dương dựng bia lập miếu để ghi ân đức ở trên núi Nghiễn là nơi bình sinh ông vẫn hay đến chơi. Ai đi qua núi Nghiễn trông thấy tấm bia, cũng thương nhớ ứa nước mắt, nhân thế tấm bia ấy thành tên là “bia trụ lệ”. Áo lụa trắng Khăn lượt đen. Tang tử là cây dâu cây thị, nói chỗ quê hương của cha mẹ. Do chữ Kinh

Thi: Duy tang dữ tử, tất cung kính chỉ (cây dâu cây thi của cha mẹ trồng để lại, cũng phải cung kính). Ông Dịch Lương Công đi xa nhớ nhà, ngoảnh về thấy đám mây trắng trên núi Thái Hàng, ngâm ngùi than rằng: “Nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây kia!”. Cầu Bá Kiêu ở phía đông thành Trảng An bên Tàu có cây liễu, người đi tiễn biệt thường đến đây bẻ cành liễu để tặng biệt, vì thế cũng gọi là cầu Chiết Liễu, nghĩa là bẻ liễu. Âu Dương Tu tên tự là Vĩnh Thúc, một nhà văn hào đời Tống, tráp Vĩnh Thúc là nói cái tráp đựng sách của ông ấy. Đỗ Phủ tên tự là Thiếu Lăng, một thi hào đời Đường, tập Thiếu Lăng là nói tập thơ của Đỗ Phủ. Phong là đồi dào, sắc là nghèo ngặt, ý nói tạo hóa cho cái nọ đồi dào, lại bắt cái kia nghèo ngặt. Truyện Kiều: Lạ gì bỉ sắc tư phong. Tư Mã Tương Như làm bài phú Lăng Vân, nổi tiếng là thánh phú. Đào Am xưa có cái vườn trồng các thứ hoa. Thanh dạ là đêm thanh. Lưu niên là năm trôi, nói năm tháng trôi đi như nước. Cây phần cây du, những thứ cây thường trồng ở thôn quê, nên người ta cũng gọi nơi quê hương là phần du. Vương Sán là người nước Ngụy đời Tam Quốc, một nhà văn sĩ có danh, có làm bài phú Đăng lâu, tả mối tình khi đứng trên lầu cao trông về quê cũ. Hướng Tú là một nhà văn đời Tấn, có bài thơ nhớ quê. Chữ gấm, chiếu vàng, đều là nói về sắc mệnh của nhà vua. Ý nói mong mỗi được tha. La võng là lưới bẫy. Kiêu Tử là tên hai thứ cây, kiêu là thứ cây to, tử là thứ cây nhỏ, nghĩa bóng để ví với cha con. Cơ là cái thúng, cừ là áo cừ. Hai chữ này dùng để nói con cháu biết nối được nghiệp của cha ông, ví như con nhà thợ làm cung, biết bắt chước cách làm cung mà uốn tre đan thành cái thúng, con nhà thợ hàn, biết bắt chước chấp vá các miếng da để làm thành áo cừ. Đan là cái giỏ, biêu là cái bầu. Xưa ông Nhan Hồi, học trò đức thánh Khổng ở trong một ngõ hẻm, chỉ có một giỏ cơm, một bầu nước, lấy đó để sống mà vui với đạo học. Nhặng vò ve là nói những tiếng lao xao của quân lính đến bắt. Truyện Kiều tả lúc Vương Ông bị bắt cũng có câu: Đây nhà vang tiếng ruồi xanh. Cầu này ở về vùng Mỹ Đức. Tức núi chùa Hương. Ông Nhạ bị nhốt trong cũi, do 8 người khiêng. Cửu mạch là chín lối. Lục nhai là sáu đường, ở đây ám chỉ các đường lối ở những nơi dinh thự phố phường. Bảo kính là gương báu. Con tê, sùng nó có một vết sáng thông lên trời. Đuốc linh tê là nói đuốc sáng, ví với lòng công minh của người trên. Tĩnh Đông, tức Hải Dương. Tĩnh Bắc Ninh. Bến Ai Mộ ở tỉnh Bắc Ninh. Huyện Gia Lâm ở Bắc Ninh. Hiến chỉ là ý chỉ của quan đại thần. Lệnh tiền là cái tên lệnh. Theo phép nhà Thanh, quan đại thần sai người đi truyền lệnh, có trao cho một lá cờ và một mũi tên mang đi để làm tin; trong lá cờ và trong mũi tên, đều có viết ba chữ “Thanh Hán lệnh”. Đồng khí: Cùng chung khí mạch, ý nói cùng một tông phái. Bình di: giữ đạo luân thường. Phi tai: Tai bay, tai bay vạ gió. Tiên nhân tích lũy: Sự tu nhân tích đức của người trước. Phát phu: Tóc da. Mộng hùng là chiêm bao thấy con gấu. Kinh Thi có một bài thơ nói chiêm bao thấy con gấu thì sinh con trai, chiêm bao thấy con rắn thì sinh con gái. Xin chó ngâm chương mộng hùng, ý nói đừng sinh con giai mà nên tai vạ. Sái lạc: tưới rảy. Tiên phần: mồ mả người trước. Khoan thái: Khoan tha cho. Gia đình tự tục: Việc nối dõi của gia đình. Đan thầm: Tắm lòng son. Thơ Nam cai nói người con hiếu lần theo cái thềm phía nam hái hoa lan mà lòng quyến luyến cha mẹ. Vì thế người ta thường dùng tiếng Nam cai để nói về nơi con hầu hạ cha mẹ. Ngọc khuê ngọc chương. Ngựa trắng tức là bạch câu, nói ví mặt trời đi nhanh như ngựa. Chó xanh tức là đám mây xanh như hình con chó. Thơ ông Đỗ Phủ: Thiên thượng phù vân như bạch y, tư tu biến huyền vi thương cầu = Đám mây nổi trên gò như tấm áo trắng, thoát chốc biến thành con chó xanh. Nói ví việc biến đổi không thường. Tức Hương sơn, núi chùa Hương. Bến Hán là bến sông Ngân Hán; hai sao là sao Ngâu sao Nữ, tức vợ chồng Ngâu. Thất tịch: Đêm mùng 7 tháng 7. Mao ốc: cái nhà lợp gianh. Lương Hồng đời Hán là một nhà ẩn sĩ, có vợ là nàng Mạnh Quang, đối với chồng rất là cung kính, mỗi khi bưng cơm cho chồng, thường nâng mâm lên ngang lông mày. Thuần là rau rút, lư là cá mè. Trương Hàn làm quan ở Kinh đô, thấy gió thu thổi, nhớ đến cá mè rau rút là những món ăn ở quê hương Giang Nam, bèn cáo quan về. Bút giá: Cái giá gác bút. Thi bình: Bức bình đề thơ. Ông Đào Uyên Minh từng làm quan huyện Bành Trạch, nên cũng gọi là Đào Bành Trạch. Ông cáo quan về, thường có thần hoa cúc hiện lên thành người mặc áo trắng đến đưa rượu tặng. Phạm Lãi thôi làm tướng nước Việt, về đi tiêu dao năm hồ, vui thú phong nguyệt, đổi tên là Đào Chu. Dữu Tín ở ẩn trên một trái núi, trồng rất nhiều mai, sau người ta gọi núi ấy là Dữu Lĩnh, nghĩa là núi Dữu. Hòn Cô Sơn ở Tây Hồ, thuộc tỉnh Chiết Giang nước Tàu. Lâm Bô đời Tống ở ẩn tại đây. Tường vi tức là hoa tầm xuân. Thơ Đường: Bất hướng Đông sơn cửu, tường vi kỷ độ hoa? Nghĩa là: Đã lâu không tới non Đông, tầm xuân

không biết đã nở hoa mấy lần? Tiễn xuân la: Tên một loài cây có hoa đẹp. Giống cây này, sách Quần phương phổ gọi là tiễn hồng la. Thân cao hơn thước, dọc mềm lá xanh. Hoa nở về mùa hạ, có sáu cánh, tròn xoe như cắt. Còn một thứ nữa gọi là tiễn thu la. Vĩng Xuyên là nơi thôn cư thanh vắng mà nhà thi sĩ kiêm họa sĩ đời Đường là Vương Duy ở. Vương vẽ toàn cảnh chỗ ấy, tức là bức đồ Vĩng Xuyên. Tất xuất: Con đẽ. Hạ cửu: Chín mươi ngày mùa hạ. Sương tảo sương cam là cây táo, cây cam đơm sương. Thanh hạ nghĩa là lúc thanh thả, nhàn rồi. Thông là hanh thông, tắc là ách tắc. Cầm độc là chim muông; quan thường là mũ xiêm. Ý câu này nói lẽ đầu ăn ở như loài chim muông để làm cho ô danh cả đám sĩ phu. Thiên la: Lưới giời. Tùy ngô nhi an: Tùy theo cảnh ngộ mà an phận. Hóa cơ vãng phục: Cơ giời vận đi chuyển lại. Ý nói thái rồi đến bỉ, bỉ rồi lại thái. Tác thiện: Làm điều lành. Lục trầm: Chết chìm trên cạn. Người làm lành mà phải chết chìm trên cạn, ý nói làm lành mà chẳng gặp lành. Thận độc: Giữ nét thận trọng dù trong lúc vắng vẻ một mình. Mạc ai: Đừng buồn nào. Khúc hát mạc ai nói đừng nên buồn nào làm gì. Quang âm: Bóng sáng, tức trở vào thì giờ. Do tôn trọng nguyên bản nên có một số thông tin, nội dung, chữ Hán chưa thực sự chính xác. Chúng tôi giữ nguyên bản gốc. (BT) Câu này thấy xuất hiện trong bài Đăng Vương các tự của Vương Bột. Nguyên văn là 關山難越，誰悲失路之人？萍水相逢，盡是他鄉之客。(Quan san nan việt, thủy bi thất lộ chi nhân? Bình thủy tương phùng, tận thị tha hương chi khách.) Trần Trọng San dịch là: Quan san khó vượt, nào ai xót thương người lạc lối? Bèo nước gặp nhau, hết thầy đều là khách tha hương. (BT) Câu này xuất phát từ Kinh Thi, nghĩa là nhà Chu tuy là nước cũ, mà mệnh trời thời mới. (BT) Nghĩa là: Núi nếu có thần thì hồ chúc tuổi vua Hán (Hán Vũ đế); Biển như sinh thánh nhân thì làm im lặng sóng gió nhà Chu. (BT) Là Tùng Thiên Công mới đứng. (BT) Có lẽ tác giả bị nhầm, bởi Cao Bá Quát là một người kiêu căng, mà ở đây lại không nhận bồ chữ nào thì khá phi lý. Nguyên văn câu đúng phải là “Cả thiên hạ có bốn bồ chữ, một mình tôi chiếm hai bồ, anh tôi Bá Đạt và bạn tôi Nguyễn Văn Siêu giữ một bồ, còn một bồ thì phân phát cho các kẻ học.” Với tôn chỉ tôn trọng sách gốc, nên chúng tôi không sửa mà chỉ mạn phép chú thích ở đây, mong độc giả lượng xét. (BT) Nguyên văn trong Nam Phong tạp chí chép là “Đào Trí Phú sang Tây Ban Nha”, có lẽ do nhầm lẫn. Bởi theo thông tin chúng tôi được biết thông qua phần nội dung trong sách Cao Bá Quát của Trúc Khê thì Đào Trí Phú chỉ sang Tân-gia-ba (tức Singapore ngày này) công cán mà thôi. (BT) Tạm dịch: Có rượu làm người ta say, nên ta không biết khách là ai. (BT) Xem bài “Le Protectorat général de L’Annam sous les Tang” (An Nam đô hộ phủ ở đời Đường) của H, Maspéro, BEFEO, XVIII. Bản in của sách Việt sử cương giám khảo lược hiện có ở thư viện Viện Sử học lại không có bức thư ấy. Chúng tôi đã được đọc bức thư ấy trong một bản ở thư viện Huế, trước Cách mạng Tháng Tám. Địa lý bác học lịch sử tỉnh Quảng Bình theo Quốc triều thực lục; Những địa điểm lịch sử của tỉnh Quảng Bình. An Nam đô hộ phủ ở đời Đường; Địa lý học chính trị ở các triều Lý, Trần, Hồ; Vấn đề Tượng quận; Nước Văn Lang; Cuộc viễn chinh của Mã Viện; Biên giới giữa Việt Nam và Campuchia từ thế kỷ VIII đến thế kỷ XIV. Cuộc chinh phục đầu tiên của người Trung Quốc vào đất Việt Nam. Xứ Bắc Kỳ xưa. Tượng quận vị trí khảo, trong Nam Phong số 137, tháng 9 - 1928. An Nam mậu dịch cảng Vân Đồn. Đại Việt sử ký toàn thư, NXB Khoa học xã hội, HN. Khâm định Việt sử thông giám cương mục, NXB Văn Sử Địa, HN. Kiến văn tiểu lục, NXB Sử học, HN, 1962. Đại Nam nhất thống chí dẫn sách ấy thì chép tên tác giả là Hoàng Trọng Chính. Lịch triều hiến chương loại chí, bản dịch của Viện Sử học, NXB Sử học năm 1960 - 1961. Về các vấn đề “Đất Giao Chỉ”, “Kinh Dương Vương”, “nước Việt Thường”, “Vị trí Tượng quận”, xem Lịch sử cổ đại Việt Nam, “Nguồn gốc dân tộc Việt Nam” tr 22..., 28..., 37... “Vấn đề An Dương Vương và nước Âu Lạc”, tr. 80. Lĩnh nam trích quái, sách số A 1920 của Thư viện KH trung ương. Việt sử lược, sách dịch, Nhà xuất bản Văn Sử Địa, 1960. Dư địa chí, sách dịch, Nhà xuất bản Sử học, 1960. 2. Nam Tề thư, q. 14; Tống thư, q. 38. 1. Cựu Đường thư, q. 41. “Phong Châu hạ”. Độc sử phương dư kỷ yếu (Quảng Tây). Thông điển, q. 184. Thái Bình hoàn vũ ký, q. 170. Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 11, 1960. Sử ký, Bạch Khởi Vương Tiễn truyện (q. 73). Lô sử, gồm 47 quyển, tác phẩm của La Tất đời Tống, chép từ đời Tam Hoàng Ngũ Đế, hay dẫn sách sấm vĩ và sách đạo gia, nhưng dẫn cứ rất rộng. Hậu Hán thư, q. 24, q. 76. Tập san Nghiên cứu lịch sử, số 22, 1961. Đào Duy Anh Lịch sử cổ đại Việt nam, “Văn hóa đồ đồng và trống đồng Lạc Việt”, Hà Nội, 1975. Thủy kinh chú q. 36. Hoa Dương quốc chí, q. 3. Sách này xuất bản ở Côn Minh năm 1944. Nam Bình châu là một châu của nhà Đường. Địa danh đại từ điển

của Trung Quốc cho rằng, châu Nam Bình hiện nay ở trong lãnh thổ của nước ta. Truyền thuyết trên đây đã được ông Lê Sơn ở làng Phấn huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng viết thành một bài trường ca tiếng Tày do ông Lã Văn Lô dịch ra tiếng Việt và đăng ở tạp chí Nghiên cứu lịch sử số 59 (tháng 5) và số 51 (tháng 6) năm 1963. Thiện hạ quận quốc lợi bệnh thư, số 248 của Thư viện Khoa học trung ương. Việt gian lưu vực nhân dân sử, Trung Hoa thư cục, Thượng Hải 1947. Sự phát hiện truyền thuyết của người Tày đã khiến chúng tôi thay đổi ít nhiều ý kiến trong cái ức thuyết về sự thành lập của nước Âu Lạc mà chúng tôi đã trình bày trong sách Lịch sử cổ đại Việt Nam. An Nam chí nguyên, bản in của Viện Viễn Đông bác cổ, do Gát-pa-đơn trình bày, 1932. Xin kể một số làng ở Bắc bộ có tên đặt chữ Kê ở trên: Kê Vẽ (Ngạc Vĩ), Kê Noi (Nôi Duê), Kê Đơ (Cầm Đa), Kê Trời (Lôi Xả), Kê Mọc (Nhân Mục) ở tỉnh Hà Đông, Kê Thốn (Thuấn Nội), Kê Thầy (Lật Sài), Kê So (Sơn Lộ), Kê Bún (Phúng Thượng), Kê Mì (Cam Giá) ở tỉnh Sơn Tây, Kê Xuôi (Thụy Lôi) ở tỉnh Hưng Yên, Kê Sắt (Tráng Liệt) ở tỉnh Hải Dương. R. Despierres. Cổ Loa, Société de géographie, Hà Nội, 1940. Sách Đại Nam nhất thống chí cho chúng ta biết rằng huyện Yên Lãng là đất Phong Khê đời Hán, đến đời Nam Tề trở thành huyện Bình Đạo, đến đời Đinh, đời Lý thì đặt huyện Yên Lãng. Dư địa chí của Cố Dã vương do L. Aurousseau dẫn trong bài "La première conquête", BEFEO, XXIII. Bách Việt tiên hiền chí là tác phẩm của Âu Đại Nhậm ở đời Minh Gia Tĩnh. Bài đề yếu là ở trong bộ Tứ khố toàn thư tổng mục, q. 58. Hoài nam tử, thiên "Nhân gian huấn". Một số các dân tộc thiểu số ở miền Vân Nam có quan hệ với người Choang, tức là với người Việt tộc, cho nên người Lão qua và người Xa Lý ở Vân nam còn giữ trong truyền thuyết của họ sự tích nước Việt Thường xưa hiện chim trĩ trắng cho nhà Chu, đó không phải là chuyện ngẫu nhiên. Thủy kinh chú tây nam chư thủy khảo, số 2.880 của Thư viện Khoa học trung ương. Trong sách Lịch sử cổ đại Việt Nam (tập IV: "Giai đoạn quá độ sang chế độ phong kiến"), xuất bản năm 1957, chúng tôi đã có sự nhận định về sông Uất sai lầm như thế, cho nên sự nhận định vị trí các huyện Khúc Dương, Câu Lậu và An Định của chúng tôi bấy giờ cũng là sai lầm. BEFEO, XXXVII. Giao châu ký do Hậu Hán thư (q. 113) dẫn, chép rằng huyện Phong Khê có đê, nước Long Môn sâu trăm tầm. Long môn tức là Thác Bờ, tức Vạn Pha. Như thế thì huyện Phong Khê đời Hán gồm cả miền Chợ Bờ. Chúng tôi đoán rằng cả miền bắc huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (gồm cả Hà Nội), huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây và huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình cũng thuộc huyện Phong Khê xưa. H. Maspéro, trong bài "Cuộc viễn chinh của Mã Viện" (BEFEO, XVIII) cũng cho rằng Lãng Bạc là miền đời huyện Tiên Du, tức huyện Từ Sơn ngày nay. Khâm định việt sử thông giám cương mục, Tiền biên, q. 2. Quảng dư ký, số 245 của Thư viện Khoa học trung ương. BEFEO, XVIII - Về vấn đề "Cột đồng Mã Viện", xem Lịch sử cổ đại Việt Nam, "Giai đoạn quá độ sang chế độ phong kiến", tr.68 - 73. Sách chép Phố Dương. Nhưng Phố Dương là tên một huyện của quận Cửu Đức đời nhà Tấn. Quận Cửu Đức ở miền nam Nghệ Tĩnh. E. Gaspardonne (BEFEO, XXIX, tr. 101) ngờ Phố Dương là ở sông Phố giang, tức sông Ngàn Phố, một nhánh của sông La giang ở Hà Tĩnh. Không có đường nào đi thẳng từ Thần Phù đến Phố Dương được. Chúng tôi chắc rằng đây là Tư Phố bị ghép lộn thành Phố Dương. Vào Cửu Chân mà nói đến Tư Phố là quận trị thì phải lắm. Nam việt chí, dẫn trong sách Sơ học ký. Trong sách Lịch sử cổ đại Việt Nam (1957), chúng tôi đã đoán Mã Viện đi theo đường sông Lèn. Hiện nay, chúng tôi cho điều nhận định ấy là sai. O. Janse, Archaeological Research in Indochina I, "The district of Chiu-chen during the Han dynasty", số 40 2.002 của Thư viện Khoa học trung ương. Xem An Nam chí [nguyên] mục "Sơn xuyên", Đại Nam nhất thống chí mục "Thanh Hóa", Thanh Hóa tỉnh địa chí mục "Khê Sơn". Thư gửi cho Tô Trân và Phạm Hữu Nghi ở Quốc sử quán để bàn về sách Dư địa chí, thư ấy phụ chép ở sách Việt sử cương giám khảo lược của Nguyễn Thông, bản sách này chúng tôi đã được thấy ở thư viện Huế trước cuộc Toàn quốc kháng chiến. P'oung Pao, XL. Tr. 459. Bài phê bình sách Le Royaume de Champa của G. Maspéro BEFEO, XIV, 9. "Deux itinéraires de Chine en Inde", BEFEO, IV. Bài đã dẫn. BEFEO, XIV, 9. Trong tập san Han Hioe, fase, 1-3, 1947, "Centre sinologique de Pékin". Đào Duy Anh, Lịch sử cổ đại Việt nam, tập IV. Lịch sử cổ đại Việt Nam, tập IV; "Giai đoạn quá độ sang chế độ phong kiến", Hà Nội, 1975, tr 74-88. Về vị trí của thành Khu Túc, xem Lịch sử cổ đại Việt Nam (đã dẫn), "Giai đoạn quá độ sang chế độ phong kiến", tr. 92-11. Về mấy chữ "Độ Tỷ Ảnh Miếu Do Môn phố", chúng tôi cũng hiểu khác ở Stein, Ông hiểu là Phạm Văn qua miếu Tỷ Ảnh (Tỷ Ảnh miếu) rồi do cửa sông (môn phố) mà đến vụng Cổ Chiến. Nhưng không

có miếu Tả Ảnh nào cả, mà chỉ là cái cửa sông gọi là Miếu Do Môn ở huyện Tả Ảnh, chúng tôi cho rằng cửa sông ấy tức là cửa Nhật Lệ thuộc địa phận huyện Tả Ảnh bấy giờ. Còn vùng Cổ Chiến đây là Vùng Chùa chứ không có thể là Vùng Ngọc ở Thanh Hóa, mặc dầu về sau có huyện Cổ Chiến ở Thanh Hóa. Xem Đào Duy Anh, Lịch sử cổ đại Việt Nam, tập II, “vấn đề An Dương vương và nước Âu Lạc”, 1957. Tác giả sách Sử học bị khảo cũng cho rằng tại xã Lũng Khê còn có thành Liên Lô cũ. Ở vùng ấy, như xã Tam Á, hiện nay còn có nhiều di tích của Sĩ Nhiếp. Sách An Nam chí [nguyên] chép rằng Sĩ Nhiếp nhà Ngô đóng trị sở ở thành Liên Lô, thành do Sĩ Nhiếp xây. Những di tích của Sĩ Nhiếp còn lại ở miền ấy là chứng cứ cụ thể tỏ rằng những di tích xưa ở miền Lũng Khê, Tam Á quả là thuộc thành Liên Lô là quận trị của Giao Chỉ ở đời Ngô và đời Hán. Tấn thư (q. 15) chép rằng năm Vĩnh Hòa thứ 9 (sửa là thứ 1) đời Thuận đế, thái thú Giao Chỉ là Chu Xưởng xin lập làm châu, triều nghi không cho, tức cho Chu Xưởng làm thứ sử. Như thế thì Chu Xưởng làm thái thú Giao Chỉ trước năm 136 kia. Có lẽ Phương dư kỷ yếu chép lầm. Đời Kiến An thì thứ sử Giao Chỉ là Trương Tân và thái thú Giao Chỉ là Sĩ Nhiếp (năm thứ 8) xin đổi Giao Chỉ bộ làm Giao Châu. Sách Archaeological Research in Indochina I, đã dẫn. Thủy kinh chú, q. 36. Ô Châu cận lục, số A. 263 của Thư viện Khoa học trung ương. Tam quốc chí, Ngô thư, Sĩ Nhiếp truyện, Bộ Chất truyện, Lữ Đại truyện, Tôn Hưu truyện, Tôn Hạo truyện: Ngụy thư, Tam thiếu đế kỷ - Tấn thư, Đào Hoàng truyện. Tấn thư, Đào Hoàng truyện. Tấn thư, Địa lý chí chép lại rằng năm Hoàng Vũ thứ 5, nhà Ngô lấy ba quận Nam Hải, Thương Ngô, Quế Lâm làm Quảng Châu và bốn quận Giao Chỉ, Nhật Nam, Cửu Chân, Hợp Phố làm Giao Châu; đến năm Vĩnh An thứ 7 chia lại Quảng Châu và Giao Châu cũng hể. Đặt theo Ngô thư. Lâm Ấp ký chép rằng: “Cửa sông Chu Ngô phía trong thông với hồ Vô Lao. Suối Vô Lao thông với cửa sông Thọ Linh”. Cửa sông Chu Ngô là cửa Việt. Hồ Vô Lao là ở đâu? Bờ biển miền Quảng Bình và Quảng Trị xưa có những phá lớn cũng như bờ biển miền Thừa Thiên ngày nay. Hồ Vô Lao có thể là một trong những phá ấy. Huyện Vô Lao nhà Tấn, tách đất huyện Tả Ảnh thì đặt hồ Vô Lao có thể ở vào miền nam Quảng Bình. Ở đây hiện nay còn có phá Thạch Bàn, tức Hạc Hải, thuộc huyện Lệ Thủy. Xem thêm bài “...Vấn đề nhà Tiền Lý” trong tạp chí Nghiên cứu lịch sử số 5 – 1963. Tấn thư cũng chép thế. Phong Châu trước là quận Tân Xương, sau đổi làm Hưng Châu, đời Khai Hoàng đổi làm Phong Châu đến năm Đại Nghiệp thứ 3 bỏ Phong Châu gồm vào Giao Châu gọi là quận Giao Chỉ. Bia này là do chính Lê Cốc tức Lê Ngọc dựng ở Bửu an đạo trưởng mà ông đã lập ở chỗ mình tự chọn làm sinh phần, tại địa phận làng Trường Xuân xã Đồng Minh huyện Đồng Sơn ngày nay. Cuốn bia còn rõ hàng chữ lạc khoản đề “Đại Nghiệp thập tứ niên”. Bia ấy chúng tôi phát hiện được ở đền thờ Lê Ngọc tại làng Trường Xuân, đã được Vụ Bảo tồn bảo tàng đem về bày ở Viện Bảo tàng lịch sử. Đó là cái bia xưa nhất của nước ta. Đời Đại Nghiệp chỉ đến năm 13 là hết. Nhưng khi dựng bia này Lê Ngọc chưa biết Dạng Đế đã bị giết và nhà Tùy đã đổ nên vẫn còn theo hiệu Đại Nghiệp. Bài văn bia sao chép ở cuối đời Lê và những thần tích này chúng tôi đã biểu Thư viện khoa học trung ương. Pelliot, “Deux itinéraires de Chine en Inde”, BEFEO, IV. Pelliot, “Deux itinéraires de Chine en Inde”, BEFEO, IV. Man thư, tác giả là thuộc viên của Thái Tập là kinh lược sử ở An Nam đô hộ phủ tự tử trong cuộc xâm lược của người Nam Chiếu. Sách Thiền Uyển tập anh chép chuyện Từ Đạo Hạnh thử phép ném một cây gậy xuống sông Tô lịch ở cầu Yên Quyết (tức Cống Cốt) thì thấy cây gậy trôi ngược dòng về phía cầu Tây dương (tức cầu Giấy), điều ấy chứng tỏ rằng nước sông Tô Lịch chảy từ sông Hồng vào, cho nên khi cái gậy trôi từ cống Cốt về cầu Giấy mới gọi là trôi ngược. Phủ thành đô hộ châu về phía Bắc, nhìn về kinh đô nhà Đường, chứ không phải như thành Thăng Long là kinh đô độc lập ngoảnh mặt về Nam. H. Maspéro, “La frontier de l’Annam et du Cambodge”, BEFEO, XVIII. Sách Lịch triều hiến chương loại chí (Địa lý chí) của Phan Huy Chú cho Chi châu ở miền Hưng Hóa, Thanh Châu là miền Tuyên Quang, Võ Nga là miền Thái Nguyên. Võ An châu là miền Yên Bái tức Quảng Yên, không rõ ông căn cứ vào đâu. Sách Cương mục thì cho rằng châu Phúc Lộc là ở đất Thanh Hóa. H. Maspéro, trong bài “Le Protectorat général de l’Annam sous les Tang”, BEFEO, X, cũng nghiên cứu về địa lý lịch sử của An Nam đô hộ phủ ở đời Đường và cũng chỉ định vị trí của các châu huyện. Chúng tôi đã nghiên cứu vấn đề ấy lại, tựu trung có những chỗ chúng tôi đã kết luận tương tự với H. Maspéro, nhưng cũng có chỗ ý kiến của chúng tôi khác. Để tránh rườm rà, chúng tôi chỉ trình bày ý kiến của chúng tôi, mà không nhắc lại ý kiến của H. Maspéro ở từng điểm. Duy về vấn đề vị trí của phủ thành Đô hộ có sự đối chiếu những ý

kiến khác nhau mà trong ấy có chỗ chúng tôi tán thành ý kiến của H. Maspéro thì chúng tôi đã đặc biệt nêu lên. Sách Cương mục chép là Trương Xá. La thành hay Đại La thành vốn chỉ là cái thành xây ở xung quanh. Cao Biền xây thành ở xung quanh phủ thành đô hộ: về sau người ta thường cho Đại La thành là tên của thành ấy, đó là một sự sai lầm, nhưng lâu ngày dùng đã quen, chính bài chiếu dời đô của Lý Công Uẩn cũng xem Đại La thành là tên của thành ấy. H. Maspéro, "La géographie politique de l'Annam sous le Lý, les Trần et les Hồ", BEFEO, XVI. Hiện nay tỉnh Thái Nguyên còn có huyện Phú Lương ở phía nam tỉnh Bắc Cạn, nằm trên hữu ngạn sông Cầu. Sử nhà Tống chép rằng Quách Quỳ đem quân đến sông Phú Lương. "Chỉ cách Giao Chỉ có một con sông", mà theo sử nước ta thì Quách Quỳ đem quân đến sông Như Nguyệt. Sông Như Nguyệt là sông Cầu, khúc chảy qua làng Như Nguyệt. Sử nhà Tống gọi sông Phú Lương là chỉ sông Cầu, sông ấy chảy qua phủ Phú Lương của đời Lý, phủ ấy đại khái là cả miền trấn Thái Nguyên của đời Lê. Nhưng về sau tên sông Phú Lương lại được dùng để chỉ khúc sông Hồng ở gần Hà Nội. Nguyên sử, An Nam truyện chép rằng khi Sài Thung tới Thăng Long năm 1278 thì quan Thái úy (chỉ Trần Nhân Tông) dẫn bách quan từ bờ sông Phú Lương (ở đây chép chữ lương là ruộng chứ không phải lương là lành) ra mời Sài Thung vào quân, và chép rằng năm 1285 Ô Mã Nhi thua trận trên sông Phú Lương. Ở đây thì sông Phú Lương lại chỉ sông Hồng mà sử nước ta trước còn gọi là Lô Giang, nhưng về sau cũng theo sách Trung Quốc mà gọi là Phú Lương giang. H. Maspéro (BEFEO, XVI) và ông Hoàng Xuân Hãn (Lý Thường Kiệt II, Ch. X) đã nêu lên sự sai lầm ấy. Toàn thư (q. 2) chép rằng năm 1036 đổi Hoan châu làm châu Nghệ An, Việt sử lược (q. 2) chép rằng năm 1101 đổi Hoan châu làm phủ Nghệ An, như thế có nghĩa rằng năm 1101 thăng châu Nghệ An làm phủ Nghệ An. Để chỉ vị trí ngày nay của các châu chép trong Việt sử lược và Toàn thư, chúng tôi phần nhiều bằng cứ vào lời của sách Cương mục (Tb, q. 2, 3, 4, 5). Năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 11. Xem Cương mục, Chb. q. 6, 21; Lịch triều hiến chương loại chí, Dư địa chí. Gần đây Viện Sử học có nhận được bản sao một cái mộc bài người ta mới đào được ở xã Thụy Khúc huyện Thụy Anh tỉnh Thái Bình, có lẽ mộc bài dùng làm tiêu chí của ruộng, trong ấy có những chữ Thiên Trường Long Hưng phủ an phủ sứ ty, thuộc đời Thiệu Long (năm 12). Điều ấy chứng tỏ rằng Thiên Trường và Long Hưng trước kia là hai lộ hay phủ bấy giờ đã được gộp làm một phủ mà chỉ đặt một an phủ sứ ty. Cương mục, Chb. q. 11, tờ 28a. Cương mục, Chb. q. 10, 46b, 50b Thành Thuận Châu là ở địa điểm Cổ thành huyện Triều Phong tỉnh Quảng Trị; thành Hóa Châu là ở địa điểm Cổ thành huyện Quảng Điền tỉnh Thừa Thiên. Cương mục chép là Tân Yên, nhưng có lẽ là Tân Hưng vì đến năm Vĩnh Lộc thứ 5 nhà Minh mới đổi phủ Tân Hưng làm phủ Tân Yên. Trong sách An Nam sử nghiên cứu I, Sơn Bản Đạt Lang có nghiên cứu kỹ về vị trí các phủ châu huyện nước ta trong thời kỳ thuộc Minh. Những tài liệu căn bản mà ông dùng là sách Đại Nam nhất thống chí và tập bản đồ 1/100.000, đó cũng là những tài liệu chúng tôi dùng. Có những điều rất thông thường mà ai dùng tài liệu ấy cũng có thể nhận định được, cho nên giữa những nhận định của ông và những nhận định của chúng tôi cố nhiên là có những chỗ giống nhau, nhưng cũng không phải là ít chỗ khác nhau. Ở đây chúng tôi chỉ nêu lên những điểm tương đồng mà chúng tôi cho là nhận định độc đáo của Sơn Bản Đạt Lang và những điểm khác nhau chúng tôi thấy cần phải thảo luận, còn những điểm thông thường thì xin miễn nhắc ý kiến của Sơn Bản Đạt Lang để khỏi rườm rà vô ích. Danh sách của sách Thiên hạ quận quốc về việc đổi tên phủ, châu, huyện không viết đến sự đổi tên huyện Đông Quan làm huyện Cổ Lan. Chúng tôi bằng vào Nhất thống chí mà chép tên huyện Đông Quan. Do An nam sử nghiên cứu 1 dẫn. Theo sự lệ thuộc ở đời thuộc Minh thì châu Yên Bang lệ vào phủ Tân Hưng. Ở đây chúng tôi theo tình hình đời Trần mà tách Yên Bang ra làm một lộ, tức lộ Hải Đông của đời Trần. Sơn Bản Đạt Lang, An Nam mậu dịch cảng Vân Đồn. Trong danh sách phủ châu huyện của nhà Minh đã có huyện Tập Yên thuộc châu Tĩnh Yên phủ Tân Yên, lại có huyện Tân Yên thuộc phủ Lạng Sơn. Xem vị trí của hai huyện Tân Yên ấy thì thấy khác nhau. Huyện Tân Yên phủ Lạng Sơn năm Vĩnh Lạc 13 bị gộp vào huyện Đồn Ba thì phải là ở về phía đông nam Lộc châu, mà huyện Tân Yên thuộc phủ Tân Yên thì chính là huyện Tiên Yên tỉnh Hải Ninh ngày nay. Chúng tôi đoán rằng đời Trần có lẽ chỉ có một huyện Tân Yên thuộc lộ Yên Bang, nhà Minh tách ra đặt một huyện Tân Yên thứ hai cho lệ vào phủ Lạng Sơn, rồi đến năm Vĩnh Lạc thứ 13 lại bỏ mà gộp nó vào huyện Đồn Ba. Có lẽ ta gọi là Chi Lăng mà người Minh gọi là Kê Lăng, vì theo tiếng Trung Quốc hai chữ Kê và Chi gần như đồng âm. Tên huyện ở đời

Trần có thể cũng là Chi Lăng, nhưng vì chưa có chứng cứ chính xác nên chúng tôi vẫn để tên Kê Lăng theo danh sách của nhà Minh. An Nam chí [nguyên] (q.2) chép ngạch phú cống năm Vĩnh Lạc thứ 15 đã chép một cách giữ thể diện rằng: “Nay trừ một phủ Thăng Hoa, nhân dân chưa phục nghiệp”. Sách Hoàng Minh thực lục là do sách An Nam sử nghiên cứu 1 của Sơn Bản Đại Lang dẫn. Do An Nam sử nghiên cứu 1 dẫn. Gần đây người ta gọi là Hiệp Sơn. Sau khi nhượng đất ở miền sông Soi Ráp và cửa Soi Ráp cho chúa Nguyễn, người Chân Lạp ở đây rút về miền biên giới Việt Miên ở khoảng phía bắc tỉnh Định Tường đời sau, vẫn giữ tên quê cũ của họ là Soi Ráp. Xem “Essai d’histoire des populations montagnardes du Sud - Annam jusqu’en 1945” của Bu-rốt (B. Bouroute), trong B S E I, premier trimestre, 1955; Phủ biên tạp lục, của Nguyễn Tấn. Bắt đầu gọi là Bắc Kỳ thập tam tỉnh là từ năm Minh Mệnh thứ 15 (xem Minh đô sử, q. 85, tập 37, mục “Hà Nội”). Pelliot. “Les deux itinéraires de Chine en Inde”, BEFEO.IV. Maspéro, Le Royaume de Champa. Từ trước người ta đều giải thích việc này là Lê Hoàn cho đào kênh từ Đan Nê đến sông Bà Hòa. Nhưng xét địa thế, từ Đan Nê ở Yên Định đến Bà Hòa ở phía nam huyện Tĩnh Gia nhiều núi non cách trở, không thể có đường kênh được. Tưởng nên hiểu là Lê Hoàn thấy đường bộ từ Đan Nê đến phía nam Tĩnh Gia đường đi vất vả nên sai đào kênh tục gọi là sông Nhà Lê để có thể từ sông Đáy đi luôn đường sông mà vào Nghệ An được. Trong các tác phẩm trước, chúng tôi cũng phạm sai lầm ấy. Toàn thư, q.1. Cương mục dẫn Đại Thanh nhất thống chí nói rằng thành Phật Thệ ở xã Nguyệt Biều, huyện Hương Thủy, phủ Thừa Thiên là sai. Nhất thống chí của ta chép rằng phế thành Chá Bàn là ở khoảng giữa hai huyện Tuy Viễn và Phù Cát, là đô thành xưa của Chiêm Thành. Cương mục chú rằng núi Ma Cô tức là núi Lễ Đễ, ở ngoài biển thuộc huyện Kỳ Anh. Nhưng Nhất thống chí (Quảng Bình) lại chép núi Lễ Đễ, tức núi Ma Cô, là ở phía bắc huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình. Xét Lý Thái Tông đi đánh Chiêm Thành đến núi Ma Cô rồi đến vụng Hà Nảo mà chúng tôi đoán là vụng Chúa thì núi Ma Cô ở ngoài biển phía nam huyện Kỳ Anh là đúng, có lẽ là Mũi Don hay hòn Sơn Dương ở phía nam cửa Khẩu huyện Kỳ Anh. Vụng Hà Nảo, Việt sử lược chép là Truy Loan, tức vụng Truy, chúng tôi đoán là vụng Chúa, tức Tự Loan. Phủ biên tạp lục chép rằng bãi biển cửa Nhật Lệ đến cửa Minh Linh tức cửa Tùng, là Đại trường sa, từ cửa Việt đến cửa Tư Dung là Tiểu trường sa. Hoàng Xuân Hãn, Lý Thường Kiệt I. Hoàng Xuân Hãn, Lý Thường Kiệt I. Xem thêm G.Maspéro, Le royaume de Champa. G.Maspéro, L’empire Khmer, Pnom-Penh, 1904. A. Leclerc, Histoire du Cambodge, Paris 1914. Theo L’empire Khmer, G. Mát-pê-rô cho rằng vì việc tranh lập, con vua nước Chân Lạp cầu cứu với chúa Nguyễn, chúa Nguyễn nhân cơ hội ấy phát binh đánh Chân Lạp. Đó là lần đầu tiên chúa Nguyễn lợi dụng cuộc nội tranh của vương thất Chân Lạp. Đại Nam thực lục tiền biên, q. 4. Theo tài liệu Việt Nam, Đại Nam thực lục tiền biên, q. 5. L’empire Khmer, G. Maspéro thì chép thể thứ các vua Chân Lạp hơi khác. Xem Phủ biên tạp lục, q. 1 ; Đại Nam thực lục tiền biên, q. 7; Đại Nam Việt truyện chính biên sơ tập, q. 31 ; Gia Định Thông Chí. P.Boudet, “La conquête de la Cochinchine par les Nguyễn et les émigrés chinois” BEFEO. XLII. Khâm châu chỉ của Trung Quốc thì chép rằng: “Nhà Mạc xin trả lại những đất họ đã lấn của nội địa. Bèn sai đô chỉ huy sứ là Vương Tướng phân định cương giới, dựng mốc đá và thề, động Kim Lặc lấy sông Đàm Lân làm giới hạn, động Liễu Cát lấy sông Mang Khê làm giới hạn, động Tư Lãm (sử ta chép là Tư Phù) lấy sông Tam Kỳ làm giới hạn, động Cổ Sâm lấy sông Cổ Sâm làm giới hạn”. Mười châu: Tức là mười châu đất Quảng Nguyên mà nước Nam Hán trước kia đã phong cho Nùng Dân Phú làm thủ lĩnh. Hoàng Xuân Hãn, Lý Thường Kiệt 1. Châu Vy Long: Toàn thư chép rằng: năm trước [1012] người Man vượt qua Đồng Tru, đến bến Kim Hoa để buôn bán với châu Vy Long. Vua sai người đến bắt người Man và hơn sáu vạn con ngựa. Đến nay châu Vy Long làm phản, phụ vào người Man, vua thân chinh đánh dẹp. Toàn thư lại chép rằng năm 1014, tướng Man là Dương Trường Húc và Đoàn Kinh Chi đem hai mươi vạn người vào cướp, đóng ở bến Kim Hoa, sắp đặt lại quân dinh gọi là trại Ngũ Hoa. Châu mục châu Bình Lâm là Hoàng An Vinh làm tờ tâu lên. Vua sai Dục Thành vương đi đánh dẹp. Theo Cương mục chú thì châu Bình Lâm là ở miền huyện Quảng Nguyên tỉnh Cao Bằng, tức bến Kim Hoa cũng ở miền ấy. Cũng theo Cương mục chú thì châu Vy Long thời thuộc Minh đổi làm châu Đại Man, là đất huyện Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang ngày nay. Châu Định Nguyên: Toàn thư (bản, q.2) chép rằng vua thân chinh châu Định Nguyên, tháng 8 xuất quân, đến Đăng châu thì Đào thị dâng con gái, vua nạp làm phi; ngày 17 đến Định châu, Đăng châu nay là miền Phú Thọ, do đó ông

Hoàng Xuân Hãn (Lý Thường Kiệt 1) đánh Đinh châu là ở miền Yên Bái. Văn Uyên: nay là huyện Văn Uyên tỉnh Lạng Sơn. Đô Kim: nay là huyện Hàm Uyên tỉnh Tuyên Quang. Thường Tân: có lẽ cũng thuộc miền Tuyên Quang Hà Giang, không rõ ở đâu. Bình Nguyên: đời Lê đổi lại làm Vỹ Xuyên, nay là huyện Vỹ Xuyên tỉnh Hà Giang. Quảng Nguyên: đời Lê đổi làm Quảng Uyên, tương đương với miền các huyện Quảng Uyên, Phúc Hòa và Thạch An tỉnh Cao Bằng ngày nay. Na Lữ: Nhất thống chí (Cao Bằng) chép rằng ở phía tây huyện Thạch Lâm, trong núi phùng Na Lữ còn có thành đất chân xây bằng đá. Nùng Tồn Phúc hẳn là giữ thành ấy. Na Lữ ở phía Tây thị trấn Cao Bằng. Đại Lý: Đời Đường người Nam Chiếu dựng nước ở miền Vân Nam gọi là nước Đại Mông, kinh đô là thành Thư Dương, tức huyện Đại Lý ngày nay; sau đổi làm nước Đại Lễ; đến đời Ngũ đại do Đoàn Tư Bình chiếm, lại đổi là nước Đại Lý. Qui Hóa châu, Thuận An châu: Trung Quốc địa danh đại từ điển nói rằng châu Qui Hóa đời Tống trị sở ở tại huyện Nghi Sơn tỉnh Quảng Tây. Nhà Tống đặt chân ấy với đất Vật Dương do Nùng Trí Hội nộp, mà châu Thuận An thì nhà Tống đặt tên với đất Vật Ác do Nùng Tôn Đản nộp và các đất Lôi Hỏa, Kế Thành, Ôn Nhuận. Theo lời tri châu Ung Châu là Lưu Sở thì khi Lưu Kỷ nộp Quảng Nguyên cho Tống (1076-1077), nhà Tống lấy châu Thông Nông cho Trí Hội; đất Thông Nông là đất tách ở Quảng Nguyên ra tất phải ở sát với châu Qui Hóa mà Trí Hội đã được coi. Hiện nay ở phía tây Cao Bằng còn có làng và tổng Thông Nông. Việt sử lược chép rằng khi Nùng Trí Cao khởi nghĩa thì lấy đất Vật Dương thuộc châu An Đức. Hiện còn có địa điểm An Đức ở phía tây châu Qui Thuận của Trung Quốc. Đất Lôi Hỏa (hay Hỏa Động, theo Tư tri thông giám trường biên) thì không còn tên, nhưng có Hỏa Động ở phía nam Tĩnh An là trị sở châu Qui Thuận, có thể đó là Hỏa Động đời Tống. Vả chẳng theo lời tâu của tri châu Quế châu là Hùng Bản thì “các châu Qui Hóa Thuận An là đất cổ hòng của Hữu Giang, chế ngự các đường trọng yếu đi các nước Giao Chỉ Đại Lý”. Như thế thì hai châu ấy tất là ở về châu Qui Thuận tỉnh Quảng Tây ngày nay. Có thể tên Qui Thuận là do hai tên Qui Hóa và Thuận An hợp lại mà thành. Tóm tắt những luận chứng của ông Hoàng Xuân Hãn như trên, chúng tôi tán thành ý kiến cho rằng đất Vật Dương, Vật Ác là một dải đất phía bắc biên thủy huyện Thạch Lâm, tức phần tây bắc tỉnh Cao Bằng ngày nay. Do Phương Đình dẫn. Sự xác minh đường biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc do nước Pháp và nước Trung Hoa tiến hành sau Hòa ước Thiên Tân năm 1885 không thay đổi gì về tình hình biên giới của hai nước ở phía này.. Do Phương Đình dẫn. Sau khi thực dân Pháp đã xâm lược nước ta, đã từng xảy ra cuộc tranh chấp biên giới giữa nước Pháp và nước Xiêm. Nước Xiêm muốn nhân cơ hội nước ta suy vong mà lấn chiếm miền đất Ai Lao thần phục nước ta từ đời Minh Mệnh. Nhưng nước Pháp, một mặt mượn cớ rằng những đất ấy vốn là của đất nước Việt Nam, một mặt sai phái đoàn Pa-vi (Pavie) đi dụ dỗ các tù trưởng người Ai Lao, đã buộc nước Xiêm phải ký hiệp ước năm 1893 nhận từ bỏ những đất Ai Lao ở hữu ngạn sông Mê Kông cho Pháp chiếm lãnh. Nước Pháp bèn đem đất các phủ Trấn Nam ở phía tây Thanh Hóa, các phủ Lạc Biên, Trấn Ninh, Trấn Biên, Trấn Định, Trấn Tĩnh ở phía tây Nghệ An cùng chín châu thuộc đạo Cam Lộ cho vào khu vực Hạ Lào mà họ đã tổ chức với những đất khác đã chiếm được của Ai Lao. “La frontière de l’Annam et du Cambodge du VIIIe au XVe siècle”, BEFEO, XVIII. Do Pen-li-ô dẫn trong bài “Hai lộ trình từ Trung Quốc sang Ấn Độ”, BEFEO IV. Eric Seidenfaden “Complément à Pinventaire descriptif des monument du Cambodge pour les quatre provinces du Siam oriental, BEFEO, XXII, tr.56. Hoàng Thịnh Chương, Văn Đan Quốc, Lão qua lịch sử địa lý tân thám, trong Nghiên cứu lịch sử số 5, 1962. Về đường tiến quân của quân Nguyên, sách Việt sử thông giám cương mục, tham khảo Nguyên sử nên chép kỹ hơn Toàn thư, nhưng vì đặt sai vị trí các đèo ải nên chép sai cả, chúng tôi không dẫn. Duy có một điểm không đúng là núi Châu Cốc, tức Hang Sơn, không ở trên dòng sông này mà chính ở tả ngạn dòng sông Thủ Chân trong địa phận huyện Đông Triều kia. Đó có thể là một điểm sai lầm của các tác giả. Điểm này sai, vì Trúc Động thực tế lại ở trên nhánh chép là nhánh thứ hai ở dưới này kia. Nếu sông Bạch Đằng ở vị trí như ngày nay thì phải nói: trên tiếp sông Giáp Giang (sông Đá Bạc) rồi hợp với sông Đô Lý (sông Giá) mà ra biển. Trước khi người ta đắp con đê giữ nước sông Chanh ở trong lòng nhỏ (năm 1925) thì những khi nước lớn, nước sông vẫn tràn ngập cả bãi sù ở bến sông. Chúng tôi chỉ xin tóm tắt ức thuyết về sự thành lập Hồ Tây; xưa kia sông Hồng chảy theo khúc ngày nay đã trở thành Hồ Tây mà sao sông Đuống là dòng chính. Về sau sông Hồng đương chảy từ Tây sang Đông lại xói đất mà cho một phần lớn nước chảy về phía đông nam, do đó nước không

vào khúc Hồ Tây nữa, mà những đất xói ở phía đông các làng Phú Gia, Phú Thọ thì bị kéo về phía đông nam mà thành hai bãi cát đóng hai cửa của khúc Hồ Tây, thành hai làng Quảng Bá và Nghi Tàm. Nước sông Hồng do đó không chảy từ khúc Hồ Tây sang sông Đuống nữa, đồng thời phù sa đọng lại đã làm thành bãi cát đóng cửa sông Đuống. Muốn cho sông Đuống vẫn thông được, người ta đã phải đào một khúc ở đầu, từ Xuân Canh đến Đông Ngàn (xem ý kiến của ông Nguyễn Thiệu Lâu về sự thành lập Hồ Tây ở bài “Địa lý lịch sử miền Hà Nội” trong tạp chí Nghiên cứu lịch sử số 17, 1960). Sách Lĩnh Nam trích quái thuộc đời Trần chép truyện Rùa vàng, đã gọi sông Thiên Đức là Tiểu Giang, tức sông nhỏ. Theo các thi nhân đời Trần mô tả thì sông Bạch Đằng ấy bấy giờ quả là một nơi hùng tráng hiểm yếu thực. Bài phú Bạch Đằng giang của Trương Hán Siêu có những câu: “Tiếp kênh ba ư vô tế, trăm diên vĩ chi tương mâu. Thủy thiên nhất sắc, phong cảnh tam thu. Chữ định kỷ lô, sắc sắc sưu sưu” (Trong bát ngát nổi sóng kênh, ngọn sóng bạc như đuôi diều vãn vít. Nước trời một bức, phong cảnh ba thu. Lau bãi sậy ghềnh, vi vu sào sạt). Bài thơ Bạch Đằng giang của Trần Minh Tôn có câu: “Giang thủy định hàm tà nhật ảnh, Thác nghi chiến huyết vị tăng can” (Mặt nước mênh mông chiều chiếu bóng, nghĩa là chiến huyết vẫn chưa khô). Ch. B. Maybon, Histoire moderne du pays d’Annam, Appendice I: “La Rivière du Tonkin,” Paris, 1919. Những cọc phát hiện ở tả ngạn sông Giá có lẽ cũng như những cọc ở Gia Đức đều là công sự hỗ trợ cho công sự chính là cọc đóng ngang sông Bạch Đằng. Về những cọc ở Đền Công và Vạn Muối thì chúng tôi chưa biết rõ vị trí nên không có ý kiến. Tức Ngô Thời Sĩ Kéo. (BT) Bắp đùi. (BT) Khoảng giữa thế kỷ. (BT) Trịnh Bồng là con cả Uy Nam vương, thuộc về ngành trưởng. Tướng của Nguyễn Hữu Chỉnh. Trịnh Bồng. Chỗ mọi người đều nghe, thấy. (BT) Khóm. (BT) Dòng chữ viết nhỏ đề tên họ và ngày tháng ở trên các bức họa hay các bức đối trướng. (BT) Bầu rượu khi về nên gương uống. Tờ mây lúc rảnh chớ năng coi Bông hoa trong động còn tươi mãi, Dòng nước vòng trần luống chảy xuôi! Bài này nguyên có tên là Tiên tử tống Lưu Nguyễn xuất động. (BT) Trong động cát xanh trời đất lạ, Bên cây lá thắm, tháng ngày dài. Dưới hoa ước có ai ra đó, Để chó nhà tiên khởi sủa người. Tiên tử tống Lưu Nguyễn xuất động. (BT) Ở đây ý nhắc đến bài Lưu Nguyễn động trung ngộ tiên tử. (BT) Lấy vợ khác, sau khi vợ trước chết. Nhất. Nhị. Tháng thứ hai của mùa xuân. (BT) Tức “cửa thành bị cháy, tai họa lây cả cá”, ý nói tới những tai họa do bên ngoài đưa đến một cách oan uổng. (BT) Lòi ra, trồi ra. (BT) 'Dân tộc ta vốn dòng dõi rồng tiên. Ruộng đất ta phì nhiêu, dài mấy trăm muôn dặm, đầy những núi non linh tú. Kể từ Hồng Bàng lập quốc tế đến giờ, lịch sử truyền nối hơn 4.000 năm, trải qua các triều đại Kinh Dương Vương, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, Lý, Trần, Hậu Lê rồi đến bản triều Nguyễn thị, mỗi đời kế tiếp mở mang bờ cõi thêm to, điểm tô non sông thêm đẹp. Phải biết tổ tiên ta đã tốn bao nhiêu thông minh, bày tỏ biết bao nhiêu thông minh, bày tỏ biết bao nhiêu nghị lực, hy sinh biết bao nhiêu máu thịt, mới xây dựng lên được giang sơn gấm vóc này để lại chúng ta.' Bồn bề. Roi. Chằng chịt. Chim đồ quỳên, chim quốc. Vầng. Mưa bụi, mưa phùn. Dứt, yên tĩnh. Chùa Ứng Tâm ở làng Cổ Thấp, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, thuộc tỉnh Bắc Ninh, bây giờ ở làng Đình Bảng, là nơi thờ nhà Lý. (*) Nhuộm. Hăm hở. Kết tử thọ thai. Ô uế. Giữ ở lại, chứa chấp. Ý nói chỉ có một manh áo mỏng. Ý nói chân đất bước thấp bước cao chậm chạp. Mang thai. (Hoặc khúc nhôi): nổi niềm khó nói, đầu đuôi sự việc. Tức lẻ loi, vợ chồng mất đi một người. Ngẩn ngui. (hay méc): mách lẻo. Lưu đầy 3 ngàn dặm. Mách lẻo. Gắn chặt, sâu đậm. Từ dùng cuối câu như muốn thuyết phục người nghe. Khâu từng mũi một. Miệng lưỡi thể gian. Chần chừ, do dự, không dứt khoát, không quyết tâm. Gò đất. Nồng nặc. Đồ đựng bằng gốm hình trụ tròn, có nắp đậy. Lè. Quay lại, xoay lại. Vớ. Xông tới, tiến thẳng đến. Bén bắng. Bọn trẻ con. Xoay, quay. Chấm gáy, dài kín gáy. Nhấc. Vích dốc: (ngồi hoặc nằm) bắt chéo chân, dáng điệu trích thượng. Ý cả câu là biết cái này mà không biết cái kia. Tiếng vật nặng rơi. Luồn. Tránh. Điện chớp. Ghim. Cơn giận. Trái. Bới móc. Cô độc một mình. Đưa người chết đến nơi chôn cất. Bày đặt, xếp đặt. Hầu gái. Lướt buột. Từ tự xưng thân mật với người vai dưới. Tái mét, tái le tái lét. Xắn. Hợp ý. Không nơi nương tựa. Ý là không nở khoanh tay đứng nhìn. Xuôi tình. Chọn ngày. Vợ chồng. Rút rề. (hay nói cả dọc) Nói một hồi. Hồ là cái cung, thỉ là mũi tên, ý chỉ chí nam nhi. Biển âm của “đã”. Cát nhất, ngày tốt. Chiều. (hay chun) chui. (Lông, tóc, vây) dựng ngược lên, sẵn sàng đánh trả. Bắt bồi thường. Cúng tổ tiên. Ý nói ở chỗ an nhàn. Ít ỏi. Nói tốt, nói hay. (hay Bảng hổ) Bảng vẽ hình con hổ dùng nêu tên những người đỗ Cử nhân, thời phong kiến. Thẹn thùng. Vầng. Giữ gìn, chăm lo cho cha. Dùng dằng, lưỡng lự. Siêu phàm

thoát tục. Mê mải. Túi bụi. Khoan dung, tha thứ. Té nhào, ngã nhào. Tôm. Đen thùi lùi, đen lùi lùi. Hoà lệ. Khăn xanh. Mài răng nghiêng lợi. Nửa là. Chớ có. (từ cũ) Lẳng tai, dỏng tai. Bất chấp kỷ cương, xem thường phép tắc. Cặp. Trối trật cánh khuấy. Tránh. Vô tội. Nửa vui nửa buồn. Giận lẫy, giận dỗi. (cũng gọi là sạt sành, vạc sành hoặc nhạc sành): con muồm muỗm. Lấy đi màu lệ Cầm tức. Lưng thưng. Ngắm nghía. (hay chòm) chòm dậy. Từng người. (hay chấp nhất): chê trách những chuyện nhỏ mọn, không đáng. Dáo dác. Sơn. Chân mày. Bụi tuôn gió cuốn. Cất bước. Té xỉu. Đều do. Phảng phất. Vật vã. Hầy, nên. Lỗ chỗ. Đầu vắn khăn nâu. Chia tay. Dáo dác. Sấm ghe. Bất kể. Mặc kệ, để cho tùy ý. Bầm đầu. (hay chộn rộn) nhốn nháo, lộn xộn. Phanh ngực. Quần tít. xỉ tiết. Tươi tắn, thoải mái trong lòng. Lò xòa. Mái chèo ngắn. Cắp tốc. Chìm ngấm. Giết chết. Bồng nhiên. Núi sông cách trở. Quá giang. Chỗ thủng. Hẩn hoi. Để lộ, tiết lộ. Đường nhỏ. Thấp thỏi ti tiện, thấp kém ti tiện. Ưc hiếp. Thông dong. Vớ. Lam lũ. Xoay xở. Có vẻ như. Xô, đẩy. Bung cả mảng, ròi cả mảng. Cô bất địch chủng, ít khó chống lại nhiều. Trọc phú. (hay phồn phở): rang rỡ, vui sướng. Rề rà, chậm trễ. Hắc Tông Lâm. Đui. Tất nhiên. Dò bầy. Vừa: đồ chứa, hình giống cái chén. Mụng vừa, vật dụng thời xưa dùng múc nước, được làm từ phân nửa cái gáo dừa. Dàn nhạc. Bài trí. Hoàn thuốc. (hay dầy): túi bằng vải, đựng đồ mang đi đường. Bền lên. Khâu từng mũi qua nhiều lớp để làm cho chắc. Ý ở đây là ghép lá để múc nước. Đu đủ. Biến âm của đã. Tiết lộ. Dừng bước. Từng đoạn từng hồi. Coi thường, xem thường. Chống nạnh. Tài sơ học thiển. Mãi. Máu nhuộm. Mậu Tuất Tiên phong. Diệt hang ổ. Hun đúc. Dón dác. Tinh thông. Trừ tặc. Ham sống sợ chết. Lục tục. Mưa rào. Bầm quẻ. (từ cũ) Cánh quân bên phải. Dong. (hay bồ cắt) Loài chim dữ, bay rất nhanh. (hay ngạc ngư) Cá sấu. Từng người. Đánh trống, đội đơn. Thì thầm nhỏ to. Bài báng, bài bác. Biếng nhác, trễ nải. (từ cũ) Loạn. Tại, ở. Huýt sáo gió. Cành cây có nhiều nhánh nhỏ. Đen trũi, đen nhẻm. (hay xà niêng) Là từ để chỉ một sinh vật huyền thoại lưu truyền phổ biến ở các tỉnh Tây Nguyên, Trung Bộ và Đông Nam Bộ. Thường xà niêng được kể là người đi lạc trong rừng lâu ngày nên biến thành vượn. Có mắt không trông. Dạ xoa. Vơ hết. Thua đậm. Lưng voi. Hung hăng. Khí giới. Đại thụ. Tại đây. Trục sẵn, khi cần thiết là hành động. Canh gác. Bầu bạn. Khái hoàn. Khốn đốn. (từ cũ) Sửa chữa lỗi lầm. Về ẩn cư. Thếp vàng. Hoa sầu liễu úa. Chặn, chặn. Phôi pha. Phôi pha. Đà: cây có vỏ màu nâu đỏ, dùng để nhuộm vải. Đồ đà tức áo nâu sồng, ý chỉ người tu hành. Nói pha trò. Rầu rầu. (hay bơi bn lang tịch) Mm chn ngổn ngang. Ý chỉ từng chn tạc chn th với nhau. Tiền hậu bất nhất. Thọ phạt. Thoi đưa điện chớp. Chênh bóng, chềch bóng. Dịu dờ. Dục dặc: dùng dằng, lưỡng lự. Nút. Đền đuốc. Tuông: xông bừa tới. Giông. Mang theo. Dây cương. Ban tặng, ban cho. Đơm. Tình cờ. Hung cát, tốt xấu. Tương lai, mai sau. Không nề hà. Huống hồ, huống chi, hơn nữa. Cà nhắc. Lâm râm. Cáu bần, ghét bần. Câu liêm: dao quắm hình lưỡi liềm lắp vào cán dài. Củi, gỗ, cành khô. Vít. Réo rắt. Thẹn thùng. Nồng nàn. Héo hon. Thư thả, trì hoãn. Kiêng nể. Lờm nguýt. Lơ đễnh. Trách mắng, quở mắng. Thỏa thuê. Giòn giã. Nóng vội. Bòm xòm, rối bù. Duyên vợ chồng khăng khít. Yokohama thủ phủ tỉnh Kanagawa của Nhật Bản. (BT) * Tất cả chú thích đề BT trong sách này là của người biên tập. Người Nhữ Nam thời Đông Hán. (BT) Lưu đan. (BT) Tòa án do thực dân Pháp lập ra để xét xử các vụ án chính trị. Phong trào quần chúng do các nho sĩ lãnh đạo. (BT) Kỳ Ngoại hầu Cường Đế (畿外侯彊柢; 1882-1951), Ông tên thật là Nguyễn Phúc Đan (阮福單), Hoàng thân triều Nguyễn (cháu năm đời của Nguyễn Phúc Cảnh), và là một nhà cách mạng Việt Nam vào đầu thế kỷ XX. (BT) Pyotr I: tiếng Anh là Peter I hay tiếng Pháp là Pierre I (sinh 10 tháng Sáu năm 1672 tại Moskva – mất 8 tháng Hai năm 1725 tại Sankt-Peterburg) là Sa hoàng của nước Nga cũ và sau đó là Hoàng đế của Đế quốc Nga (từ năm 1721). Ông được tôn là Pyotr Đại đế (hay Pierre Đại đế, Pi-e Đại đế, tiếng Nga: Пётр Великий, Pyotr Velikiy). Ông được xem là một trong những nhà cải cách kiệt xuất trong lịch sử Nga. (BT) Nước Tần. Sẵn sàng bỏ tiền của giúp đỡ người khác. (BT) Nghĩa là: xui khiến nên (từ cũ), giống như run rủi. (BT) Washington. (Từ cũ) Mật thám. (BT) Biết mình biết người. Số còn lại Thành phố tỉnh lỵ của tỉnh Battambang, Campuchia. Tòa án do thực dân Pháp lập ra để xét xử các vụ án chính trị. Giam, không cho ra ngoài. Tức lưu đày. Chỉ kẻ làm mật thám cho quân thù để hại đồng loại. (BT) Trốn, bỏ trốn. (BT) Singapore. (BT) Rầm rộ. (BT) Người làm chứng. (BT) Êm ruột. (BT) Không ngờ được, không liệu trước. (BT) Bình thản, bình tĩnh như thường. (BT) Quảng Châu Loan (chữ Hán: 廣州灣; tiếng Pháp: Kouang-Tchéou-Wan hay Kouang-Tchéou-Ouan) là một vùng đất ở miền nam Trung Hoa, ven bờ đông bán đảo Lôi Châu, thuộc tỉnh Quảng Đông. Khu

vực này từ năm 1898 là nhượng địa tô giới của Pháp ký với nhà Thanh hạn kỳ 99 năm nhưng đến năm 1946 thì đã hoàn lại Chính phủ Trung Hoa. Nay vùng đất này thuộc Trám Giang, tỉnh Quảng Đông. (BT) Tương truyền người bị hổ ăn thịt, cái hồn vẫn phải theo đuổi hổ, rình mò run rủi làm sao, có người khác cho hổ ăn, bấy giờ mình mới được siêu thoát. Đến lượt hồn sau cũng thế. Người ta gọi cái hồn đi bắt mỗi cho hổ như thế là tránh. Nhân đấy thành ra danh từ chỉ tỏ như kẻ làm mật thám cho quân thù để hại đồng loại. Kết án vắng mặt. (BT) Hay còn gọi là vả là đại từ chỉ người đàn ông mình coi thường. (BT) Cơ quan mật thám của Pháp, thời thực dân. (BT) Đầy người có tội đi xa. (BT) Tứ hung: Nhất Đạc, nhì Ke, tam Ma, tứ Bích tức là Darles, Ec kert, Delamarre, và Bride, bốn vị công sứ bao ngược xứ Bắc. Bà con ta gọi là tứ hung và xếp thành một câu ca dao. Tức làu thông, thuộc làu. Ở đây ý của tác giả là thông thạo tiếng Việt. (Bt) Việc vất vả mà người tù phải làm dưới sự kiểm soát của lính, thời thực dân. Kính yêu, cảm mến. (BT) (Tù cũ) điện báo, đánh điện. (BT) Năm 1913, khâm sứ Huế là Mahet tự tiện đào mả vua Tự Đức, vì nghe nói mả vua chôn theo rất nhiều bạc vàng châu báu. Muốn trốn tránh trách nhiệm, Mahet làm giấy bảo các cụ thượng bên bộ ký tên vào. Lúc ấy duy có Nguyễn Hữu Bài không ký, cũng như hồi năm 1907, Ngô Đình Khả không chịu ký tên vào giấy của triều đình xin bỏ vua Thành Thái. Nhân đấy ở kinh đô có câu phong dao “Bỏ vua không Khả, đào mả không Bài” (Phế quân vô Khả, quật chủng vô Bài). Vua Thành Thái bị phế năm 1907, người Pháp lấy cơ nhà vua rối loạn thần kinh, nhưng sự thật là vua không chịu ký nhượng Bắc kỳ làm thuộc địa. Vua Duy Tân bị phế năm 1916, sau cuộc khởi nghĩa thất bại. Cả hai cha còn đều bị đầy sang cù lao Réunion gần Phi châu. Việc đầu độc ở trại lính tây Hà Nội về mùa hạ năm 1908. Đảng viên cách mạng hợp với Đề Thám định đánh úp lấy Hà Nội cổ động được một số lính tập chiêu làm nội ứng, đánh thuốc độc vào đồ ăn của quân lính tây, rồi quân ở ngoài sẽ kéo về tiến công. Nhưng việc không thành, vì có kẻ phản bội, chỉ thu được kết quả là ít nhiều lính tây trúng độc chết. Năm 1909, một số Đông du học sinh ta hợp với đảng viên cách mạng Tàu nổi lên ở Lạng Sơn, giết Tây chết nhiều. Các cụ Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Đào Nguyên Phổ, Phan Tuấn Phong, Lê Đại, Dương Bá Trạc... lập trường Đông Kinh Nghĩa Thực bễ ngoài là cơ quan giáo dục, nhưng bề trong chính là công cuộc cách mạng kháng thực dân. Lúc ấy là năm 1907. Năm 1908, dân tỉnh Quảng Nam khởi lên phong trào kháng cự sưu thuế, kéo nhau đi hàng vạn người lên biểu tình ở trước tòa sứ. Phong trào ấy tràn lan tới các tỉnh Bình Định, Thừa Thiên, ra đến Nghệ, Tĩnh. Người Pháp lấy võ lực đàn áp, bắn chết lương dân vô số. Lòng người công phần lạ lùng. Năm 1913, Nguyễn Khắc Cần ném bom vào nhà hàng Hà Nội Hôtel, giết chết hai võ quan Pháp là Chapuis và Montgrand. Lúc bắt đầu Âu chiến 1914-1918, một nhóm ái quốc ở Nam phẩu, phần nhiều là người có chân trong hội bí mật Thiên Địa hội, họp nhau khởi nghĩa, tôn Phan Xích Long làm Minh chủ, để hiệu triệu dân chúng cho dễ, vì Xích Long là người tu hành nổi tiếng bùa phép. Phong trào này đại khái cũng như phong trào Kỳ Đồng và Thiên Binh ở Bắc, năm 1897. Tức Paris. Dịp may hiếm có, nghìn năm có một. Hạng hái, phần khởi. (BT) Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, khởi lên từ đêm 30 rạng 31 tháng Tám dương lịch, quân cách mạng chiếm giữ tỉnh thành từ đây cho đến quá trưa hôm 5 tháng Chín mới rút lui; tính ngày là 7 ngày, nhưng tính giờ thì được 5 ngày trọn. Hãy đọc Nguyễn Thái Học do Nhượng Tống biên soạn, Tân Việt xuất bản. Thê nô: cũng như thê tử, nghĩa là vợ con. Vân tiên: tờ mây. Đời nhà Đường chế ra thức giấy vẽ mây, gọi là Vân lam chỉ, để viết thư từ. Nhân đấy người sau gọi bóng thư từ là tờ mây. Hải Ninh: Thuộc về Móng Cái, giáp Đông Hưng nước Tàu. Phu nhân đi sang Tàu gặp ông Lập Nham về đón ở đó Định tỉnh: Sớm thăm tối viếng. Kinh Lễ dạy: Đạo người làm con, chiều hôm thì định, sáng sớm thì tỉnh. Định là buổi tối phải lo quét giường, trải chiếu, giữ chân, buông màn, để cha mẹ yên nghỉ; Tỉnh là sáng sớm hỏi thăm cha mẹ đêm qua có yên giấc không? Liên uyên tịnh phượng: Loài chim uyên ương và phụng hoàng, bao giờ con đực con cái cũng sống có đôi, bay sát cánh, không hề lìa nhau. Bởi vậy người ta lấy uyên ương và phụng hoàng, để ví với cảnh vợ chồng sum vầy hòa hảo, không lúc nào xa cách. Hiệp ước hòa chung: Ý nói âm nhạc hiệp vần hòa nhịp với nhau cũng như cuộc đời hòa hảo của đôi vợ chồng. Hồng nữ Vệ công: sự tích nàng Hồng Phất và Lý Tĩnh đời nhà Đường. Lúc ấy thiên hạ đại loạn, Lý Tĩnh còn là một người học trò hàn vi, có dịp đến ra mắt một nhà quyền quý đương thời, Hồng Phất có mắt xanh, đón biết anh hùng ở giữa trần ai, liền bỏ nhà đi theo họ Lý. Quả nhiên về sau Lý theo giúp vua Đường Thái Tông đánh Đông, dẹp Bắc, dựng nghiệp

thống nhất, được phong Vệ Quốc công. Cờ Ngũ tinh: có 5 ngôi sao. Ta xem đây có thể biết ông Lập Nham từ khi còn ở hải ngoại đã cùng các ban đồng chí dự bị một chương trình thực hành cách mạng, cả đến hiệu cờ cũng đã định sẵn. Đến năm 1917 ngọn cờ phấp phới trên tỉnh thành Thái Nguyên bảy ngày về tay cách mạng, tức là Ngũ tinh. Ninh gia: về thăm nhà. Người đàn bà đi lấy chồng lúc trở về thăm nhà mình, gọi là quy ninh hay là ninh gia. Nấm đất Cần Thơ: Cụ Cả Cương, thân phụ của Lập Nham phụ nhân vì cách mạng mà bị thực dân Pháp đưa vào an trí tại tỉnh Cần Thơ rồi cụ qua đời ở đó. Nam vang Lung cổ: Lúc này cụ Cử Nhị Khê, thân phụ ông Lập Nham đã bị Pháp bắt giam một độ rồi đưa sang an trí tại Nam Vang kinh đô nước Cao Miên. Dụ hậu quang tiền: Gây dựng người sau, rõ ràng đời trước; ý nói dạy dỗ con cháu cho nên người, rạng vẻ tổ tiên. Bĩ cực thái hanh: Hết lúc bĩ đến lúc thái. Cửa Nghĩa môn: Cổng nhà Lập Nham phụ nhân ở Động Trung, Thái Bình, đề hai chữ Nghĩa môn tự đời Tổ phụ để lại. Ôn Như: Biệt hiệu cụ Cử Nhị Khê. Theo Từ điển văn học (bộ mới), sách đã dẫn, tr. 383. Vũ Bằng, 40 năm nói láo, Nxb VHTT, 1993, tr. 174-175. Mục từ do Nguyễn Q. Thắng soạn, in trong Từ điển Văn học bộ mới, Nxb Thế giới, 2004, tr. 383. Vũ Ngọc Phan, Nhà văn hiện đại tập I, Nxb Khoa học – Xã Hội, 1989, tr. 466. GS. Trịnh Văn Thanh, Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển quyển I, tác giả tự xuất bản, Sài Gòn, 1966, tr. 220. Nguyễn Q. Thắng & Nguyễn Bá Thế, Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Nxb Khoa học – Xã Hội, 1992, tr. 127-128. Vụ mưu sát và binh biến trong hàng ngũ bồi bếp và binh lính người Việt Nam phục vụ cho quân Pháp đóng ở thành Hà Nội diễn ra ngày 27 tháng Sáu năm 1908. Mục đích của họ nhằm đầu độc quân Pháp để chiếm Hà Nội, thêm sự tiếp ứng và chỉ đạo từ bên ngoài của nghĩa quân Hoàng Hoa Thám, cùng với sự tham gia của Phan Bội Châu trông việc vạch kế hoạch để tạo cuộc khởi nghĩa đánh đuổi người Pháp. Peter Zinoman (2001). The colonial Bastille: a history of imprisonment in Vietnam, 1862-1940, trang 166. Trích Trần Huy Liệu Loạn Thái Nguyên, lực lượng Pháp có hơn 500 quân chính qui được trang bị trọng pháo. Những phong trào chống Pháp đầu thế kỷ XX Theo tài liệu này thì Lương Ngọc Quyến nhờ Trịnh Văn Cấn bản vào ngục để quyên sinh. Trần Huy Liệu, trang 111. Peter Zinoman (2001). The colonial Bastille: a history of imprisonment in Vietnam, 1862-1940, trang 167, 1. Tiềm Đế: Chỗ ở của các ông vua khi chưa lên ngôi. 2. Công chúa lấy chồng gọi là hạ giá. 3. Lê thứ: dân chúng 4. Theo Nguyễn Q. Thắng, “Diệp Văn Kỳ - nhà báo đòi tự do báo chí với Phan Yên báo” (in trong Hương gió phương Nam. NXB Văn học, 2011, tr. 129). 5. Theo Vương Hồng Sển, Sài Gòn năm xưa. NXB TP. Hồ Chí Minh, 1991, tr. 262. 6. Nguyễn Q. Thắng & Nguyễn Bá Thế, Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam. NXB Văn Hóa, 1999, tr. 90. 7. Theo Vũ Ngự Chiêu, Các Vua cuối nhà Nguyễn, 1883 - 1945, (Tập I, Văn Hóa 1999) thì ông được một đại điền chủ thuê đi học thay cho con trai để đối phó với chính sách cưỡng bức con cái các điền chủ người Việt đi học tiếng Pháp và chữ quốc ngữ. 8. Thủ đô nước Algérie - một thuộc địa của Pháp ở Bắc Phi, nơi vua Hàm Nghi bị đày năm 1889. 9. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam Thực lục, Tập Chín, NXB Giáo Dục, HN. 2007, tr. 323. 10. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đồng Khánh - Khải Định Chính yếu, NXB Thời Đại, TT VH NN Đông Tây, 2010, tr.120. 11. Theo Vũ Ngự Chiêu, Các Vua cuối nhà Nguyễn, 1883 - 1945, thì bà là vợ nhỏ của ông. Vợ lớn là tiểu thư của nhà đại điền chủ ở Gò Vấp, người đã thuê ông đi học thay con trai. 12. Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc, Nguyễn Phúc tộc Thế phả, NXB Thuận Hóa, 1996, tr. 391. 13. Xem thêm Nguyễn Đắc Xuân, Chín đời Chúa, Mười ba đời vua Nguyễn, NXB Thuận Hóa, 2001, trang 155. 14. QSQTN, Đại Nam Thực lục Chính biên Đề lục kỷ Phụ biên, NXB VHVN, TP. HCM, 2011, tr.92. 15. Các tài liệu ghi năm ra đời và năm đình bản của Phan Yên báo không giống nhau. Theo Từ điển bách khoa toàn thư Việt Nam thì đây là “tờ báo tiếng Việt thứ hai sau Gia Định báo, ra đời 1898, do Diệp Văn Cương sáng lập và làm chủ nhiệm, xuất bản được 7 - 8 số thì bị nhà cầm quyền Pháp đình bản vì đăng nhiều bài phê phán chủ nghĩa thực dân, đặc biệt là loạt bài ‘Đòn cân Archimede’ ký tên Cuồng Sĩ” (bản điện tử: Nguyễn Q. Thắng thì cho rằng “năm chào đời của Phan Yên báo có thể là năm 1897, hoặc 1898. Minh Hiền, trong bài “Sĩ Tài Trương Vĩnh Ký - Trên địa hạt Nhà văn hóa tiên phong làm báo bằng chữ quốc ngữ viết bằng văn xuôi”, cho biết “Phan Yên báo ra đời tháng 12 năm 1898, đến tháng 2 năm 1899, được 7 số thì bị cấm lưu hành”. TS. Huỳnh Văn Tòng, Báo Chí Việt Nam từ khởi thủy đến năm 1945 (NXB TP. HCM, 2000), cho rằng Phan Yên Báo (1898-1899) do Diệp Văn Cương biên tập, tr. 433. 16. Sáu nghị viên bản xứ bấy giờ gồm Trần Bá Diệp, Diệp Văn Cương, Dương Văn Mên, Nguyễn Xuân Phong, Phan Tấn Bình, Lê

Văn Trung. 17. Biên bản Hội đồng Quản hạt Nam kỳ, phiên họp 27 tháng 4 năm 1907, trang 31. 18. Lê Nguyễn, Thành cổ Sài Gòn và Mấy vấn đề về triều Nguyễn, Nhà xuất bản Trẻ 2006, tr. 69. 19. Theo sách Sài Gòn năm xưa. NXB TP. Hồ Chí Minh, 1991, tr. 263. 20. Bà cô của diễn viên điện ảnh Diễm My (sinh 1962) ngày nay. 21. Hương thơm của phương Nam. 22. Ngày nay đổi lại thành trường Bùi Thị Xuân. 23. Để độc giả có thêm thông tin về chuyện tình của Bảo Đại, chúng tôi xin trích dịch một đoạn hồi ký của chính Bảo Đại (Le Dragon d'Annam) nói về việc ông quen biết và hỏi cưới Hoàng hậu Nam Phương như thế nào. 24. Từng làm Khâm sứ Trung Kỳ, làm Toàn quyền Đông Dương và là người được vua Khải Định phó thác đỡ đầu cho Bảo Đại trong thời gian Bảo Đại du học tại Pháp. NĐX. 25. Biệt thự của ông bà Nguyễn Hữu Hào về sau thừa kế cho Hoàng hậu Nam Phương. Hiện nay vẫn còn ở số 4 Hùng Vương TP Đà Lạt. Bảo tàng Lâm Đồng cho phục hồi biệt thự cũ và tổ chức thành bảo tàng Hoàng hậu Nam Phương với tên gọi Cung Nam Phương. 26. Commis (tiếng Pháp) thầy ký. 27. Nguyễn Ánh tên đầy đủ là Nguyễn Phúc Ánh, sử sách thường viết là Nguyễn Ánh. Năm 1780, Nguyễn Ánh xưng vương, từ đó gọi ông là Nguyễn Vương. Cho đến năm 1802, Nguyễn Vương lên ngôi Hoàng đế với niên hiệu Gia Long. Những sự kiện diễn ra trong thời kỳ nào thì viết đúng tên gọi của thời kỳ đó: Từ khi sinh ra đời (1762) cho đến năm xưng Vương viết là Nguyễn Ánh hoặc Nguyễn Phúc Ánh, sau năm 1780 viết Nguyễn Vương, chỉ viết Gia Long từ sau năm 1802. Tuy nhiên dân gian tùy cách hiểu và sự tôn kính của họ, họ có thể gọi Gia Long ngay khi Nguyễn Phúc Ánh mới đến Nam Bộ vào năm 1775. 28. Trong Gia Định Thành Thông Chí của Trịnh Hoài Đức, ra đời từ đầu triều Nguyễn, tại Mục Toàn Thành Cương Vực có hàng trăm Thôn, Phường, Ấp, Điểm có chữ Long. Riêng ở tỉnh Tiền Giang ngày nay có đến 45 địa danh có từ Long (Theo Từ điển Tiền Giang, tập II). 29. Đề tài này tôi đã có ba bài viết: Giếng Ngự ở hòn đảo Ngọc, tạp chí Kiến Thức Ngày Nay, Số 685 ngày 20/8/2009, tr.8-11, sau đăng lại trong Nghiên cứu triều Nguyễn và Huế xưa, tập I, NXB Thuận Hóa 2011, tr. 69-71 (Viết về sự tích cái giếng của chúa Nguyễn Vương bên bờ biển đảo Phú Quốc)./ Về thăm Nước Xoáy (Hồi Oa) - nơi khởi đầu thời kỳ Trung hưng của nhà Nguyễn tại Nam Bộ, tạp chí Kiến Thức Ngày Nay số 521, Xuân Ất Dậu 2005, tr.47-51, sau đăng lại trong Nghiên cứu triều Nguyễn và Huế xưa, tập I, NXB Thuận Hóa 2011, tr. 63-68. / Năm 1783, Nguyễn Ánh có chạy ra Côn Đảo hay không? Tham luận Hội thảo khoa học, sau đăng web gacatholoc.net tại địa chỉ <http://gacatholoc.net/c16/t16-107/nam-1783-nguyen-anh-co-chay-ra-con-dao-hay-khong.html> 30. Tương truyền, xưa kia sau khi thất thủ trong trận quyết chiến tại Rạch Gầm - Xoài Mút (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) với quân Tây Sơn, chúa Nguyễn Ánh (chúa Nguyễn) quay thuyền lại đưa toàn bộ bầu đoàn thê tử ngược dòng sông Tiền tìm đường lánh nạn. Trên đường bôn tẩu, chúa Nguyễn phải ngâm ngùi bỏ lại sau lưng hàng trăm cung tần mỹ nữ dọc đôi bờ sông này cho thuyền bớt nặng. Những địa danh được cho là chúa Nguyễn chọn để các thê tử làm nơi tá túc, gồm: Nha Môn và Mỹ Luông (huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang). Lúc chia tay, chúa Nguyễn ban cho các mỹ nhân rất nhiều tiền vàng để tự tìm kế mưu sinh và dặn dò: “Ta đi chuyến này chắc khó có ngày đoàn tụ. Vì vậy, các nàng được phép “đi bước nữa” để sinh con đẻ cái...”. Và có lẽ vì thế mà từ xưa đến nay, vùng đất Nha Môn và Mỹ Luông luôn có nhiều gái đẹp. 31. Theo Thái Văn Kiểm, Đất Việt Trời Nam, An Giang xưa và Nay, NXB Nguồn Sống, SG 1960, tr. 55-56. 32. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam Thực Lục, Tập Một, NXB Giáo Dục, HN 2002; tr. 205. 33. Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, Quyển II, Bộ GD, TT học liệu xuất bản, SG 1971, tr.107. 34. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam Liệt truyện, Bản dịch của Viện Sử học, Tập II, NXB Thuận Hóa Huế 1993, tr.115. 35. Theo Nguyễn Huyền Anh, Việt Nam Danh Nhân từ điển, Khai Trí, SG 1972, tr.110 - 111. 36. Phạm Văn Sơn, Việt Sử Toàn Thư, tr.395. 37. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam Thực Lục, Tập Một, NXB Giáo Dục, HN 2002, tr. 632. 38. Thái Văn Kiểm, Đất Việt Trời Nam, An Giang Xưa và Nay, NXB Nguồn Sống, SG 1960, tr.56. 39. Trích dẫn theo Th.s Nguyễn Hữu Hiếu, An Giang trong lịch sử đồng bằng sông Cửu Long. Trích từ kỷ yếu Hội thảo Khoa học “Lễ hội đua bò Bảy Núi, An Giang”. 40. Tân Dân Tử tên thật là Nguyễn Hữu Ngời, sinh năm 1875, quê quán ở huyện Thủ Đức, tỉnh Gia Định, xuất thân trong gia đình có truyền thống Nho học, được học chữ Hán từ nhỏ, lớn lên học trường Pháp Việt nên am tường cả Hán văn và Pháp văn, tốt nghiệp trường Thông ngôn Sài Gòn, được bổ làm Kinh lịch ở Chợ Lớn, về sau được thăng chức Huyện hàm. Ông có hai đời vợ và hai người con. Ông mất năm 1955 tại Sài Gòn, hưởng thọ 80 tuổi. Tác

phẩm: Giọt máu chung tình. Tông đình thảm kịch (tiểu thuyết, 3 tập), Gia Long tấu quốc (tiểu thuyết 5 tập), Hoàng tử Cảnh như Tây (2 tập); Gia Long phục quốc, (4 tập), Tham ắt phải thâm (tiểu thuyết xã hội, 2 tập)... Tân Dân Tử đã viết bộ ba tiểu thuyết dài hơi về cuộc đời của vua Gia Long Nguyễn Ánh. Tân Dân Tử được xem là “nhà văn viết về sự nghiệp vua Gia Long đồ sộ và trọn vẹn nhất”. 41. Tập 4 Gia Long Phục Quốc của Tân Dân Tử, Phạm Đình Khương xuất bản, SG, 1932, tr. 257. 42. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 1, NXB Giáo Dục, Hà Nội, 2002, tr.227-232. 43. Đăng trên tạp chí Kiến Thức Ngày Nay, số 521 đặc biệt mừng Xuân Ất Dậu, 1/2/2005. 44. Theo sách các ngôi chùa xứ Huế trước đây còn có thêm một cây đại đao. 45. Con gái vua là Công chúa, chị em của vua là Trưởng công chúa, cô của vua là Thái trưởng công chúa, bà cô của vua là Thái thái trưởng công chúa. 46. Công chúa Ngọc Cơ (1808 - 1856) con gái thứ 13 của vua Gia Long và bà Nguyễn Thị Vĩnh (người Bắc Ninh), hạ giá cho ông Nguyễn Huỳnh Thành, nhưng sau ông Thành và hai người con đều chết. Bà chúa làm chùa Đông Thuyền để thờ mẹ và thờ bà. Bà hiến nhà đất cho dân Dương Xuân để đời đời thờ phụng cúng giỗ mẹ con bà. Chùa Đông Thuyền tọa lạc ngang lưng chừng đồi sau khu lăng mộ của Công chúa và Phò mã Phạm Thuật. 47. Báo Trung Bắc Tân Văn, số ra ngày 10-7 và 11-7-1924, dẫn lại từ Tuyển tập Đạm Phương nữ sử, NXB Văn Học, HN 2010, tr.206-210. 48. Trích Vĩ Dạ hợp tập. Chép lại trong Vua Minh Mạng với Thái y viện và ngự dược của Lê Nguyễn Lưu và Phan Tấn Tô, NXB Thuận Hóa, 2007, tr. 100. 49. Du Lịch Việt Nam, xuân 2005. 50. Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, Tập Một, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr. 217-218. 51. Trần Trọng Kim, Việt Nam sử lược, Bộ Giáo Dục, Trung tâm học liệu xuất bản, dùng bản đã số hóa; tr.146b và 147a. 52. Đại Nam thực lục Sdd, tr. 228. 53. Notion d’histoire d’Annam (Sơ lược lịch sử nước Nam) (viết chung với Russier, Hà Nội, IDEO, 1911). 54. Lectures sur l’Histoire Moderne et Contemporaine de Pays D’Annam de 1428 à 1926 (Bài đọc lịch sử cận và hiện đại nước Nam từ 1428 đến 1926) của Charles B.Maybon, Imprimerie d’Extrême-Orient, Hà Nội, 1927. 55. Lectures sur l’Histoire Moderne et Contemporaine de Pays D’Annam de 1428 à 1926, tr. 81. 56. Bình luận của nhà sử học Phan Khoang: “Ông Maybon nghĩ rằng các sách nói rằng bấy giờ Nguyễn Vương bị đuổi bắt và phải nhiều lần từ Côn Lôn chạy qua Phú Quốc và Phú Quốc về Côn Lôn; lại nói khi Tây Sơn biết Ngải ở Côn Lôn lại đem thuyền đến vây đảo này ba vòng. Nguyễn Vương bấy giờ đã mệt mỏi, không thể nào chạy được xa xôi nhiều vòng từ Phú Quốc đến Côn Lôn mà quân Tây Sơn cũng không đủ ghe thuyền mà bao vây Côn Lôn đến ba vòng. Vậy Côn Lôn đây có lẽ chỉ đảo KohRong (Cao-mán) trong vịnh Xiêm La, gần đảo Phú Quốc, nhỏ, quân Tây Sơn có thể vây ba vòng được”. Viết Pháp bang giao sử lược, Phan Khoang, Nhà in Nguyễn Văn Bửu, 1950, chú thích (1), tr. 51; hoặc Việt sử xứ Đàng Trong, Phan Khoang, Nhà xuất bản Khai Trí, Sài Gòn, 1970, tr. 647-648. 57. Quách Tấn - Quách Giao Nhà Tây Sơn, Sở Văn hóa và Thông tin Nghĩa Bình, Quy Nhơn, 1988, tr.105-106. 58. Marcel Gaultier, Gia Long, tựa của Toàn quyền Pirre Pasquier, S.I.L.I. C Ardin, Saigon, 1933, tr. 89-90, nhưng sách in sai là 93. 59. Marcel Gaultier, Sdd.tr. 90 nhưng sách in nhầm tr.93. 60. Marcel Gaultier, Sdd.tr 95. 61. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục chính biên, Đệ tứ kỷ, Q. XXVII, bản dịch tập 7, NXB Giáo Dục, HN 2006, tr. 733. 62. Cao Xuân Dục (chủ biên), Quốc triều chánh biên toát yếu, Nhóm Nghiên cứu lịch sử Việt Nam, SG 1972, tr.317. 63. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục chính biên, Đệ tứ kỷ, Q.XXVII, bản dịch, tập 7, tr.319, 783. 64. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục chính biên, Đệ tứ kỷ, Q.XXVII, bản dịch, tập 7, tr. 797. 65. Trích lại từ Võ Duy Dương với cuộc kháng chiến Đồng Tháp Mười, công trình biên khảo của Tổ nghiên cứu Lịch sử Dân Tộc, thuộc ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp, do Nguyễn Hữu Hiếu chủ biên, NXB Đồng Tháp, 1992, tr. 279. 66. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục chính biên, Đệ tứ kỷ, bản dịch, tập 8, tr. 81-82. 67. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục chánh biên, Đệ tứ kỷ, bản dịch tập 8, tr. 283, 461. 68. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam liệt truyện, Nhị tập, bản dịch, tập 3, NXB Thuận Hóa, Huế, 2006, tr. 181. 69. Trần Thị Sanh làm “vợ nhỏ” Trương Định vào năm kỷ Hòa ước Nhâm Tuất (1862) nhưng bà viết đơn nhận làm vợ nhỏ Trương Định hai năm, bắt đầu từ năm 1859 - năm Trương Định chưa cầm đầu nghĩa quân chống Pháp. Khai như thế để chứng tỏ bà không liên hệ gì với những hoạt động chống Pháp của Trương Định từ năm 1861 trở đi. 70. Thư viết tay vào tháng 3/1859 của Petrus Key (Trương Vĩnh Ký) gửi cho “sếp lớn” của Hải quân Pháp tại Gia Định, lưu trữ tại Văn khố Hải quân Pháp (Paris): SHM (Vincennes),GG2

99:2 do tiến sĩ sử học Vũ Ngự Chiêu sưu tập. 71. Chỉ quan quân nhà Nguyễn. 72. Kẻ thù của Trương Vĩnh Ký lúc đó là quan quân nhà Nguyễn, và Trương xác nhận mình là người cùng chung một chỗ đứng với quân viễn chinh Pháp (noa ennemis). 73. Như chú thích (2) trang 244. 74. Nguyễn Văn Trấn, Trương Vĩnh Ký con người và sự thật, TP. HCM 1993, trang 17). 75. Mẫn Quốc, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, HN, số 3/64 (60). 76. Nguyễn Thế Anh, Monarchie et fait colonial au VN, L'Harmattan, 1992, trang 138 77. Vũ Ngự Chiêu, Các nhà Vua dưới triều Nguyễn, tập 1, NXB Văn Hóa (Hoa Kỳ) 1999, trang 140). 78. Đại Nam Thực lục Chính biên, tập 37, bản dịch, Hà Nội 1997, trang 147. 79. Thư của Trương Vĩnh Ký gửi bác sĩ Chavanne, theo Khổng Xuân Thu. 80. Thư của Trương Vĩnh Ký gửi P. Bert ngày 17/7/1886, trích lại của Nguyễn Sinh Duy, Cuốn sổ bình sanh của Trương Vĩnh Ký, Nam Sơn, Sài Gòn, 1974, trang 78. 81. Mẫn Quốc, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, HN, số 3/64 (60). 82. Thư P. Ký gửi Paul Bert, ngày 4/11/1886, NVTrấn, sách đã dẫn, tr.90. 83. Như chú thích (2) trang 88. 84. Dương Kinh Quốc, Việt Nam, Những sự kiện lịch sử, tập 1, tr.34. 85. Petrus Ký, Erudit Cochichinois par Jean Boucht, Im. Commerciale, 1925, trích lại của Nguyễn Sinh Duy Sdd, tr.82. 86. Trích lại của Nguyễn Sinh Duy, Sdd, tr.84. 87. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam Thực Lục, tập Chín, NXB Giáo dục, 207, tr. 284). 88. P. Ký gửi Paul Bert ngày 5/10/1886, trích lại của Nguyễn Văn Trấn, Sdd, tr. 88). 89. Như chú thích (1) tr. 253, trang 90. 90. Như chú thích (1) tr. 253, trang 92. 91. Trương Vĩnh Ký có một người đồng châu là Nguyễn Văn Tạo cùng ở chung và cùng làm thông ngôn như Trương. 92. Theo báo Sông Hương, số 28, ngày 20/2/1937. 93. Như chú thích (1) tr. 253, trang 75. 94. T.V. Ký gửi vua Đồng Khánh ngày 27/9/1886, Nguyễn Sinh Duy, Sdd, tr.84). 95. Ngoài những vụ việc nêu trên, nhiều tài liệu còn cho biết chính T.V. Ký là người đã thiết kế kế hoạch cho vua Đồng Khánh tuần du hiểu dụ quân dân Quảng Trị - Quảng Bình trong mấy tháng, T.V. Ký cũng nhúng tay vào việc chiêu hồi vị tướng đã có nhiều chiến công Hoàn Kế Viêm. T.V. Ký đã tham mưu cho vua Đồng Khánh cử con cháu những nhà yêu nước đối phó với các lực lượng Cần Vương, tham mưu cho vua Đồng Khánh giao cửa biển Đà Nẵng làm nhượng địa cho Pháp. T. V. Ký đã chuẩn bị vai trò mới của mình sau khi Pháp đã bình định xong các lực lượng Cần Vương... Nhưng vì khuôn khổ bài viết không cho phép nên chúng tôi sẽ viết tiếp trong một dịp khác - NĐX. 96. Như chú thích (1) tr. 253, trang 94. 97. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 60, tháng 3/1963 và tham khảo thêm (Documents pour servir à l'histoire de Sai Gon par J.Bouchot, tr. 422). 98. Ông Nguyễn Văn Xuân sinh năm 1857. 99. Vua Tự Đức trị vì từ năm 1847 đến 1883. 100. Kinh là kinh đô, cũng gọi là đất Thần Kinh, đất Huế. 101. Tôn Thất là dòng họ nhà vua tức là họ Nguyễn Phước, con cháu 9 đời chúa Nguyễn, con cháu 13 đời vua có chữ lót theo bài thơ Đế hệ thi và bài thơ Phiên hệ thi. 102. Quan Thượng ở đây chỉ ông Cao Hữu Bằng, người Thừa Thiên, sinh năm 1799, đậu Cử nhân năm Ất Dậu (1825), đậu năm 1850 được cử vào làm Tuần phủ An Giang, rồi thăng lên làm hộ lý Tổng đốc An Hà (An Giang và Hà Tiên) cuối cùng làm Tổng đốc An Hà, mất vào tháng 7 năm Kỷ Vị (1859), (Theo Đại Nam Liệt truyện và Đại Nam Thực lục). 103. Tức là vua Tự Đức truyền dạy đưa quan tài ông Tổng đốc Cao Hữu Bằng về Huế. 104. Chưa biết thuộc huyện nào. 105. Chiêu an: Đồ dành quân đối phương hàng phục cho được yên, tức quân Pháp đồ dành quân của nhà vua nước Nam. 106. Quan trên của người Pháp chứ không còn của triều đình Nguyễn nữa. 107. Lang-sa dịch chữ Français. 108. Tư bề tức là bốn bề. 109. Mười tư tức là mười bốn (14). 110. Trò biện có lẽ là người học trò của lớp trước dạy lại cho lớp sau mới vào theo kiểu học chữ Nho ngày xưa ở Việt Nam. 111. Không hiểu nghĩa dưng lô là gì! 112. Nhộn nhàn có lẽ là rộn ràng. 113. Tỷ muội là chị em. 114. Tốt và xấu. 115. Tuyền là tròn, ven. 116. Chung sống với nhau đầm ấm, sớm tối có nhau, vui buồn có nhau. 117. Lươn dươn là lươn duyên tức là tình duyên tốt đẹp. 118. Thung huyền là cha mẹ. 119. Mai dong là mai mối, người thông tin hai bên nam nữ thuận tình cưới hỏi nhau. 120. Ngươn phối tức nguyên phối tức cưới hỏi. 121. Giây thép là Bưu điện (poste), tiên chinh là trước hết. 122. Bậu, tiếng xưng hô thân mật, có nghĩa là em. 123. Bàn bu rô tức bàn bureau, bàn làm việc, bàn giấy. 124. Tức Guichet, cửa thu tiền ở nhà Bưu điện. 125. Giấy loạn tức gây loạn. 126. Thác hoan sợ chết. 127. Mắc nạn. 128. Sơn đá tức là soldat, lính, chỉ lính Pháp, lính bản địa tập bắn súng để canh gác công sở gọi là lính tập. 129. Tức Matelot, thủy thủ, lính thủy. 130. Nửa đêm, giờ Tý, canh Ba đều chỉ lúc nửa đêm, từ 11 giờ đêm đến 1 giờ sáng. 131. Tức lính matelot, thủy thủ, lính thủy. 132. Lầm vồ, không hiểu chữ này có nghĩa gì. 133. Sơn đá tức soldat, ý nói lính Tây. 134. Đồn cự,

đồn lính cũ, đồn lính đã có từ trước. 135. Dây thép tức bưu điện. 136. Phía hậu tức phía sau. 137. Phía tiền tức là phía trước. 138. Giặc Cù La, không hiểu giặc gì, giặc đến từ Lào hay Thái Lan chăng? 139. Các chú tức người Tàu, người Trung Hoa. 140. Căn do là lý do, là nguyên nhân. 141. Hướng đạo, dẫn đường. 142. Quân đội là hai chức quân, chức đội chỉ huy quân đội xưa. 143. Khoảng nửa đêm. 144. Đồn trột hay đồn trọc? Chưa hiểu rõ được. 145. Rửa đường là gì? Chưa hiểu rõ. 146. Cửa trước. 147. Bửa là bổ, dùng dao, rựa tách ra làm đôi. 148. Nổi hỏa tức là nổi lửa. 149. Thất rồi tức là mất rồi. 150. Lẩn bắn, cũng nói là xẩn bắn, loanh quanh, không chịu rời ra. 151. Nghị là quyết nghị, bãi là bãi bỏ. Nghị bãi là quyết định bãi bỏ. 152. Đại Nam Thực lục Chính biên, T.III, NXB Sử học, Hà Nội 1963, tr. 24. 153. Bắc thành Địa dư chí, quyển 1, 2 bản chữ Hán và bản dịch của Đặng Chu Kinh, Phủ QVKĐTVH, SG. 1969, tr.4. Nham: Chữ viết nháp, viết thử. (BT) Những chủ thích đề BT trong sách này đều là của người biên tập Thống: Thứ chậu to, thường bằng sứ, dùng đựng nước hay trồng cây cảnh. (BT) Giấy quuyến: Giấy bản mỏng, mịn và đẹp, thường dùng để vẽ, viết bằng bút lông hoặc để cuốn thuốc lá. (BT) 4. Nhiều nhôi như nhiều nhận. (BT) 5. Quên lửng nghĩa như quên bẵng đi. (BT) 6. Xà mâu: (Từ cũ) vũ khí cổ có cán dài, lưỡi nhọn, dài và cong queo như hình con rắn. (BT) 7. Hèo: Loài cây thuộc họ dừa, giống cây song, thân thường dùng để làm gậy. Gậy được làm bằng thân cây hèo. (BT) 8. Thoi: Đánh mạnh bằng cánh tay đưa thẳng vào đối tượng. (BT) 9. Rủ: Thuyết phục người khác cùng đi, cùng làm với mình. (BT) 10. Khứng: Vui lòng. (BT) 11. Trần thiết: Bày biện sắp đặt. (BT) 12. Khổ hình: Sự trừng phạt nặng nề về thể xác. (BT) 13. Căng nọc: Nói lối đánh đập của phong kiến, bắt người có lỗi nằm dài rồi trói chân tay và đóng cọc để căng thẳng người ra mà đánh. (BT) 14. Nọc: Cọc đóng xuống đất để buộc người căng ra mà đánh, xưa bọn quan lại vẫn dùng để tra tấn. (BT) 15. Ớn ợt nghĩa như nhón nhột. (BT) 16. Ông xối: Máng dẫn nước. (BT) 17. Nhất sinh: Cả đời, một đời. (BT) 18. Kỳ vị: Mang màu sắc kỳ lạ, kỳ quái. (BT) 19. Nhục nhãn: Con mắt thịt của phàm phu, chỉ thấy trong phạm vi nhỏ hẹp; nếu bị vật gì che ngăn thì không thấy. (BT) 20. Ganh: Vú nuôi các hoàng tử cùng con quan. (BT) 21. Hối quá: Giận điều làm lỗi của mình. (BT) 22. Nữ tường: Tường thấp, ngày xưa xây trên thành, mặt tường lồi lõm, khoét lỗ để bắn, dùng để bảo vệ thành. (BT) 23. Cọp rọp: Bộ hay đau ốm, bộ già yếu. (BT) 24. Phì phận: Không phải phần việc của mình làm. (BT) 25. Vô cớ: Vô cớ, vô duyên vô cớ. (BT) 26. Ủy lạo: Vỗ về an ủi. (BT) 27. Tạm dịch: Ngang lưng đeo thanh gươm cổ, hơi tỏa như cầu vồng. Thề 1 lòng chung thủy trước thù nhà nhục nước. (BT) 28. Trúc: Đổ, đánh đổ, đổ sụp. (BT) 29. Thôi sơn hay đâm thẳng là chỉ một cách sử dụng đòn tay trong võ thuật. (BT) 30. Phương chi: Huống hồ, vả lại. (BT) 31. Bạt sơn: Nhổ núi, hình dung sức mạnh phi thường. (BT) 32. Hồi ty: Tránh đi hoặc né tránh. (BT) 33. Hình thuẫn: Hình bầu dục. (BT) 34. Bàng quan: Người đứng ở một bên mà coi, chỉ người ngoài cuộc. (BT) 35. Tuần tiểu: Đi các nơi để xem xét tình hình giặc cướp, giữ gìn trật tự. (BT) 36. Tránh trút: Lánh mình, không chịu làm việc gì. (BT) 37. Khôn thì sống mống thì chết: Biết kiêng cữ, biết nghe lời thì là vô sự. (BT) 38. Chăm chỉ nghĩa như chăm chú. (BT) 39. Vô loại: Không thành cái loài gì. Chỉ kẻ xấu xa, không phải loài người. (BT) 40. Tang: Vỏ trống bằng gỗ. (BT) 41. Hậu tập: Đi phía sau nhằm đánh úp quân địch. (BT) 42. Công phần: Lòng tức giận chung của mọi người. (BT) 43. Choa: Từ dùng để tự xưng, có nghĩa là ta, tao. (BT) 44. Đồn số của chiến thuyền Trung Hoa thời bấy giờ tính bằng hộc, và hạng lớn cũng được ba nghìn hộc. (Lời tác giả) 44. Đồn số của chiến thuyền Trung Hoa thời bấy giờ tính bằng hộc, và hạng lớn cũng được ba nghìn hộc. (Lời tác giả) 45. Bàng thính: nghĩa như dự thính, tức là ngồi một bên mà nghe. không được góp ý kiến, không được nhìn nhận là chánh thức. (BT)

Table of Contents

Lời giới thiệu	
PHO TƯỢNG NGỌC HOÀNG	
ĐÊM BA MƯƠI TẾT	
CÁI CỒ TIỀN SĨ	
LÊN ĐƯỜNG	
SẦY ĐÀN	
TRONG ĐIỆN VẠN THỌ	
TÂM LƯỚI CỦA HỌ TRINH	
LỄ DUY MẬT VỚI ĐẢNG ĐÌNH BẬT	
YÊN MẶC ĐẠO NHÂN	
ĐỘNG TRINH QUANG	
“THIỆN NAM ĐỂ TỬ”	
TÚ SÁCH ALPHA DI SẢN	